



Người và ngựa

Tranh khắc gỗ của Đinh Lục

mục lục

2 Bạn đọc và Diễn Đàn

thời sự & những vấn đề

1 Nền dân chủ an nhiên Nguyễn Quang

4 Tin tức

10 Thư khiếu oan Bà quả phụ Đặng Kim Giang

15 Sổ tay Kiến Văn

Hồ sơ : Nho giáo và Việt Nam ngày nay

20 Nho giáo đã thành vấn đề... ? Trần Đình Hượu

21 Nên đặt vấn đề như thế nào ? Nguyễn Kiến Giang

23 Từ kinh nghiệm các nước Đông Á Vĩnh Sính

27 Thái độ tinh thần Bùi Mộng Hùng

văn hoá & nghệ thuật

16 Lê Đạt và Bóng chữ Đặng Tiến

19 Đọc Nhật Tiến, Nhật Tuấn Vũ Huy Quang

30 Cúi mặt mà đi (phóng sự) Ly Hương

Cuộc bầu cử tổng thống Pháp

Nền dân chủ an nhiên

Nguyễn Quang

Sau cuộc bầu cử tổng thống Pháp — Jacques Chirac thắng Lionel Jospin ở vòng nhì với tỉ số phiếu 52,7 % — 47,3 % — không đi sâu vào tình tiết 1 chính trị nội bộ Pháp, ta có thể nêu ra mấy điều hiển nhiên mà mọi người có thể rút ra khi theo dõi diễn biến và kết quả cuộc tranh cử :

1. Nước Pháp của năm 2 000 nghiêng, nghiêng hẳn, về phe hữu. Tỉ lệ phiếu không thể hiện, nhưng ta thấy rõ điều này khi nhớ rằng : từ lâu phe hữu đã chiếm đa số ở Thượng viện ; năm 1993, 80 % ghế đại biểu Quốc hội về tay phe hữu ; đa số các vùng và các thị xã cũng do phe hữu kiểm soát. Với cuộc bầu cử tổng thống vừa qua, kim tự tháp chính trị của nước Pháp, từ đỉnh xuống đáy, đơn sắc một màu xanh của phe hữu.

2. Ở châu Âu, riêng Pháp (và có lẽ cả Bỉ) là nước đã “định chế hoá” cánh cực hữu : cực hữu không những có đại biểu khá mạnh ở cấp địa phương (nếu bầu cử Quốc hội theo phương thức sổ ghế tỉ lệ với số phiếu, thì chắc chắn phe cực hữu sẽ có nhiều ghế đại biểu), mà những ý kiến và ngôn ngữ cực hữu về những vấn đề xã hội gai góc đã phá tan mọi điều cấm kỵ và đã thu hoại ngôn ngữ chính trị cổ điển (chẳng hạn như khi người ta nói đến *seuil de tolérance* — giới hạn dung nạp — trong vấn đề nhập cư). Từ cuộc bỏ phiếu này sang cuộc bầu cử khác, Mặt trận quốc gia FN không giảm mà còn tăng số phiếu, đặc biệt trong những tầng lớp xã hội bị thiệt thòi nhất trong cuộc khủng hoảng. Các nhà phân tích cho rằng nhiều người bỏ phiếu cho Le Pen vì thách thức và uất hận. Đúng thế, nhưng điều ấy không che lấp một sự kiện nữa, là : với vòng một của cuộc tranh cử tổng thống Pháp, đảng FN đã trở thành đảng công nhân số 1 của Pháp !

3. Còn phái tả ? Bị đè bẹp trong cuộc bầu cử Quốc hội (1993), đọ ván trong cuộc bầu cử nghị viện Âu châu, phái tả đã dồn hết kỳ vọng của mình vào ông Jacques Delors, chủ tịch Uỷ ban Bruxelles của Liên hiệp châu Âu. Mọi người đều biết, người hùng của phái tả đã bỏ cuộc trước khi nhập cuộc. Trong điều kiện như vậy, mà ông Lionel Jospin, một ứng cử viên “hạng hai”, tuy được các đảng viên xã hội ủng hộ nhưng bị bộ máy ghẻ lạnh, chỉ trong vòng non hai tháng vận động vận vĩa, đã về nhất trong vòng phiếu đầu và giành được (xem tiếp trang 9)

Centre Culturel Franco-Vietnamien

24, rue des Ecoles, 75005 PARIS, ☎ [1] 43 29 60 89
(ouvert tous les jours, sauf le lundi)

programme de juin 1995

EXPOSITION DE PEINTURE :

M. Nguyễn Trinh Thai

du 1er au 30 juin (vernissage : vendredi 2 juin, à 18h)

EXPOSITION DE PEINTURE SUR SOIE :

MME Nguyễn Thị Trương Thành

du 1er au 30 juin (vernissage : vendredi 2 juin, à 18h)

CONFÉRENCES :

Dimanche 11 juin, à 16 h : *Réflexologie faciale*,
par **M. Lê Quang Nhân**

Vendredi 16 juin, à 18 h 30 : *Réformes économiques et
aménagement du territoire au Vietnam*, par **Christian
TAILLARD**, directeur de recherche au CNRS

RENCONTRE POÉTIQUE ET MUSICALE :

Claude MICOSKI présente **Carmela MOYA**, poète
Musique baroque française et anglaise avec **Michel
THIOLAT** (guitare) et **Anne GOYEN** (mezzo-sop.)
(dimanche 11 juin, à 16 h)

Fête de la musique : samedi 24 juin, à 18 h

Tin buồn

Chúng tôi được tin anh **Dương Minh Đức** đã từ trần
tại Chevilly-Larue (ngoại ô nam Paris) ngày 17 tháng
5.1995, thọ 49 tuổi. Lễ tang đã cử hành ngày 22.5.1995.

Diễn Đàn xin thành thực chia buồn cùng chị Thảo,
các cháu Phong, Cảnh và toàn thể tang quyến.

Bạn đọc

& **diễn đàn**

Gửi Hàn Thuỷ

Nhận *Diễn Đàn* số 40 thấy có bài của anh : mừng vì chỉ
sợ anh bỏ cuộc.

Tôi đọc *Diễn Đàn* mấy năm nay — đọc các bài của anh
và cũng nhiều lần viết thư cho anh nhưng ngần ngừ không
gửi vì cảm thấy xa lạ — nay nhân đọc bài *Đại lộ thông tin* —
đọc xong có đủ nghị lực thăm anh. Trước hết rất cảm ơn anh
đã bỏ thì giờ công sức viết bài bằng tiếng Việt cho độc giả
Việt Nam (...) Tôi dân chương trình Việt — chỉ học tiếng
Pháp những năm trung học — qua đây học lại lấy bằng
chuyên môn, tiếng Pháp vẫn không giỏi, nhưng không nản chí
— đọc không ngừng, chữ mon men đọc Claude Roy, Michel
Tournier — rất thích các loại sách viết về “idées” — nên vì
vậy rất thích các bài viết của anh.

N.O. (Montréal, Canada)

✍ Cảm tạ người đọc ở xa gửi đến những dòng rất khích lệ.
Người viết những loại bài phổ biến khoa học dĩ nhiên luôn
luôn tự hỏi, liệu có ích gì cho ai không ? Vì vậy đọc lá thư của
chị thật là được lên tinh thần. Nhận xét của chị thật tinh tế,
nhưng thưa chị, sẽ không bỏ cuộc. Chủ đề khoa học kỹ thuật
và văn hoá quả là vượt quá xa khả năng của người viết bài.
Chỉ biết sẽ cố gắng tới đâu hay tới đó... Phần tôi của bài viết
chưa xong mà đã quá dài nên lại phải tính toán lại để “đi”
lâm hai kỳ từ số sau. Hy vọng được hồi âm của bạn đọc, và
của chị.

Hàn Thuỷ

Những bài hát cần có số tù

Báo *Tiền Phong* chủ nhật số 12 (1995) ra ngày 19.3.95 có
bài “Sau phiên tòa ca sĩ Ngọc Sơn lại trở về với sân khấu ca
nhạc” cho biết : ca sĩ Ngọc Sơn do “nhận hát thu băng cho
Việt kiều ở Mỹ, trong đó có nhiều bài ở dạng ngoài luồng
không nằm trong quy định của Sở văn hoá” đã bị bắt giam
ngày 8.1.93. Tại phiên tòa xét xử ngày 4.1.95 (sau 3 lần đình
hoãn) “Toà án nhân dân TP Hồ Chí Minh đã tuyên phạt
Ngọc Sơn 12 tháng tù treo và 18 tháng thử thách, thu hồi
6 300 USD lợi nhuận bất chính từ việc hát thu băng đĩa ngoài
luồng và 4 400 000 ĐVN. Sau khi tòa tuyên án, Ngọc Sơn

DIỄN ĐÀN FORUM

Chủ nhiệm: Hà Dương Tường

Tổng biên tập: Trần Hải Hạc

Ban chủ biên: Trần Hải Hạc, Lê Văn Cường,
Nguyễn Ngọc Giao, Bùi Mộng Hùng, Hà Dương Tường

Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý:

Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lệ,
Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa, Văn Ngọc,
Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm,
Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyễn Thắng, Hàn Thuỷ,
Đặng Tiến, Nam Trân, Hoài Văn, Kiến Văn,
Hải Vân, Hoà Văn



Voyagez 1995
au Việt Nam
et rencontrez ses habitants

L'Union des Jeunes Vietnamiens de France vous propose cette année deux voyages au Việt Nam d'un mois en août. Vous avez entre 18 et 30 ans et vous souhaitez sortir du cadre des circuits touristiques. Le voyage “découverte du Việt Nam” ou le voyage “3 villes du Việt Nam” vous permettront autant de faire des visites que de rencontrer les habitants du Việt Nam.

DU 1^{er} au 29 AOUT 1995

PARTICIPATION AUX FRAIS

LE VOYAGE DÉCOUVERTE DU VIET NAM
11000 à 12000 Ffs

LE VOYAGE 3 VILLES DU VIET NAM
10000 à 11000 Ffs

UJVF Informations : 42 72 83 24

gần như không đi được, nhiều người thấy nước mắt của anh tuôn chảy... ". Đầu năm Ất Hợi, Sở văn hoá thông tin TP Hồ Chí Minh đã cho phép ca sĩ Ngọc Sơn trở lại sân khấu.

Chẳng hiểu mấy ông toà ở thành phố mang tên Bác xử ca sĩ Ngọc Sơn căn cứ vào những điều luật nào ? Hay là trong Bộ luật hình sự Việt Nam có điều quy định rõ những bài hát nào là " trong luồng ", những bài hát nào là " ngoài luồng " và người nào hát lầm hay cố ý hát lầm những bài " ngoài luồng " thì bị xử phạt giam trong khung hình phạt tù bao nhiêu tháng tới bao nhiêu năm ?

Thứ luật " chuyên chính vô sản " kỳ cục quá ta, chẳng cần ghi vào bộ luật cũng bỏ tù được, cũng xử án được. Để cải tiến công tác tư pháp của các vị công an và quan toà, có lẽ nên đặt số tù cho các bài hát " ngoài luồng ", như vậy các ca sĩ sẽ dễ thở hơn trước khi hát, còn các nhạc sĩ sáng tác sẽ không phải run rẩy khi cầm bút viết nhạc, nhỡ ra viết lầm phải bài nhạc " ngoài luồng " thì sao ?

Giáo Búp Đa (Mạc Tư Khoa, Nga)

✍ *Vậy có thơ rằng :*

Toàn ban Tư tưởng đứng canh luồng

Các vị phán rằng : ấy ái uông

Đến đây, người đánh máy cụt hứng, xin mời bạn đọc làm nốt bài thơ tứ tuyệt.

Về khía cạnh " nội chiến "

Tôi nghĩ biểu hiện rõ nét nhất là sự cầm súng bắn vào người cùng màu da, tiếng nói. Từ góc độ của một gia đình dù Nam hay Bắc đều thấy sự vô nghĩa và tàn bạo của cuộc chiến. Vấn đề của một xã hội độc tài (như thí dụ trong bài *Nhìn lại* đã nêu ra : phong trào Nhân Văn Giai Phẩm, cải tạo nông nghiệp...) làm cho người ta mất lòng tin nơi chế độ, cầm phần hay cúi đầu chịu đựng. Nó có thể dẫn tới nội chiến như đã từng xảy ra ở nơi khác, nhưng điều này đã không xảy ra ở Việt Nam. Có sự đứng giữa ngã ba đường của thành phần thứ ba, bất bình với cả hai chế độ Nam Bắc nhưng dù sao đi nữa, sự tàn bạo của cuộc chiến từ góc độ của một người dân bình thường có thể giải thích cho quan điểm " nội chiến "...)

Cuộc chiến tranh Việt Nam rất phức tạp vì có thể có nhiều cách nhìn (ý thức hệ, chiến tranh đại diện, quốc / cộng, nội chiến) tùy theo ở góc độ nhìn. Tuy nhiên, nội dung chính của cuộc cách mạng vẫn là xây dựng xã hội. Trong 20 năm qua, người dân chưa hề có điều kiện để chọn lựa mô hình xây dựng và người đại diện một cách tự do, dân chủ. Họ cũng chưa có những cơ quan, tổ chức, những diễn đàn công luận để kiểm tra, chất vấn... Đường lối chưa thực sự đi từ nhu cầu của xã hội, quyền lợi của dân tộc, mà hoặc vì tranh giành quyền lực, hay củng cố thế lực của đảng cầm quyền, hoặc chỉ để hợp thức hoá một thực tế không thể nào làm khác hơn được. Vì thế, không có con đường nào khác là hình thành ở Việt Nam một xã hội tự do dân chủ, pháp trị, có công luận được chấp nhận. Đó là cơ sở duy nhất của một xã hội tiến bộ.

V.H. (Zurich, Thụy Sĩ)

Đính chính Trong bài *Khoa học xã hội : sự lão hoá ghê gớm* (số trước, trang 8, cột 2), những chữ *học chạy, nghiên cứu chạy, dạy chạy*, xin đọc là *học chay, nghiên cứu chay, dạy chay*.

Giá biểu quảng cáo và rao vặt

Rao vặt : từ 1 đến 3 dòng : 50 F, từ dòng thứ 4 trở đi, mỗi dòng thêm 10 F (mỗi dòng chiều ngang 6 cm, khoảng 15 ký hiệu).

Quảng cáo :

1/8 trang :	180 F
1/4 trang :	300 F
1/2 trang :	550 F
1 trang :	1 000 F

(giá này chưa tính thuế TVA)

Đăng liên tiếp nhiều số báo

lần thứ hai : bớt 10 %
từ lần thứ ba trở đi : bớt 20 %

Chứng từ đăng tải : sau khi báo ra, toà soạn sẽ gửi hoá đơn và bản sao chụp trang có đăng quảng cáo hay rao vặt. Nếu muốn nhận nguyên số báo, xin thêm 25 F (tiền số báo + cước phí bưu điện)

Phiếu mua báo Diễn Đàn

Họ và tên

Địa chỉ

.....Điện thoại :

mua một năm báo Diễn Đàn kể từ số.....

Kèm theo đây là ngân phiếuFF

để tên DIEN DAN gồm :

.....FF là tiền mua báo (Pháp nội địa : 250 FF, châu Âu ngoài Pháp : 280 FF ; các tỉnh và lãnh thổ DOM-TOM của Pháp, và các nước ngoài châu Âu : 330 FF)

.....FF là tiền ủng hộ.

Xin gửi phiếu này và séc (hoặc *money order*) về địa chỉ : DIEN DAN, B.P. 50, 92340 BOURG-LA-REINE (FRANCE).

Riêng **bạn đọc ở Đức** có thể gửi séc 80 DM cho ông TRAN, Am Stadtpark 6, 92237 SULZBACH-ROSENBERG hoặc chuyển khoản vào trường mục (Überweisung)

TRAN (Bank : STADT & KREISSPARKASSE, SULZBACH-ROSENBERG, Konto : N° 21 09 700 BLZ 752 517 80)

Bạn đọc Bắc Mỹ chú ý : Để tránh phải trả hoa hồng khá nặng khi bạn đọc ký séc ngân hàng bằng đồng Franc Pháp, từ nay, bạn có thể ký trả 60 USD (một năm báo) và để tên HOANG NGUYEN, rồi gửi séc và phiếu mua báo về địa chỉ báo Diễn Đàn.

Tôi có những người bạn chưa biết báo *Diễn Đàn*. Đề nghị báo gửi tặng một số giới thiệu :

Tên họ.....

Địa chỉ.....

.....

.....

STUDIO sát biển tại **LA GRANDE MOTTE** cho thuê nghỉ hè. Đủ tiện nghi cho 4 người lớn và 2 trẻ em.

Từ 1 đến 15 juin : 2 200 F ; từ 16 đến 30 juin : 2 500 F

Từ 23 đến 31 juillet : 1 800 F

Từ 1 đến 15 sept. : 2 200 F ; từ 16 đến 30 sept : 2 000 F

Điện thoại : (16) 67 56 89 32

Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức

Chủ tịch Lê Đức Anh thăm Pháp và hai nước Trung Đông

Trước khi hết nhiệm kỳ, tổng thống Pháp François Mitterrand đã tìm được dịp đáp lễ nhà cầm quyền Hà Nội đã mời ông sang thăm Việt Nam hồi tháng 2.1993, bằng cách mời chủ tịch Lê Đức Anh sang dự lễ kỷ niệm 50 năm chấm dứt chiến tranh thế giới thứ hai.

Sau buổi lễ sáng ngày 8.5, ông Lê Đức Anh cùng phu nhân và các bộ trưởng tháp tùng đã đi thăm cuộc triển lãm Hồ Chí Minh ở thị xã Montreuil, ngoại ô Paris. Ngày hôm sau, cả đoàn đã đi Toulouse để thăm xí nghiệp Clément Adler của hãng Aérospatiale (nơi ráp các máy bay vận tải đường dài Airbus A-330 và A-340), và Marseille để thăm xí nghiệp sản xuất trực thăng của hãng Eurocopter.

Trong điện chúc mừng ông Jacques Chirac vừa đắc cử tổng thống Pháp, gửi từ Hà Nội ngày 8.5, chủ tịch Lê Đức Anh đã tỏ ý tin tưởng rằng “*các mối quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa Việt Nam và Pháp sẽ tiếp tục được tăng cường*”. Trước khi lên đường trở về nước, ngày 10.5, ông Lê Đức Anh đã đến chào tân tổng thống Pháp. Jacques Chirac đã sang thăm Việt Nam vào tháng 1.1994, lúc ấy với tư cách là đô trưởng thủ đô Paris và lãnh tụ đảng cầm quyền RPR.

Trước khi sang Pháp, ông Lê Đức Anh đã tới thăm hai nước Trung Đông Kuwait (từ ngày 1 tới 4.5) và Syria (4-7.5). Ở cả hai nơi, các bộ trưởng hữu quan tháp tùng chủ tịch Việt Nam đã ký kết với những người đồng sự sở tại các hiệp định hợp tác song phương về những địa hạt kinh tế, thương mại và kỹ thuật. (AFP 3, 7-9.5.1995)

✓ Thủ tướng Võ Văn Kiệt sẽ thực hiện một chuyến đi hai tuần thăm 5 nước Bắc Âu Thụy Điển, Phần Lan, Đan Mạch, Na Uy và Lục Xâm Bảo, từ ngày 28.5. Tin AFP từ Hà Nội cũng cho biết, cuối tháng 7 tới tổng bí thư Đỗ Mười cũng sẽ lên đường đi thăm các nước Úc và Tân Tây Lan.

Việt - Mỹ : chưa bình thường hoá

Lần thứ tư trong ba năm, tổng thống Bill Clinton lại gửi một đoàn đặc nhiệm đi Việt Nam để tiếp tục bàn về các vấn đề tù binh và quân nhân mất tích trong chiến tranh (POW/MIA). Đoàn gồm thứ trưởng bộ cựu chiến binh Hershel Gober, thứ trưởng ngoại giao Winston Lord và một viên chức cao cấp phụ trách POW/MIA của Lầu năm góc, đã tới Hà Nội ngày 15.5 và đã được thủ tướng Võ Văn Kiệt, tổng bí thư Đỗ Mười tiếp và đã làm việc với thứ trưởng ngoại giao Lê Mai, thứ trưởng quốc phòng Nguyễn Thái Bình trước khi lên đường sang Lào ngày 17.5. Tuy công khai thừa nhận sự hợp tác rất tích cực của phía Việt Nam về vấn đề POW/MIA, ông Gober từ chối bình luận về những bước tiếp theo của quá trình tiến tới bình thường hoá hoàn toàn quan hệ

ngoại giao giữa hai nước. “*Đây là chuyện của tổng thống Clinton*”, ông nói.

Ngày 23.5, hai thượng nghị sĩ John Kerry (Dân chủ) và John McCain (Cộng hoà), đều là cựu chiến binh trong chiến tranh Việt Nam, đã một lần nữa tới gặp Bill Clinton để tranh thủ tổng thống đẩy nhanh quá trình bình thường hoá. Tuy nhiên, sau cuộc gặp ông Kerry đã tuyên bố với báo chí là các ông đã không thảo luận cụ thể về một lịch trình nào.

Ngày 3.5, một viên chức cao cấp Hoa Kỳ khác, bà Nancy Ely-Raphel, trợ tá bộ trưởng ngoại giao phụ trách các vấn đề nhân quyền và nhân đạo, cũng đã tới Hà Nội để đàm đạo với những nhà hữu trách Việt Nam về các vấn đề này. Ngoài POW/MIA, vấn đề nhân quyền cũng thường xuyên được viện dẫn để gây sức ép lớn ngăn cản việc bình thường hoá. (AFP 3, 15, 17 và 23.5.1995)

✓ Theo tin Reuter ngày 14.5, một cuộc vận động (có lẽ từ phía một số người Mỹ) đang được tiến hành để các cựu bộ trưởng quốc phòng Việt Nam Võ Nguyên Giáp và Mỹ McNamara có thể đi thăm nước cựu thù vào cuối năm nay, đầu năm tới.

Việt - Trung : tiếp tục thương lượng

Đoàn chuyên viên Trung Quốc phụ trách thương lượng với Việt Nam về đường biên giới trên đất liền đã tới Hà Nội ngày 22.5 để tiến hành vòng đàm phán thứ 5 kể từ khi hai nước quyết định giải quyết các cuộc tranh chấp này qua đường thương thuyết, vào tháng 10.1993. Hai bên đã đồng ý triệu tập một cuộc đàm phán ở cấp chính phủ lần thứ 3, vào tháng 7 tới tại Bắc Kinh.

Quyết định này đã được công bố sau cuộc hội đàm giữa các ngoại trưởng Trung Quốc Tiền Kỳ Thâm và Việt Nam Nguyễn Mạnh Cầm ngày 18.5, trong chuyến đi thăm Bắc Kinh ba ngày 17-19.5 của ông Cầm. Một thông cáo chung cho biết cuộc hội đàm đã diễn ra “*trong bầu không khí hữu nghị, thẳng thắn, chân thành và hiểu biết lẫn nhau*”. Hai bên cũng đã quyết định thúc đẩy nhanh hơn việc hình thành một uỷ ban hỗn hợp, cũng ở cấp chuyên viên, để xem xét cuộc tranh chấp về chủ quyền trên các hải đảo. Ngoại trưởng Nguyễn Mạnh Cầm đã nhắc lại lập trường của Việt Nam là cuộc tranh chấp trên quần đảo Trường Sa phải được giải quyết với tất cả các bên liên hệ thông qua thương lượng. Ngoài ra, hai ngoại trưởng Việt, Trung cũng đã thảo luận về “*những biện pháp thúc đẩy các quan hệ kinh tế, thương mại, văn hoá, khoa học kỹ thuật*”, và thiết lập một uỷ ban hỗn hợp về kinh tế và thương mại. Một hiệp định được ký kết về việc không đánh thuế hai lần những doanh nhân hai nước. Theo ông Cầm, trao đổi mậu dịch chính thức hai chiều giữa Việt Nam và Trung Quốc đạt 500 triệu đôla trong năm 1994, trao đổi biên mậu đạt khoảng 200 triệu đôla.

Trước khi về nước, ngoại trưởng Nguyễn Mạnh Cầm đã tiếp kiến với thủ tướng Trung Quốc Lý Bằng.

Một tháng trước chuyến đi của ông Cầm, Việt Nam và Trung Quốc đã ký kết tại Hà Nội một hiệp định hợp tác về nghiên cứu và phát triển các nguồn nước. (AFP 21.4, 18 và 22.5.1995, Lao Động 23.5.1995)

Luật doanh nghiệp nhà nước

Kỳ họp quốc hội tháng 5 vừa qua đã thông qua luật về doanh nghiệp nhà nước, được qui định là những tổ chức kinh tế do nhà nước thành lập, đầu tư vốn, tổ chức quản lý, và gồm hai loại hình : những doanh nghiệp hoạt động kinh doanh nhằm mục tiêu lợi nhuận, và những doanh nghiệp hoạt động công ích và cung ứng dịch vụ công cộng. Doanh nghiệp nhà nước được các quyền quản lý tài sản và đầu tư tích lũy, chủ động tổ chức sản xuất kinh doanh, tự tuyển dụng lao động, quyết định lương thưởng và sử dụng số lợi nhuận còn lại để chia cho người lao động.

Các tổng công ty và doanh nghiệp qui mô lớn phải có hội đồng quản trị. Các thành viên hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức vụ lãnh đạo trong bộ máy nhà nước ; bản thân thành viên, vợ, chồng và con không được giữ chức danh quản lý doanh nghiệp tư trong cùng ngành nghề ; vợ, chồng và con thành viên không được làm kế toán trưởng, thủ quỹ tại cùng doanh nghiệp.

Người ta còn đợi xem các văn bản pháp qui thi hành luật, mà chính phủ hứa sẽ đưa ra trước cuối tháng 6. Song không ít vấn đề được nêu lên ở diễn đàn quốc hội vẫn không được giải đáp :

1. Vấn đề vốn tư nhân : Luật doanh nghiệp nhà nước cho phép doanh nghiệp phát hành cổ phiếu, có nghĩa là cho phép doanh nghiệp bán tài sản thuộc sở hữu nhà nước ? Nếu nhà nước cho tư nhân tham gia vốn qua cổ phiếu thì doanh nghiệp sẽ bị chi phối bởi hai chế độ pháp luật, luật doanh nghiệp nhà nước và luật công ty ?

2. Vấn đề doanh nghiệp qui mô vừa và nhỏ : Trong khi dự thảo luật qui định tất cả doanh nghiệp nhà nước phải thành lập hội đồng quản trị, các đại biểu quốc hội đã quyết định giới hạn qui định đó ở các tổng công ty và doanh nghiệp có qui mô lớn. Ở các doanh nghiệp nhà nước khác, trách nhiệm giám sát giám đốc sẽ được bảo đảm cách nào ?

3. Vấn đề doanh nghiệp của đảng cộng sản : Khi có nguồn gốc là sở hữu nhà nước, những doanh nghiệp của đảng cộng sản và các đoàn thể chính trị của đảng thuộc phạm vi chi phối của luật doanh nghiệp nhà nước. Song phó thủ tướng Trần Đức Lương cho biết, đối với các doanh nghiệp này, “ *theo sự thỏa thuận trong hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng, chính phủ có thể ủy quyền lãnh đạo về mặt nhà nước cho các tổ chức chính trị* ” đó (!).

Năm 1992, số doanh nghiệp nhà nước lên đến 12 000 đơn vị. Từ đó đến nay, 2 000 doanh nghiệp đã bị giải thể, 3 000 đơn vị khác đã sát nhập vào những doanh nghiệp lớn hơn, và số doanh nghiệp còn lại hiện nay vào khoảng 7 000 đơn vị, số các tổng công ty vào khoảng 150. Sau khi chính phủ thành lập lại 14 tổng công ty theo mô hình mới, số còn lại sẽ được giữ vững (35), tổ chức lại thành tổng công ty mạnh (40) hoặc sẽ phải giải thể (50). (Tuổi Trẻ 1.4, 20.4, 9.5.95 ; Phụ nữ TPHCM 5.4.95 ; Lao Động 2.4, 11.5, 14.5.95)

Cơn sốt giá : đường, bông, giấy, xi măng...

Trong những ngày cuối tháng 4 đầu tháng 5 vừa qua, nền kinh tế Việt Nam đã chao đảo trước một cơn sốt biến về giá

xi măng : từ 50 000 đồng/bao, giá xi măng trong nước tăng lên hơn 100 000 đồng/bao, cao hơn gấp đôi giá thị trường thế giới. Nhiều công trình xây dựng đã ngừng thi công và đòi xét lại giá thầu. Hàng chục ngàn thợ xây dựng phải nghỉ việc mà không được ăn lương. Cơn sốt này kết hợp ba loại nguyên nhân :

1. Sự mất quân bình giữa cung và cầu : nhu cầu xi măng tăng nhanh, dự báo là 7,5 triệu tấn trong năm 1995 và chênh lệch cung - cầu vào khoảng 1,5 triệu tấn.

2. Tình trạng đầu cơ nâng giá để hưởng chênh lệch giá : không phải chỉ có những đầu nậu mà cả bí thư Đoàn thanh niên cộng sản (ở thị trấn Đông Anh, chẳng hạn) cũng tổ chức chi đoàn xếp hàng mua xi măng và bán lại với giá đầu cơ.

3. Quyết định của Ban vật giá chính phủ cho phép Tổng công ty xi măng Việt Nam thả nổi giá xi măng : tăng giá trong thời điểm đang sốt, nhà nước không khác nào “ đổ dầu vào lửa ”.

Cơn sốt xi măng hiện tại là cơn sốt thứ tư từ đầu năm đến nay : trước đó, nền kinh tế đã phải chịu cơn sốt đường, cơn sốt bông xơ và cơn sốt giấy. Song điều đáng quan tâm lần này ở chỗ xi măng là một trong 7 mặt hàng nhà nước quản lý về giá : xi măng được nhà nước giao cho khu vực quốc doanh độc quyền sản xuất, nhập khẩu, phân phối, cân đối cung cầu – gọi là trao cho “ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế thị trường ” –, vậy mà cơn sốt đã xảy ra cả tháng trên thị trường. Ngày 21.5, cơn sốt chấm dứt, giá xi măng hạ xuống còn 60 000 đồng/bao... và xi măng lại ồ ạt trong các xi lô ! Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã ra chỉ thị điều tra và truy cứu những trách nhiệm cá nhân trong cơn sốt.

Sau các mặt hàng gạo, đường, bông, giấy, cơn sốt mặt hàng xi măng lại đẩy mạnh thêm tốc độ trượt giá lên hai con số. Tuy nhiên câu hỏi chủ yếu không phải là lạm phát một hay hai con số – như các lãnh đạo đảng nắm quyền thường đặt ra – mà là nhà nước có khả năng kiềm chế lạm phát, tức là có những công cụ điều hành kinh tế vĩ mô, hay không ? (Sài Gòn giải phóng 11.5 ; Lao Động 9.5 ; Tuổi Trẻ 4, 6, 7, 11 và 23.5 ; AFP 25.5.95)

Gạo : được mùa, xuất lậu...

Theo báo cáo của bộ nông nghiệp, đồng bằng sông Cửu Long, vụ lúa chính của Việt Nam, vừa thu hoạch một vụ lúa đông xuân (tháng 11 - tháng 3) kỷ lục, đạt 6 triệu tấn, vượt 700 000 tấn so với vụ đông xuân năm 93-94. Năng suất toàn vụ đạt 5,5 triệu tấn thóc/ha. Cả năm, đồng bằng sông Cửu Long đạt sản lượng 13 triệu tấn thóc. Do được mùa và thiếu phương tiện bảo quản, dự trữ, giá thóc ở địa phương đang xuống dưới giá tối thiểu được qui định. Từ đầu năm nay, chính quyền đã tổ chức gửi 730 000 tấn thóc từ nam ra giúp một vài tỉnh phía bắc, song theo báo Tuổi Trẻ ngày 11.5, ước khoảng từ 300 đến 400 ngàn tấn thóc đã được đưa thẳng sang Trung Quốc. Đường xuất lậu chủ yếu là bằng những con tàu nhỏ ăn cánh với tàu chở gạo, lấy hàng từ những tàu này ở ngoài khơi. Vẫn theo báo Tuổi Trẻ đã dẫn, điều đáng chú ý là có nhiều phương tiện vận tải của quân đội và của các đơn vị nhà nước tham gia buôn lậu gạo. Theo

những ước lượng của nhà cầm quyền, năm ngoái nhà nước đã mất khoảng nửa triệu tấn gạo bị xuất lậu và chỉ khám phá được một phần rất nhỏ.

Trong 4 tháng đầu năm nay, gạo xuất khẩu được hải quan ghi nhận chính thức là 870 000 tấn, tăng 72,3 % so với cùng thời kỳ năm ngoái.

Nhìn chung các mặt hàng, xuất khẩu của Việt Nam trong 4 tháng qua đã tăng 48,7 % so với cùng thời kỳ năm ngoái, đạt tổng cộng 1,48 tỉ đôla kim ngạch, trong đó phần đóng góp chính là của dầu và gạo. Cán cân thương mại của 4 tháng vẫn còn nghiêng về phía nhập, nhưng đã giảm từ 228 triệu đôla của 4 tháng đầu năm 1994 xuống còn 80 triệu đôla. Những hàng nhập tăng nhanh nhất là ximăng (136,9 %), đường (130,8 %), xăng máy bay (42,7 %), thuốc trừ sâu (35,2 %) và xe gắn máy (24,7 %). Ngược lại, do mức thuế 200 % đánh vào xe ô tô nhập được ban hành từ cuối năm 94, số xe nhập giảm 66,5 %. (AFP 10-12.5.1995)

... và thiếu đói

Trong khi gạo miền nam được mùa, nhiều tỉnh ở miền bắc và trung bị thiếu đói gay gắt trong kỳ giáp hạt chiêm xuân. Theo tin Reuter ngày 23.5, tờ báo tiếng Pháp Nouvelles du Vietnam đưa ra con số 176 000 người ở Sơn La, tức khoảng một phần tư dân số trong tỉnh, bị thiếu ăn vì mất mùa, trong khi đó đài phát thanh quốc gia báo động về nạn đói đang xảy ra cho gần 50 000 dân tỉnh Đắk Lắk sau một vụ hạn hán lớn. Ở tỉnh Quảng Ngãi, theo báo Lao Động ngày 7.5, có hơn 20 ngàn hộ gia đình (khoảng 13 % dân) bị thiếu đói.

Chính quyền tỉnh Quảng Ngãi cho biết hiện có trên 20 ngàn hộ (13 % dân số) trong tỉnh bị đói. Phần lớn các gia đình bị đói ở các huyện miền núi và vùng căn cứ kháng chiến cũ, nhiều nhất ở hai huyện Sơn Tây và Trà Bồng.

Theo một thông báo của văn phòng chính phủ, bộ tài chính sẽ ứng trước một phần kinh phí về các khoản bảo đảm xã hội để giúp 6 tỉnh Hoà Bình, Nam Hà, Ninh Bình, Thanh Hoá, Quảng Bình, Kontum cứu trợ các hộ dân đang bị thiếu đói gay gắt.

Ô nhiễm nước : từ Hà Nội đến đồng bằng sông Cửu Long.

Sau khi nhiều nhà khoa học đưa ra lời cảnh báo nước ngầm Hà Nội đang bị ô nhiễm nặng, đồng thời mặt đất thủ đô lại sụt lún, thủ tướng Võ Văn Kiệt đã có chỉ thị kiểm tra việc “ nước ngầm cung cấp cho Hà Nội bị nhiễm nito, kim loại nặng và cả xăng dầu ; các vùng đất được khai thác nước ngầm đang bị sụt lún ”. Theo các chuyên gia, nguyên nhân trực tiếp của tình trạng trên là nước bẩn, bị nhiễm chất thải công nghiệp, từ các tầng nông phía trên đã thấm xuyên xuống tầng nước ngầm được khai thác.

Ngoài ra, Hà Nội là thành phố lớn duy nhất đang sử dụng 100 % nước ngầm trong các nhu cầu về nước. Trong số 500 nghìn m³/ngày mà thành phố hút từ lòng đất thì chỉ có khoảng 2/3 được lấy ra từ các nhà máy nước, còn lại là từ các lỗ khoan đơn lẻ tập trung trong nội thành và không có kiểm soát. Việc không quy hoạch các bãi giếng cộng với sự buông lỏng quản lý đã dẫn đến một tình hình khai thác nước

vô chính phủ. Điều đó giải thích hiện tượng lún đất nghiêm trọng hiện nay ở nội thành (có nơi đã lún tới 20 cm so với mặt đất 1960). Theo chuyên gia địa chất Nguyễn Kim Cương, nếu tình trạng này kéo dài thì “ trong mười lăm năm nữa, mặt đất Hà nội có thể lún tới một mét và nguồn nước ngầm có thể ô nhiễm tới mức không còn sử dụng được ”.

Ở vùng đồng bằng sông Cửu Long — theo những kết quả điều tra của viện Vệ sinh y tế công cộng Thành phố Hồ Chí Minh — 92 % lượng nước đang được người dân sử dụng bị ô nhiễm, và 75 % bị xem là ô nhiễm “ nặng ”. Tập tục bắc cầu trên sông được kể như một trong những nguyên nhân lớn. Qua cuộc điều tra ở tỉnh Đồng Tháp, chỉ có 0,5 % số hố xí được coi là hợp vệ sinh, trong khi đó 92 % các hộ có tập quán sử dụng trực tiếp nước sông để ăn, uống, sinh hoạt. Chỉ có 15 % số giếng có phẩm chất nước tốt, hầu hết số còn lại — trong đó có 40 % giếng của UNICEF tài trợ —, sau một thời gian sử dụng, đều bị nhiễm phèn hay nhiễm mặn.

Tại thành phố Cần Thơ, mới có từ 35 đến 40 % dân cư được nước sạch để sinh hoạt. Ngoài những hố xí và rác rưởi, nguồn nước thành phố đang chịu sự ô nhiễm do nước thải công nghiệp và từ bệnh viện : mọi hệ thống dẫn dắt chất thải của nhà máy và cả bệnh viện đều thoát ra sông ! Ở các vùng nông thôn, tập quán dùng phân hóa học và thuốc trừ sâu quá liều lượng là một nguồn gây ô nhiễm nghiêm trọng khác, nhất là thời kỳ sau lũ và đầu mùa mưa, khi mà ô nhiễm đất chuyển vào ô nhiễm nước tỏa đến các vùng dân cư (điều đáng chú ý là một số thuốc diệt sâu, bệnh bị cấm trên thế giới lại tiếp tục được dùng tại Việt Nam).

Từ khi thủ tướng Võ Văn Kiệt ban hành chỉ thị “ bảo đảm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn ”, các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long đều tiến hành những cuộc “ vận động ” phá dẹp hố xí trên sông và ao. Song việc xây hố phân tự hoại đòi hỏi phải có tiền (khoảng 200 000 đồng một hố) và phải có đất, cho nên cuộc vận động vừa qua đã đưa đến kết quả số cầu tiêu bị phá nhiều hơn số được xây. Một cán bộ huyện cho biết : “ Huyện tôi được giao vận động dẹp cầu là làm liền, một tuần là căn bản xóa hết...Nhưng trên thực tế, chuyện không hề đơn giản. Có chẳng chỉ là kiểu biến dạng : dẹp cầu, không có tiền làm chỗ mới thì bà con mua bô, bọc nilông, khi đêm đến y như rằng của ấy lại bị quăng, bị bỏ ra sông. Bà con mình nghèo quá, biết sao bây giờ ! ” (Lao Động 9.4, 20.4, 9.5.95 ; Tuổi Trẻ chủ nhật 7.5.95)

Thuyền nhân ở Hồng Kông nổi loạn

Gần hai trăm người, phần lớn là cảnh sát viên Hồng Kông đã bị thương trong các cuộc nổi loạn của những thuyền nhân Việt Nam ở trại Whitehead ngày 20.5, khi cảnh sát tới báo là họ sẽ phải bị dời sang trại High Island trước khi bị buộc đưa về nước. Trước đó mười ngày, một cuộc đụng độ khác tại trại High Island cũng đã làm bị thương khoảng 40 cảnh sát và 10 người trong trại. Những thuyền nhân này nằm trong số 20 000 người còn sót trên các trại tị nạn Hồng Kông, và không được nước thứ ba nào nhận cho nhập cư. Trung Quốc đã và vẫn tiếp tục đòi chính phủ Anh đưa toàn bộ những người này về nước trước khi trao lại chủ quyền Hồng Kông vào năm 1997. Cho tới nay, ngoài những người được

đưa về nước trong chương trình “ tự nguyện hồi hương ”, cảnh sát Hồng Kông đã cưỡng bức đưa 1271 người khác về Việt Nam. (AFP 11, 17 và 21.5.1995)

Hệ thống cáp quang TVH

Cuối tháng 3 vừa qua, hệ thống cáp quang biển xuyên quốc gia Thái Lan - Việt Nam - Hồng Kông, gọi tắt là TVH, đã cập bờ biển Vũng Tàu. Với dung lượng 500 Mbs (triệu bit/giây – bit là đơn vị đo thông tin, xem Diễn Đàn số 40), TVH có khả năng cung cấp đồng thời 15 000 kênh thoại, bảo đảm cùng lúc 60 000 cuộc đàm thoại (gấp 4 lần hiện nay), cùng lúc cung cấp các dịch vụ thu phát hình, truyền dữ liệu tốc độ cao, và kết nối mạng vi tính. Theo dự tính, hệ thống TVH sẽ xây dựng xong vào cuối năm nay.

Hợp đồng xây dựng tuyến cáp biển TVH (3 400 km) đã được ba nước Thái Lan, Việt Nam và Hồng Kông ký với một liên doanh giữa hai tập đoàn Alcatel (Pháp) và Fujitsu (Nhật), tổng kinh phí trên 160 triệu đô la. Việt nam đóng góp 28,9 % trong tổng số này, và sẽ cùng công ty viễn thông Telstra International của Úc hợp tác kinh doanh. (Tuổi Trẻ 30.1 và 1.4.95)

TIN NGẮN

✓ Đầu tháng 4 vừa qua, Hà Nội đã phát hiện một tổ chức làm **giấy tờ và con dấu giả**, đứng đầu là một công nhân xưởng in thuộc học viện quân sự cao cấp. Cảnh sát điều tra đã thu giữ trên 200 con dấu giả các loại của các ủy ban nhân dân, các bộ, của quân đội, hải quan, trường học...

✓ Theo bộ nội vụ, trong năm 1994, có gần 1,5 triệu người Việt Nam “ **cư trú trái phép** ” trên đất nước mình (!), trong đó có 769 000 người đăng ký ở nơi này nhưng cư trú ở nơi khác, 463 000 người đến kiếm sống ở các thành phố, 198 000 người tụ tập ở các điểm đào đãi vàng, đá quý.

✓ Chính phủ Bangkok vừa cho phép 2 000 người Việt Nam cư trú ở tỉnh Noong Khai **nhập quốc tịch Thái Lan**. Noong Khai là một trong 10 tỉnh có đông Việt kiều lập nghiệp. Cộng đồng người Việt lập nghiệp từ những năm 1940 ở Thái Lan lên đến hơn 10 000 người.

✓ Đại sứ Hàn quốc tại Hà Nội, vừa lên tiếng trên một tờ báo kinh tế ở Việt Nam, cảnh báo là những tin tức trên báo chí Việt Nam về các cuộc **đình công** trong những công ty nước ngoài có thể làm cho các nhà đầu tư cảm thấy không thoải mái và “ muốn kiếm nơi khác để đầu tư ”. Ý kiến của ông đại sứ hình như không khác bao nhiêu ý đảng : “ giai cấp công nhân, hãy từ bỏ đấu tranh ” !

✓ Trong tháng 4 vừa qua, hơn 400 hộ kinh doanh ở trung tâm thương nghiệp Đà Nẵng đã lần lượt **bãi thị** sau khi nhận giấy báo thuế suất mới (tăng từ 30 đến 100 % so với quý 1).

✓ Sau ba năm sửa chữa và nâng cấp, khách sạn **Dalat Palace** Sofitel Hotel (trước đây là Lang Bian Palace) đã khai trương trong tháng năm. Với 43 phòng thượng hạng và thượng hảo hạng (tiêu chuẩn 5 sao), khách sạn do tập đoàn Pháp Accor quản lý.

✓ Cây **cầu thứ 6 vượt sông Hồng** vừa được khánh thành : đó là cầu Phong Châu ở tỉnh Vĩnh Phú. Đồng thời

người ta được biết cây cầu đầu tiên bằng sắt bắc qua sông Hồng, tức **cầu Long Biên** ở Hà Nội, có **nguy cơ đổ sập** : theo báo cáo của bộ giao thông vận tải, cầu Long Biên hiện ở trong tình trạng quá cũ nát, có thể xảy ra ác sự cố bất ngờ, kể cả sập cầu khi các đoàn tàu chạy qua.

✓ Công ty Coopers & Lybrand và Công ty dịch vụ tin học và **kiểm toán** Sài Gòn (AISC) vừa thành lập công ty liên doanh đầu tiên trong lĩnh vực kiểm toán. Công ty sẽ bắt đầu hoạt động trong tháng tám năm nay sau khi đã gửi tám nhân viên Việt Nam sang tu học ở chi nhánh Coopers & Lybrand ở Singapore.

✓ Bộ tư pháp đã soạn thảo xong bản dự thảo qui chế hành nghề tư vấn pháp luật của **luật sư nước ngoài** tại Việt Nam. Các văn phòng luật sư nước ngoài sẽ được phép đặt chi nhánh tại Việt nam và tự điều hành mọi hoạt động của chi nhánh. Văn phòng luật sư nước ngoài còn có thể cùng với văn phòng tư vấn pháp luật Việt Nam thành lập văn phòng hợp danh.

✓ Chính phủ đã ban hành **quy chế** xét duyệt và công nhận **học hàm** giáo sư và phó giáo sư đại học, theo đó điều kiện tiên khởi là có học vị tiến sĩ hay phó tiến sĩ.

✓ Lần đầu tiên từ sau năm 1975, 16 sinh viên Việt Nam (một ở Hà Nội và 15 ở Thành phố Hồ Chí Minh) đã sang Mỹ **du học tự túc** (trong ngành kinh tế và quản trị kinh doanh). Chuyển đi đầu tiên này do trường đại học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh và viện hàn lâm ngoại ngữ Hoa Kỳ đảm nhận trách nhiệm.

✓ Theo thứ trưởng giáo dục Phạm Minh Hạc, ngành tiểu học hiện nay **thiếu khoảng 6 vạn giáo viên** đồng thời có khoảng 15 vạn giáo viên (50 % tổng số) không đạt trình độ chuẩn. Tình trạng này, theo ông, còn kéo dài ít nhất từ 5 đến 10 năm nữa.

✓ Theo một ước tính của bộ giáo dục Việt Nam, căn cứ vào kết quả điều tra, người dân hàng năm đóng góp vào giáo dục khoảng 150 triệu đô la, tương đương 1/3 **ngân sách giáo dục** của nhà nước năm 1994 hoặc 1/4 ngân sách năm 1995. Ngành giáo dục hiện nay chỉ chiếm tỷ lệ 11 % tổng ngân sách nhà nước.

✓ Từ 17 rạp **chiếu bóng** năm 1991, thủ đô Hà Nội hiện nay chỉ còn 4 rạp **hoạt động cầm chừng**. Và để tồn tại, các rạp này đang chuyển thành những “ **câu lạc bộ** ” kinh doanh các dịch vụ khác.

✓ Nhà xuất bản Văn học vừa cho ra bản dịch Việt ngữ của tác phẩm “ **Tình yêu thời thổ tả** ” của Gabriel Garcia Marquez. Năm 1987, khi tạp chí Sông Hương cho xuất bản bản dịch đầu tiên thì tác phẩm này đã bị chính quyền “ **niêm phong vô thời hạn** ”.

✓ Trong những **sách mới** xuất bản đầu năm 1995, còn có thể ghi nhận : “ **Ngộ nhận** ” (Le Malentendu) của Albert Camus (nxb Văn nghệ TPHCM) ; “ **Nhà văn Việt Nam, chân dung tự họa** ” do Ngô Thảo và Lại Nguyên Ân biên soạn (với ghi chú : không đồng nhất danh hiệu nhà văn với danh nghĩa hội viên hội nhà văn) ; “ **Từ điển tục ngữ - ca dao - thành ngữ tiếng Việt Nam** ” (nxb Đồng Nai) gồm gần 2 000 trang sách khổ lớn và 15 000 câu.

✓ Lần đầu tiên, một “ **hội làng nghề** ” được tổ chức ở Hà Nội tại khu vực Văn Hồ, với sự có mặt của hơn 40 làng nghề. Trong những sản phẩm triển lãm có : sơn quang Cát Đằng (Nam Hà), chiếu Tân Lễ (Thái Bình), chạm đá Hoa Lư (Ninh Bình), chạm đá Ngũ Hành Sơn (Quảng Nam - Đà Nẵng), gốm Biên Hòa (Đồng Nai), lụa Vạn Phúc, khảm trai Chuyên Mỹ, mây tre đan Phú Vinh (Hà Tây), tranh Đông Hồ, đúc đồng Đại Bái, gỗ Xuân Thiều (Hà Bắc) ...

✓ Tại Giải vô địch **thể dục dụng cụ** trẻ Đông Nam Á tổ chức tại Jakarta (Indônêxia), với sự tham dự của 7 nước (Thái Lan, Philippin, Mianma, Malaixia, Singapore, Indônêxia, Việt Nam), vận động viên Trần Ngọc Anh (14 tuổi) đã đoạt huy chương vàng môn thể dục tự do.

✓ Tại xã Cẩm Nhượng, tỉnh Hà Tĩnh, trong hai ngày liên tiếp, người dân đã góp tiền cho uỷ ban nhân dân xã đánh **xổ số lô tô nhà nước**, song không may cả hai lần đều trượt. Xin miễn bình luận về “ chức năng ” mới của chính quyền xã này.

✓ Theo những thống kê năm 1992, **tổng số nợ không đòi được** của các tổ chức kinh tế (chủ yếu là quốc doanh) lên đến **20 000 tỷ đồng**. Sau hai năm nhà nước tiến hành “ tổng thanh toán nợ ”, tổng nợ phải thu và phải trả còn 16 408 tỷ đồng (chênh lệch giữa phải thu và phải trả là 7 053 tỷ đồng). Không ai biết bao giờ nhà nước mới lập lại trật tự, kỷ cương về tài chính, tạo điều kiện hoạt động bình thường cho các doanh nghiệp và tổ chức tín dụng.

✓ Đại đức Thích Hải Chánh, một trong 4 nhà sư bị xử tử về tội “ phá rối trật tự và an ninh công cộng ” ở Huế tháng 5.1993 (xem Diễn Đàn số 25) đã được trả tự do cùng với 956 tù nhân khác được “ **đặc xá** ” nhân dịp kỷ niệm ngày 30.4.

✓ Cầu Tràng Tiền, Huế, sau bốn năm sửa chữa, lắp ráp lại nhịp 4 và sơn mới toàn bộ, đã được mở lại cho xe sang từ tháng 5 năm nay. Tính từ năm khởi công xây dựng thì cầu Tràng Tiền sẽ đầy **trăm tuổi** vào năm 1997. Trong gần 100 năm ấy, cầu đã bị gãy đổ 3 lần, vì bão tố (năm 1904) và chiến tranh (1946 và 1968).

✓ Tổng công ty xây dựng cầu Thăng Long đã làm lễ khởi công xây dựng **cầu sông Gianh** ngày 17.5.1995. Theo thiết kế, cầu dài 746 mét, rộng 12 mét, sẽ được thi công với một phương pháp công nghệ mới lần đầu tiên được áp dụng trong nước. Toàn bộ phần kỹ thuật sẽ được chính phủ Pháp đài thọ, trị giá 25 triệu đôla. Cầu sông Gianh sẽ là điểm vượt sông cuối cùng trên quốc lộ xuyên Việt 1A.

✓ Theo đánh giá của Sở Khoa học - Công nghệ và Môi trường Hà Nội, thành phố có ba khu **ô nhiễm môi trường** ở mức độ đáng lo ngại : khu công nghiệp Thượng Đình, với lượng rác sinh hoạt chỉ gom được 40 - 50 %, lượng khí thải không được kiểm soát với nồng độ SO₂ vượt tiêu chuẩn cho phép từ 4 tới 6 lần...; làng gốm Bát Tràng với 312 lò nung toả khí độc hại vượt tiêu chuẩn 10 lần ; và xã Vĩnh Quỳnh, huyện Thanh Trì, nơi có nghĩa trang Văn Điển, một bãi chôn rác và 11 xí nghiệp công nghiệp, nhưng chưa có hệ thống thoát nước.

✓ Theo báo Lao Động ngày 11.5, tính đến đầu tháng 5.1995, Hà Nội có trên 5000 trường hợp vi phạm luật lệ về

xây dựng, trong đó 80 % là **xây dựng không được phép**. Văn phòng kiến trúc sư trưởng Hà Nội cho rằng, do nhà nước chưa có các quy định về cấp chủ quyền đất ở cho người dân, “ **nhiều trường hợp vi phạm là bất khả kháng** ” !

✓ Tờ báo tiếng Anh Vietnam News số ra ngày 5.4 đưa tin một con Sao La thứ ba đã được khám phá ở huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đưa về nuôi ở Sở Lâm nghiệp tỉnh. Năm ngoái, hai con thú lạ này được đưa về sở thú Hà Nội và đều đã chết sau mấy tháng. Tờ báo trích lời một quan chức Hà Nội tin chắc rằng kinh nghiệm đã được rút ra để “ không để tai hoạ xảy ra lần nữa ”. Nhưng **con Sao La thứ ba cũng đã chết**. Thực ra, một con Sao La thứ tư bị bắt năm ngoái cũng đã bị chó cắn chết khi còn ở Hà Tĩnh.

✓ Các nhà khoa học của trường đại học tổng hợp Hà Nội, Trung tâm khoa học tự nhiên và công nghệ quốc gia, bộ lâm nghiệp đã lập một danh mục 83 loài chim, 78 loài động vật có vú, 42 loài bò sát có **nguy cơ tuyệt chủng** ở Việt Nam. Báo Lao Động ngày 9.5 đưa tin này, nói thêm : “ một danh sách 49 loài động vật có vú và 10 loài chim cấm săn bắn đang được xây dựng ”, nhưng không cho biết sự khác biệt giữa hai danh sách nói trên có ý nghĩa gì.

✓ Cho tới nay, có 130 dự án **đầu tư** của nước ngoài vào Việt Nam là **trong lĩnh vực nông nghiệp**, với tổng vốn đầu tư 900 triệu đôla. Tại một cuộc hội thảo do bộ nông nghiệp tổ chức ngày 10-11.5 ở Hà Nội, phó thủ tướng Trần Đức Lương và chủ nhiệm Uỷ ban nhà nước về hợp tác và đầu tư (SCCI) Đậu Ngọc Xuân đều khẳng định nhà nước sẽ tạo những điều kiện tốt nhất để thu hút nhiều hơn vốn đầu tư nước ngoài vào nông, lâm, ngư nghiệp.

✓ Hãng giày Hiệp Hưng ở TP Hồ Chí Minh đã ký kết một hợp đồng trị giá 7 triệu đôla để sản xuất 650 000 đôi giày nhãn hiệu nổi tiếng **Reebok** dành cho thị trường Mỹ. Hiệp Hưng đang thương lượng với Reebok một hợp đồng lớn gấp 10 lần cho năm tới, với việc xây dựng thêm 6 dây chuyền sản xuất mới.

✓ Tập đoàn kỹ nghệ khổng lồ Dacwoo Corp., của Hàn Quốc, đã nhận được đèn xanh của SCCI cho dự án xây dựng **khu công nghiệp** phức hợp lớn nhất ở Việt Nam, trị giá **1,43 tỉ đôla**, ở khu Sài Đồng, huyện Gia Lâm, ngoại thành Hà Nội. Khu công nghiệp này sẽ bao gồm các nhà máy lắp ráp xe hơi, sản xuất xăm lốp ô tô và hàng điện tử. Tuy nhiên, do việc xây dựng khu lấn tới một diện tích khá lớn đất hiện là ruộng lúa, SCCI còn chờ thêm ý kiến của thủ tướng chính phủ trước khi lấy quyết định cuối cùng.

✓ Việt Nam đang nghiên cứu luật cấp hộ chiếu và nhập cảnh để phù hợp với việc **tự do đi lại** trong khối ASEAN. Các quan chức ASEAN nói rằng Việt Nam có 6 tháng để thích ứng với việc miễn thị thực hộ chiếu giữa các nước trong khối, kể từ ngày gia nhập chính thức (tháng 7 tới đây). Không hiểu lúc đó người Việt Nam mang hộ chiếu Việt Nam ra vào nước Việt Nam có còn cần phải xin thị thực nữa không ?

✓ Hai thanh niên người Xiôvaquia, 24 và 25 tuổi đã bị toà án Bratislava kết án **tù chung thân** vì đã hạ sát 6 người Việt Nam hồi tháng 4 năm ngoái. Trong số những nạn nhân, có một phụ nữ có thai và một em bé mới 8 tháng.

Nền dân chủ an nhiên

(tiếp theo trang 1)

47,3 % số phiếu trong vòng nhì, thì quả thật là một phép lạ. Hơn cả một phép lạ, đó là một kỳ công.

Thay vì bị loại trừ khỏi vòng hai, phái tả như được hồi sinh. Cũng phải nói ngay : giữa hai vòng phiếu, có người đã mơ tưởng rằng với cái đà của vòng đầu, ứng cử viên phái tả sẽ vượt khỏi *đỉnh mệnh của các con số*, thắng được ông Chirac. Nếu giấc mơ ấy trở thành hiện thực, chẳng khác gì nó phủ nhận cả một hiện thực xã hội – chính trị của thời điểm này. Sau 14 năm chủ nghĩa Mitterrand, với giai đoạn chót hết sức bê bối, đã đến lúc sang trang sách mới, thi hành nguyên tắc *luân phiên* (alternance), một cơ chế cơ bản của đời sống chính trị dân chủ.

4. Những người quen thuộc với đời sống chính trị Pháp tất đã thú vị khi thấy Lịch sử biết *nháy mắt* ra dấu : 1995 là tấm gương phản chiếu 1981. Năm 1981, bị ruồng rứt sau 23 năm cầm quyền (với ba triều đại De Gaulle, Pompidou, Giscard), dưới sự thôi thúc của cuộc khủng hoảng, bó tay trước nạn thất nghiệp (*thật quả không có gì mới dưới ánh mặt trời !*), phe hữu đã bị một “kép già” của nền Đệ tứ Cộng hoà phổng tay trên ngọn cờ *đối mới*. Sau hai nhiệm kỳ 7 năm, một phe tả mà quyền bính và đồng tiền đã hút hết tinh lực phải khoan tay đứng nghe một cụ thanh niên của phái De Gaulle mượn tạm cả ngôn ngữ và chủ đề *phái tả* của mình (như khi Chirac nói về *ran vỡ xã hội*) để giương cao ngọn cờ canh tân. Còn quá sớm để đánh giá toàn bộ 14 năm chính quyền Mitterrand, song chẳng có gì lạ nếu đa số thế hệ trẻ (20-25 tuổi) đã lựa chọn bộ quần áo mới của tổng thống Chirac. Đối với lớp thanh niên này, từ ngày họ bước vào tuổi biết suy xét, cụ già Mitterrand đã là hiện thân của hình ảnh *người cha* — nói theo ngôn ngữ Freud, đó là hình ảnh *phái giết đi* để trưởng thành — và chân trời tương lai của họ bị án ngữ bởi những hàng chữ viết tắt hết sức ghê rợn : CDD, ANPE, RMI²... Lên cầm quyền, phe tả đã đánh mất đạo lý cầm quyền, do đó mất luôn cả “quyền sở hữu trí tuệ” về những khái niệm đoàn kết liên đới, bình đẳng, công bằng... Chỉ còn mong rằng nó sẽ tìm lại những khái niệm ấy trong thế đối lập.

5. Khác biệt to lớn giữa 1981 và 1995 là sự luân phiên đã mất hẳn kịch tính. Người ta còn nhớ năm 1981 một bộ phận phái hữu vẫn tưởng chính quyền là của trời cho họ nên đã tiên đoán phái tả lên cầm quyền sẽ dẫn tới ngày Tận thế. Năm 1995 khác hẳn, việc bàn giao quyền bính đã diễn ra êm thấm nhẹ nhàng. Tất nhiên cũng nhờ hai thời kỳ “ở chung” giữa tả và hữu năm 1986 và năm 1993, nhưng còn một nguyên nhân sâu xa hơn nữa : tại Pháp (sau nhiều nước dân chủ khác) không còn sự đụng đầu có tính chất tư tưởng hệ (*affrontements idéologiques*) nữa. Chúng tôi không có ý luận bàn dài dòng về sự sụp đổ của Bức tường Berlin hay về sự “kết thúc của Lịch sử”. Nhưng rõ ràng là có sự chấm dứt của “ảo ảnh trữ tình” (*illusion lyrique*, chữ của André Malraux). Chẳng còn ai có thể chắc chắn rằng hành động chính trị có quyền tối thượng so với các thế lực thị trường trong bối cảnh nền kinh tế thế giới xen kẽ, quần quyền thành một mối, với những khối vốn thả nổi có khả năng lật nhào tiền tệ của bất cứ nước nào, và làm khốn đốn mọi Ngân hàng trung ương... Năm 1981, người ta còn dám nói “đối đời”. Năm 1991, chỉ nói : vá vúi lại những rách nát của một xã hội tan vỡ. Những diễn từ duy ý chí nhường chỗ cho lời phát biểu tuy

thời : “*Nếu kinh tế cho phép... nếu tiền tệ... nếu nạn thất nghiệp...*”. Trong cuộc tranh luận truyền hình — mà dư luận nóng lòng chờ đợi — hai ứng cử viên đồng ý với nhau hầu như trên hầu hết mọi vấn đề. Không biết trong một nền “dân chủ hoà dịu” (*démocratie apaisée*) của ông Séguin, sự phân biệt tả hữu không còn nữa, thì không khí chính trị sẽ như thế nào ? Chắc đảng bảo thủ ôn hoà và đảng dân chủ xã hội sẽ thay phiên trao quyền cho nhau như người ta nhường lời cho nhau trong một cuộc thảo luận lễ độ, ôn tồn !

6. May thay, viễn tượng “dân chủ hoà dịu” ấy đã lùi xa, nhờ trong vòng hai cuộc tranh cử có mặt cả hai ứng cử viên, một tả một hữu, mỗi người có một khối cử tri rõ nét về mặt xã hội học, như kết quả các cuộc thăm dò ở cửa phòng phiếu đã chứng minh rõ ràng (nghề tự do, nông dân và người về hưu bỏ phiếu cho phái hữu ; người ăn lương, công chức và giáo chức bỏ phiếu cho phái tả). Chúng tôi nói *may thay*, vì trong lúc tổng thống Chirac vay mượn của phái tả những ý tưởng và từ ngữ như “*ran vỡ xã hội*”, “*loại trừ*”, tưởng cũng nên nhắc lại là : có những giá trị phái tả và những giá trị phái hữu, và đó là những giá trị rất khác nhau. Chẳng cần lý luận dài dòng, hãy cứ hỏi bất cứ một người nhập cư nào ở Pháp xem anh ta nghĩ gì về đạo luật Pasqua, về việc tước mất xét giấy, về việc sửa đổi nguyên tắc thổ địa trong luật quốc tịch...

Thay lời kết luận, xin phép nhường lời cho một người gốc châu Mỹ Latinh. Tôi có dịp nói chuyện với anh ta một ngày sau ngày bầu cử. Anh vào quốc tịch Pháp dưới chính quyền phái tả, đi bầu từ mười năm nay, mà vẫn *thấy lạ*. Anh thấy lạ nhất hai điều. Một là sự bình thường yên ổn của quá trình bầu cử : « *Ở nước tôi, chưa bao giờ tôi đi bầu mà không thấy quân đội hay công an đứng dàn hàng quanh phòng phiếu. Hoặc là để đàn áp biểu tình, nếu là bầu cử cuối. Hoặc là ngăn chặn phá hoại, khủng bố, nếu là bầu cử đảng hoàng* ». Điều lạ thứ hai đối với anh bạn tôi là cái mà anh gọi là “bí ẩn của lá phiếu”. Không hiểu sao 40 triệu người, không người nào giống người nào, tất nhiên là không bình đẳng rồi, thông qua một quá trình bình đẳng một cách giả tạo, lại có thể biểu lộ được *ý dân*, và thường biểu lộ một cách hết sức ý vị³. Hai điều lạ ấy, theo anh bạn tôi, cũng đủ để tin tưởng ở sự trường tồn của chế độ dân chủ, cho dù nó luôn luôn bị đe dọa (khủng hoảng, thất nghiệp, xã hội ran vỡ, loại trừ...). Anh nói : « *Thật là ngộ, mỗi lần nước nào vừa bầu ra chính quyền mới một cách dân chủ, thì lập tức các tay độc tài trên thế giới cũng cảm thấy buộc phải gửi điện chúc mừng... Thế mệnh của dân chủ là ở chỗ đó. Các chế độ dân chủ, dù non yếu tới đâu, hèn nhất tới mức nào, cũng hiểu cách vận hành của các chế độ độc tài. Ngược lại, chế độ độc tài không tài nào hiểu nổi các chế độ dân chủ vận hành ra sao* ».

NGUYỄN QUANG
(K.V. biên dịch)

¹ Đa số bạn đọc Diễn Đàn chắc không lưu tâm tới những tình tiết tế nhị này. Bạn đọc nào quan tâm thì đã tìm thấy đầy đủ thông tin trong các nhật báo và tuần báo.

² Viết tắt của *Contrat à durée déterminée* (Hợp đồng lao động có kỳ hạn), *Agence Nationale pour l'emploi* (Cục quốc gia phụ trách công ăn việc làm), *Revenu minimum d'insertion* (Thu nhập tối thiểu để hội nhập xã hội)

³ Thí dụ điển hình : năm 1988, cử tri Pháp đã tái nhiệm F. Mitterrand, nhưng sau khi giải tán Quốc hội, họ chỉ dành cho phái tả một đa số tương đối, coi như họ cung cấp cho tổng thống Pháp vừa đủ phương tiện để thi hành chính sách, nhưng không muốn trao cho ông tất cả tay hòm chìa khoá để xây dựng một “Nhà nước PS” của Đảng xã hội.

ĐƠN KHIẾU OAN

của bà quả phụ ĐẶNG KIM GIANG

Hồ sơ “vụ án xét lại” vừa được bổ sung bằng một chứng từ quan trọng mà chúng tôi đăng toàn văn dưới đây: đó là lá thư đề ngày 2.3.1995, gửi “các ông Tổng bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch Quốc hội nước CHXHCNVN, Thủ tướng Chính phủ, Cố vấn Ban chấp hành Trung ương Đảng, Viện trưởng Viện kiểm sát tối cao, Chánh án Tòa án tối cao và Hội luật gia Việt Nam”. Tác giả của nó là bà Nguyễn Thị Mỹ, quả phụ của thiếu tướng Đặng Kim Giang, một trong những nạn nhân chủ chốt của vụ đàn áp chính trị bắt đầu từ năm 1967, đến nay vẫn chưa được đưa ra ánh sáng.

Sau các đơn khiếu nại của ông Hoàng Minh Chính, của bà Phạm Thị Tề (quả phụ Vũ Đình Huỳnh), và yêu cầu giải oan của ông Nguyễn Trung Thành, người đã tham gia vụ đàn áp (xem ĐĐ số trước), lá thư của bà Nguyễn Thị Mỹ đặt các nhà lãnh đạo ĐCS và các cơ quan lãnh đạo Nhà nước trước trách nhiệm không thể trốn tránh và không thể trì hoãn: *công khai hoá, xác định rõ trách nhiệm của các cá nhân liên quan, khôi phục danh dự và bồi thường tinh thần và vật chất cho tất cả các nạn nhân và thân nhân của họ*. Lễ công bằng đòi hỏi như vậy, mà lợi ích của nhà cầm quyền cũng thế, nếu thật sự họ muốn từng bước khôi phục lại uy tín của Đảng cộng sản và xây dựng Nhà nước pháp quyền.

Thưa các ông,

Tôi là **Nguyễn Thị Mỹ**, 77 tuổi, giáo viên nghỉ hưu, tại phòng 20, nhà C2 Khu tập thể Nghĩa Tân, Từ Liêm, Hà Nội xin khiếu oan với các ông việc sau đây:

Nếu ngày nay còn cái “trống kêu oan”¹ của xưa kia thì tôi cũng xin đội đơn này đến giống ba hồi trống như bà Bùi Hữu Nghĩa¹ để “kêu oan” cho chồng tôi. Oan khuất này tồn tại đã gần 30 năm nay nhưng vẫn chưa được ai khai ra và giải oan cho gia đình tôi cùng với nhiều gia đình khác.

Tôi suy nghĩ rất nhiều, rất lung đã nên cầm bút nữa để tiếp tục kêu oan chưa vì từ trước đến nay đã bao giấy mực, bao nước mắt, bao chặng đường để lại, bao tủi nhục hững hờ mà chỉ chuốc thêm tai vạ cho mình và cho gia đình, chẳng giải quyết được vấn đề gì.

Nhưng đúng ngày hôm nay tôi vừa tròn 77 tuổi, cái tuổi chỉ còn tính ngày tính tháng, cái tuổi nếu có của để lại thì phải viết di chúc. Tôi không có của để lại cho con cháu

¹ Trống kêu oan: tức là trống *đăng vắn* (đặt ở cửa Nam Hà Nội từ triều Lê; tại Huế, từ năm Minh Mạng thứ 13), người bị oan có thể tới đánh trống và đưa đơn khiếu oan.

Bùi Hữu Nghĩa (1807-72) tức Thủ khoa Nghĩa, sinh tại Cần Thơ, bạn thân của Phan Văn Trị. Đỗ giải nguyên cuộc thi hương năm 1835, tính khí cương trực. Vì chống lại cường quyền, ông bị quan trên cáo gian, may nhờ bà vợ hết lòng lo việc thân oan (năm 1848) nên mới không bị kết án tử, nhưng vẫn bị cách hết chức tước. Ngoài những bài thơ văn, Bùi Hữu Nghĩa là tác giả vở tuồng *Kim Thạch kỳ duyên*.

nhưng tôi có “nỗi oan” của chồng cần phải được giải quyết trước khi nhắm mắt. Vì vậy tôi viết bức thư này.

Tôi nghĩ rằng đây là vấn đề lớn nhất từ trước đến nay xảy ra trong đảng ta mà chưa được làm sáng tỏ.

Thưa các ông, câu chuyện như sau:

1. Nỗi chống

Năm 1967, đêm 18.10, lúc 21 giờ, chồng tôi là **Đặng Kim Giang**, hoạt động cách mạng từ năm 1928, cấp thiếu tướng, thứ trưởng Bộ Nông trường, bí thư đảng đoàn bộ, lúc đó đang nghỉ ốm tại xã Việt Đoàn, huyện Tiên Sơn, Hà Bắc, đã bị công an vũ trang cùng ba chiếc xe jeep ập vào công tay đưa đi giữa khi nằm ôm đứa con gái út 5 tuổi ngủ. Sau đó họ khám nhà tôi 3 tiếng đồng hồ, đem đi các tài liệu về Điện Biên Phủ, các ảnh chụp với các lãnh tụ, 1 đài bán dẫn do chuyên gia Liên Xô tặng và 1 súng lục (không có đạn) do tướng Makonovski tặng khi chồng tôi đi với phái đoàn quân sự Việt Nam sang thăm Liên Xô năm 1960.

Sau đó tôi được biết là họ buộc cho anh ấy tội “chống đảng, liên hệ với xét lại Liên Xô và âm mưu lật đổ chính phủ”.

Họ bắt giam chồng tôi vào xà lim 2 tháng tại Hoả lò Hà Nội, cùm chân tay, không có đèn đóm. Sau đó họ đưa lên giam ở Bất Bạt rồi Tân Lập (Yên Bái).

Từ tháng 10.1967 đến 26.10.1973 (sau Hiệp định Paris), trong sáu năm trời họ đưa từ nhà lao này sang nhà lao khác, giam một mình trong một căn nhà trên đỉnh đồi vắng vẻ, canh gác cẩn mật, giữa lùm cây có rào vây kín, không tiếp xúc với sinh vật nào ngoài một anh công an tới bữa đem cạp lồng cơm ngoắc vào cửa. Từ nhân tự lấy vào ăn. Ăn xong lại ngoắc cạp lồng vào cửa. Suốt ngày đêm trong sáu năm trời không chuyện trò trao đổi với một người nào. Đã có lúc buồn quá chồng tôi ngồi nói chuyện với đàn kiến hoặc nói chuyện một mình.

Trong suốt thời gian đó không hề thiết lập toà án để xét xử, điều mà chồng tôi và gia đình trước sau tha thiết đề nghị. Chồng tôi đề nghị được đem ra xét xử công khai hoặc bí mật nhưng phải có phiên toà cho bị cáo được quyền tự bảo vệ — có hỏi cung, có luận án, có văn bản về tội, đúng pháp luật và Hiến pháp. Hoặc nếu xét xử nội bộ thì cũng phải đúng Điều lệ đảng. Nhưng không hề có một buổi xét xử nào như vậy. Chỉ có gặp ông Lê Đức Thọ, Trần Quốc Hoàn, Song Hào một lần. Các ông ấy trấn áp, chồng tôi cãi lại thì bị trừ, không hề có văn bản gì cả. Cứ như thế giam cầm, cùm cớ suốt 6 năm trời. Có một lần chồng tôi ốm nặng (huyết áp cao, suy tim) phải đưa ra bệnh viện Sơn Tây, cũng bị bắt nằm riêng một

khu vực, có công an kèm ; đổi tên thành Đặng Văn Nông, không được tiếp xúc với bệnh nhân khác. Bác sĩ chữa bệnh cũng không được biết đang chữa bệnh cho ai.

Chồng tôi già và ốm. Suốt 6 năm bị giam cầm, mùa đông không có nước nóng tắm, cứ phải hàng tháng mới tắm một lần, ghê lở rất khổ sở. Đi tiêu thì đào hố quanh chỗ ở mà chôn phân. Rửa ráy thì có giếng đất trước nhà. May mà không rơi xuống đó (Nếu có rơi cũng chẳng ai biết mà vớt lên). Ốm đau thật là khổ, nhất là ban đêm, mưa gió. Theo tôi biết, theo luật quốc tế thì lối giam cầm như thế là tối dã man.

Trong suốt 6 năm trời đó, mỗi năm tôi được đi thăm hai lần (vào dịp Tết ta và Quốc khánh). Phải xin phép trước rất lâu. Mỗi lần thăm 20 phút. Quà bánh mang vào bị lục soát kỹ (có lần tôi mang mấy quả bưởi của chính tay chồng tôi trồng nhưng công an không cho đưa vào). Khi nói chuyện có công an giám sát.

Sau thì cho thăm đêm. Khi đến phải đợi mặt trời lặn hẳn, khi ra về trời còn sao, không được để ai trông thấy mình, không được nói mình đi thăm ai. Suốt 6 năm trời leo đèo lội suối băng ngàn thăm chồng tù tội, nước mắt hoà với nước mưa.

Có cái gì ám muội trong vụ bắt bớ giam cầm này mà phải xử sự như vậy ?

Ồi những năm tháng ấy tôi làm sao quên được ?

Lúc đi thăm chồng ở Hoà Lò, nơi đế quốc Pháp đã giam cầm chồng tôi khi anh ấy chống lại chúng. Nay anh ấy lại bị chính đồng chí mình — chỉ vì bất đồng quan điểm — giam cầm ở chính chỗ năm xưa. Lịch sử lặp lại một cách tàn nhẫn như vậy ! Biết bao chiều tà, mặt trời đã tắt, một mình tôi ngồi đợi trong túp lều tranh vắng vẻ đến rừng rợn ở bìa rừng dưới một gốc đa um tùm có treo một cái keng. Tôi cầm dùi gõ ba tiếng và lắng nghe âm thanh vang động khủng khiếp khắp núi đồi lúc hoàng hôn... Tôi phải chờ cho đến lúc bóng tối bao phủ khắp núi rừng mới có người ra đưa vào thăm ông già tù tội tội nghiệp là chồng tôi. Tôi làm sao quên được những lần lặn lội trong mưa rét, trong đêm tối trên đường độc đạo từ bến đò Ấm Thượng (Đò Lao) đến Lao 3 trong rừng, nơi giam cầm chồng tôi. Hai bên đường rừng nửa hun hút, mưa đêm xối xả, đường rừng vắng, vừa lầy lội vừa trơn như mỡ, một mình tôi thân cò lặn lội gánh các thứ đi thăm chồng. Có một bận đến bên một con suối nước lũ rất to chỉ có một thanh gỗ bắc ngang vừa hẹp vừa dài. Lúc đó đã nhá nhem tối, trời tháng chạp, mưa tuôn như trút. Tôi ngã chết ngất bên đường. Khi tỉnh dậy tự nhủ : « *Ta phải dậy mà đi. Không được nằm đây. Ta chết, ai nuôi lũ con ta ?* ». Vậy là lại đủ sức đứng dậy nhưng xe đạp đầy bùn không đẩy đi được, lại thờ nặng (6 bị thức ăn tiếp tế cho chồng). Làm sao qua được suối ? Thế là đành ngồi khóc bên đường. May sao có một người đàn ông Mán đi đào sắn về đã giúp tôi qua chiếc cầu khỉ sang bờ bên kia để tiếp tục đi tới 10 giờ đêm mới tới nơi chồng bị giam giữ.

Những nỗi cực nhục ấy, ai thấu cho chúng tôi, những người vợ của những nạn nhân trong “ vụ án xét lại ” này ?

Sau Hiệp định Paris, chồng tôi được tha về nhưng vẫn phải cấm cố thêm 7 năm nữa (quản thúc tại xã Việt Đoàn,

Tiên Sơn, Hà Bắc). Khi về cũng chỉ được nghe nói miệng cho biết là bị cách hết chức vụ, khai trừ ra khỏi đảng, tước hết quyền công dân. Hàng tháng phải đến trình diện tại công an huyện, không được ra khỏi xã, không được tự do đi lại, không được bầu cử. Mỗi tháng trợ cấp “ nhân đạo ” cho một số tiền tối thiểu, tháng có tháng không. Ốm đau không tiêu chuẩn thuốc men gì cả. Có một lần chồng tôi bị huyết áp cao, ngất xỉu, tôi dìu chồng tôi ra chân dốc làng Long Khám xin nhờ xe Bộ Y tế về Hà Nội cấp cứu nhưng cán bộ Bộ Y tế sơ tán sơ liên lụy, không dám. Tôi phải nhờ người đèo xe đạp 4 km ra ga Lim đưa lên xe khách vào cấp cứu ở bệnh viện Việt-Xô. Qua một đêm ở phòng cấp cứu, sớm hôm sau bị đuổi ra (theo lệnh của ông Lê Đức Thọ) vì không có “ tiêu chuẩn ” mặc dù huyết áp còn cao, người lão đảo đi không vững !

Còn địa phương, được lệnh của “ trên ” đã cho hợp toàn thể đảng viên trong huyện thông báo : “ *Đặng Kim Giang là phần tử chống đảng, không ai được tiếp xúc với gia đình phần tử xét lại nguy hiểm này* ” !!!

Từ đó, từ một gia đình có công với cách mạng, có uy tín với địa phương, nơi chồng tôi hoạt động thời bí mật, gia đình tôi sống tro tro như giữa một hoang đảo trước sự né tránh của mọi người.

Tôi đã có đến ông Lê Đức Thọ và ông Trần Quốc Hoàn. Ông Trần Quốc Hoàn tránh không tiếp. Tôi nói với ông Lê Đức Thọ : « *Anh Giang phạm tội gì mà các anh còng tay còng chân mang đi ? Sao đối xử với nhau tệ thế ? Có phải gián điệp của đế quốc không ? Nếu phải, đem xử bắn. Mẹ con tôi tán thành* ». Ông Thọ nói : “ *Không phải, đây là cuộc đấu tranh nội bộ, không đem ra xử công khai được. Chị cứ yên tâm. Chúng tôi không bỏ tù nhau đâu. Thuyết phục nó không được, phải dùng biện pháp hành chính. Khi nào nó nghe ra sẽ về thôi. Cửa nhà tôi lúc nào cũng rộng mở. Chị có khó khăn gì cứ đến* ».

Thật ra cánh cửa đó đã vĩnh viễn sập lại sau lưng tôi kể từ ngày đó.

Chiến tranh kết thúc đã lâu. Mọi người đã trở về Hà Nội. Năm 1980, chúng tôi cũng trở về Hà Nội (nhà cũ 29 Cao Bá Quát đã bị quân đội lấy mất). Chúng tôi phải vay mượn mua tạm một túp nhà tranh vách đất rách nát 14 mét vuông ở 30 ngõ Chùa Liên Phái (một xóm nghèo nhất Hà Nội, những người ở đó phần lớn không có hộ khẩu, là những người bán thuốc chuột và trẻ con móc túi trên tàu điện). Mười người, vợ chồng, con cái, cháu nội, cháu ngoại sống chen chúc hơn 10 năm trời trong ngôi nhà đổ nát đó.

Gần Đại hội 5, chồng tôi đang bị nhồi máu cơ tim, viết một lá đơn khiếu oan, trình bày khúc chiết vấn đề này, đề nghị Đại hội cử một tiểu ban kiểm tra lại và có kết luận rõ ràng vì đây là một vụ án lớn nhất từ trước đến nay có liên quan đến nhiều người : có uỷ viên Bộ chính trị, có uỷ viên Trung ương, có bộ thủ trưởng, có tướng tá và cán bộ cao cấp...

Lá đơn đó được gửi đến cho các uỷ viên Trung ương Đảng, cho Đại hội 5, cho Ban bí thư, cho Tổng bí thư v.v...

Sau đó, tháng 9.1982, chồng tôi lại bị bắt trở lại, “ *vì tôi tán phát đơn khiếu nại làm mất uy tín của đảng* ”.

Lần này chồng tôi bị đưa đi giam cầm tại Nam Định 8 tháng.

Hôm bị bắt cũng bất ngờ. Công an đến mời lên gặp ban lãnh đạo Sở công an Hà Nội rồi đưa lên xe mang đi luôn, giam giữ bí mật ở Nam Định. Nhà cửa lại bị lục soát. Lần này các huân chương, huy chương (đến cả huy hiệu Điện Biên Phủ), quân hàm đều bị tịch thu. Lấy luôn cả máy chữ Olympia con trai tôi vừa mua ở Sài Gòn mang ra để làm việc.

Suốt 8 tháng ấy, anh Đặng Kim Giang bị ốm nặng (đã từng nhồi máu cơ tim) nên thường phải nằm riêng một mình ở bệnh viện công an Nam Định. Suốt thời gian đó không có một cuộc hỏi cung, xét xử gì cả... Mỗi tháng tôi được đi thăm một lần, tàu xe rất cơ cực. Cũng như lần trước, quà cáp bị khám xét. Ngồi nói chuyện khoảng một giờ đều có công an giám sát. Có đêm lỡ tàu xe, tôi phải ngồi thâu đêm rét mướt ở bến xe đợi sáng.

Sau vì chồng tôi yếu quá và vì tôi viết đơn cho ông Phạm Hùng nói “*anh Giang sắp chết rồi vì bị nhồi máu cơ tim nặng (tuổi đã 73), nếu các anh không thả anh ấy ra, anh ấy mà chết trong tù thì sau các anh sẽ mang tiếng là giam cầm nhau cho đến chết, không khác gì bọn Mao ở Trung Quốc*”, nên sau 8 tháng giam (không xét xử) họ đưa chồng tôi trả về cho tôi. Cũng như lần trước, không có bản án!

Hôm trả về, chồng tôi nằm suốt trên xe thế nhưng họ vẫn chưa cho về nhà mà còn bắt phải đến đồn công an Cầu Dền để nghe đọc các điều kiện quản chế và ký vào bản cam kết. Nhưng chồng tôi mệt quá, tôi phải ký thay vào các bản đó.

Lại quản thúc không thời hạn. Hàng tháng phải ra trình diện với đồn công an Cầu Dền. Sau hai tháng, phải ra báo cáo trước nhân dân xem “*đã cải tạo tốt*” chưa. Nhưng từ ngày trở về chồng tôi ốm liệt giường nên cũng không có sức mà lết ra báo cáo được lần nào cả.

Trước khi bị bắt còn tráng kiện, khi trả về là một ông lão tàn phế, đồ đần, suy sụp hoàn toàn.

Phần vì nhiều năm tù tội quá — cả cuộc đời 73 tuổi mà 12 năm tù đế quốc, 7 năm tù ta, kể cả cấm cố và quản thúc tất cả 3 lần tù là 25 năm — phần vì bị chà đạp nhiều, phần vì cuối đời sống trong túng thiếu, cực khổ, thuốc men không có, bị truy bức hành hạ liên tục nên sau một đêm mưa gió, bị đột ứot người cảm lạnh rồi nhồi máu cơ tim, anh Đặng Kim Giang đã chết. Chết chính trong túp nhà lá đột nát đổ nước vào người anh đó!

Từ khi được thả về, ốm liệt nhưng không có tiêu chuẩn điều trị, thuốc men, ăn uống thiếu thốn, tiền nong chẳng có, nếu như được chữa chạy chắc chắn anh Đặng Kim Giang chưa chết. Lúc hấp hối vẫn có 2 công an ngồi kèm. Tôi phải bảo họ ra ngoài anh mới nhắm được mắt.

Ngày 16.5.1983, tôi có đánh 3 bức điện: một cho ông Lê Đức Thọ (Ban tổ chức trung ương), một cho ông Nguyễn Ngọc Triu (Bộ Nông nghiệp), một cho ông Chu Huy Mân (quân đội) báo tin chồng tôi chết. Nhưng không có ai dả động gì. Không một nén hương, không một bông hoa, không một đồng xu cho đồng chí xấu số!!! Tôi đã bán quần áo và quyền góp trong sổ bạn bè tù cũ Sơn La để chôn cất.

Bao nhiêu công lao đóng góp cho dân cho nước mà khi chết đi, xác được liệm trong một cỗ quan tài ghép 11 mảnh. Con tôi phải giã gạch và cơm nếp để bít những khe hở. Chôn anh ở nghĩa trang Văn Điển một ngày mưa, hồ đầy nước, nhầy nhụa những mảnh quần áo của người vừa được cải táng sót lại!!!

Một tuần sau, Ban tổ chức Trung ương cho người cầm đến 80 đồng đưa cho tôi nhưng tôi không lấy vì việc chôn cất Đặng Kim Giang đã xong rồi.

Về việc anh Giang. Vụ án Đặng Kim Giang là một vụ vu khống, bẻ xé ra to, lấy danh nghĩa đảng để trừ úm người dám có ý kiến không đồng tình với mình, truy chụp, bóp nghẹt dân chủ.

Thực chất đây là một vụ bất đồng quan điểm.

Tôi được biết ở Bộ Nông trường trước đó, các đề nghị xây dựng của anh Đặng Kim Giang như: khuyến khích vật chất, chia ruộng phần trăm cho nông dân, hợp tác với các nước trong khối SEV², đầu tư liên doanh cho các nông trường (những việc hiện nay đã làm) đều bị coi là “*chủ trương xét lại*”, những ai ủng hộ đều bị hành hạ, loại bỏ.

Từ bắt bớ đến giam cầm, thả ra và đối xử đều tùy tiện, bất chấp điều lệ đảng, pháp luật và hiến pháp. Suốt 16 năm: 2 lần bắt giam, đưa hết nhà giam này đến nhà giam khác, quản thúc, cấm cố, chịu đựng đủ loại hình phạt: khai trừ, cách chức, khám nhà, tịch thu đồ đạc, giam cầm, truy bức, phân biệt đối xử với gia đình, không hề theo một một thể chế nào, đạo luật nào. Không có một văn bản chính thức nào về tất cả vấn đề trên được công bố. Không được xét xử, không được bào chữa, không được chống án, không được khiếu nại. Nơi giam giữ phải giữ bí mật, tên họ phải thay đổi.

Tại sao lại như vậy? Có cái gì ám muội? Có cái gì uẩn khúc trong vụ án này?

Đã nhiều lần anh Giang đã làm đơn gửi các cơ quan của Đảng — có lần trực tiếp tố cáo tại trụ sở Ban tổ chức Trung ương Đảng, tại Bộ công an — về những sai lầm, khuyết điểm của các cán bộ có chức quyền trong đảng và những hành động phạm pháp, sai điều lệ của họ nhằm bưng bít sự thật, trả thù người dám đấu tranh (các tài liệu này chắc chắn còn được lưu trữ).

Oan khuất đã nhiều, anh Đặng Kim Giang, người dám đấu tranh dũng cảm cho chân lý, đã bị đối xử tàn tệ cho đến lúc chết.

Tôi đề nghị các ông cho mở một cuộc điều tra nghiên cứu về vụ án này và kết luận công khai, rõ ràng ai có công, ai có tội, tội gì — cũng như khi bắt giam đã phổ biến đến từng chi bộ, làm mất thanh danh, thì nay hãy minh oan cho các anh ấy đến từng chi bộ.

Hãy trả lại thanh danh cho những con người dám đấu tranh cho lẽ phải, nhất là những người đã khuất. Hãy trả lại thanh danh và sự đối xử công bằng với con cháu họ.

Tại sao lại xoá sạch công lao của họ? Trong lịch sử đấu tranh của xã Minh Tân, của huyện Kiến Xương, của tỉnh Thái Bình, của xã Trung Mậu, của Hà Bắc, của tỉnh Hà Đông, tại sao lại xoá sạch công lao của Đặng Kim Giang.

Tại sao trong chiến thắng vinh quang của Điện Biên Phủ lại xoá sạch công lao của người đã từng lo từng hạt cơm viên đạn để làm nên chiến thắng rung chuyển hoàn cầu đó ? Ai cho phép người ta bóp méo lịch sử, cướp công của những người đã từng đổ mồ hôi và xương máu để xây dựng đất nước này, chính quyền này, chế độ này, lịch sử này ?

Tôi đề nghị thành lập một tiểu ban điều tra xem xét lại toàn bộ vụ án này và có kết luận cụ thể, rõ ràng, minh bạch, công khai, xác định rõ công tội và có cách đối xử thoả đáng đối với những người còn sống cũng như những người đã chết cùng vợ con họ.

2. Nỗi con

Chúng tôi có 7 con. Sau khi cha bị buộc tội thì mỗi đứa con một thảm kịch. Đây là một cuộc “ tru di tam tộc ”. Tôi xin dẫn chứng một số trường hợp cụ thể :

1) Cháu **Đặng Kim Phương**, tốt nghiệp phổ thông, xung phong vào bộ đội 3 năm, công tác tại quân y, tận tụy lao động chân tay trong bệnh viện dã chiến, liên tục là chiến sĩ thi đua, là cảm tình đảng nhưng không được kết nạp, không được vào đại học (hồi đó không phải thi) vì “ lý lịch xấu ”.

2) **Đặng Kim Thư**, tốt nghiệp đại học cơ khí chính xác tại Kiev (Liên Xô) vào loại giỏi. Về nước được ông Lê Tâm giám đốc xin vào Viện đo lường nhưng “ trên ” không cho và bắt lên gánh vôi vữa hai năm ở Nhà máy y cụ 2 (Gò Đầm, Thái Nguyên) trong khi Viện đo lường Hà Nội rất cần kỹ sư cơ khí chính xác.

3) **Đặng Kim Sơn**, thi khối C vào Trường ngoại ngữ được 13,5 điểm (trường lấy 12,5 điểm). Thừa điểm nhưng không được gọi vì “ lý lịch xấu ”. Tôi xin anh Đinh Đức Thiện cho cháu làm công nhân nhưng anh Thiện không nhận. Cháu phải ở nhà một năm. Sau tôi viết đơn khiếu nại gửi anh Lê Văn Lương (lúc đó là bí thư Thành uỷ Hà Nội) và anh Tạ Quang Bửu (lúc đó là bộ trưởng Bộ đại học), cháu được gọi đi học, nhưng lại vào Đại học nông nghiệp (trái với khả năng của cháu). Hôm cắt hộ khẩu cho cháu đi học, Khu đội Ba Đình bảo tôi cháu đến tuổi phải đi nghĩa vụ quân sự. Tôi nói : chồng tôi là bộ đội, tôi cũng là bộ đội, tôi sẵn sàng cho cháu đi nghĩa vụ quân sự và xin giao nó cho các anh kể từ giờ phút này. Nhưng họ lại không nhận. Con tôi chảy nước mắt bảo tôi : “ Mẹ ơi, con cắn tay lấy máu viết đơn tình nguyện nhé ? ”. Nhưng tôi nghĩ người ta không tin mình nên không cho đi và đã khuyên con thôi, cứ đi học.

4) **Đặng Kim Thành**, học giỏi, thi khối A đỗ 23,5 điểm. Đáng lẽ được đi nước ngoài nhưng là con Đặng Kim Giang nên không được đi. Trong đơn xin vào Bách khoa (năm đó lấy 15,5 điểm) và tuy cháu thừa điểm nhưng không được vào mà phải vào Đại học xây dựng.

Ông Thành² (vụ trưởng Bảo vệ Đảng) thông báo cho tôi chỉ thị của ông Lê Đức Thọ : các con tôi không được vào các trường Bách khoa, Tổng hợp, Sư phạm, Y, Dược, Pháp lý... ; không được kết nạp Đảng, không được đi nước ngoài, không được đề bạt lên cương vị lãnh đạo.

Chúng nó luôn luôn bị phân biệt đối xử ở trường cũng như

khí ở cơ quan.

Tôi nhớ năm 1969, trường Nguyễn Văn Trỗi sơ tán sang Trung Quốc trở về nước và giải tán. Có chỉ thị của trên : các cháu từ trường Nguyễn Văn Trỗi về địa phương nào thì trường phổ thông ở đó có trách nhiệm đón tiếp các cháu. Vậy mà hai thằng con trai tôi, **Đặng Kim Sơn** và **Đặng Kim Thành**, lớp 8 và lớp 9, khi trở về xin vào trường cấp 3 Tiên Du đã bị Ty giáo dục Hà Bắc từ chối. Sau tôi phải về Hà Nội giữa lúc máy bay Mỹ đang oanh tạc dữ dội đường số 1 để đến Bộ giáo dục, xin cho hai con tôi được vào trường cấp 3 Tiên Du.

Đã hết đâu : Còn bị bắt bớ và hăm dọa nữa !

Năm 1982, sau khi chồng tôi bị bắt trở lại, phòng Công an Tiên Du đến nhà máy quy chế Từ Sơn bắt con gái tôi là **Đặng Kim Thư** và chồng nó là **Phạm Viết Sỹ** (đều là kỹ sư) giam một tuần ở phòng Công an huyện Tiên Sơn, bức chúng phải viết đơn tố cáo bố. Tôi đã phải làm đơn lên Bộ Công an, Hội luật gia Việt Nam, Quốc hội để họ thả con tôi ra.

Ôi ! Nghĩ mà cơ cực những năm đen tối ấy. Nỗi oan chỉ một kêu trời nhưng xa !

Và từ ấy đến nay đã gần 30 năm. Thời gian cứ trôi đi. Bao nhiêu nhiệt tình, tài năng của con cái tôi cũng mai một đi. Vì phấn đấu làm sao một khi dấu ấn đã in trên trán ? Chưa ai gột rửa đi cho, cứu giúp lũ con tôi cho chúng nó được sống, được làm người như những người khác !

Tuy nhiên, thật là phúc đức cho gia đình tôi ! Tất cả con tôi 7 đứa thì 3 đứa là cán bộ trung cấp, 1 đứa phó tiến sĩ, 5 đứa kỹ sư, 4 đứa là đảng viên.

Về việc các con tôi. Tôi đề nghị các ông can thiệp để xoá cái dấu ấn và bản án *cha không làm mà con phải chịu* cho chúng được đem tài năng ra phục vụ nhân dân, đất nước. Hãy cho chúng được phát huy tài năng. Hãy đền bù cho chúng những năm tháng bị phân biệt đối xử sao cho thoả đáng. Kể từ bây giờ cởi trói cho chúng là quá muộn (Trong 7 đứa, đã 3 đứa nghỉ hưu. Thật tội nghiệp chúng : chờ cho hết kiếp còn gì là xuân !). Tôi sẽ vui lòng nhắm mắt nếu được trông thấy các con tôi đã được “ cứu rỗi ” linh hồn và thể xác.

3. Nỗi mình

Là một cán bộ giáo dục lâu năm (35 năm trong nghề) và là một đảng viên, tôi luôn luôn làm tốt công việc được giao phó. Không có khuyết điểm sai sót gì trong công việc cũng như trong đạo đức tác phong. Vậy mà sau khi chồng tôi bị kỷ luật, ba lần huyện uỷ Tiên Sơn (Hà Bắc) gọi lên vận động ra đảng. Nhưng tôi không chịu vì lẽ tôi không có khuyết điểm. Và lại đảng bộ địa phương bảo vệ tôi vì tôi liên tục là lao động tiên tiến và đảng viên 4 tốt.

Năm 1980, tôi cùng gia đình chuyển về Hà Nội. Sau khi chồng tôi bị bắt trở lại, một hôm bí thư chi bộ là đồng chí **Địch** (thứ trưởng Bộ giao thông đã nghỉ hưu) và đồng chí **Đoán**, phó bí thư (nữ bác sĩ nghỉ hưu) gọi tôi đến và báo cho biết là trên có chỉ thị cho là phải vận động tôi ra đảng. Lúc đầu tôi nhất định không nghe và tuyên bố : Tôi chỉ vào đảng chứ không ra đảng. Tôi không có khuyết điểm gì cả và rất xứng đáng đứng dưới cờ đảng. Tôi mới nhận thẻ đảng (100 % đồng chí nhất trí trao thẻ cho tôi). Nhưng sau các đồng chí

² Xem thư của ông Nguyễn Trung Thành (Diễn Đàn số 41)

nói hoài nói mãi và nói thêm : « *Nói thật chị ở chi bộ chúng tôi thì thật khổ cho chúng tôi. Mọi người đều biết chị là một đảng viên tốt, không có sai sót gì, nhưng chị là vợ anh Đặng Kim Giang. Trên cử nhắc đi nhắc lại là nhất định phải đưa chị ra khỏi đảng* ». Tôi nói : « *Nếu thấy vướng mắc thì cứ khai trừ tôi đi* ». Các chị nói : « *Không khai trừ vì chị không có khuyết điểm gì. Chỉ vận động chị vì lợi ích của đảng (?) chị nên tình nguyện ra khỏi đảng* ».

Sau nhiều lần các đồng chí đó vận động, tôi suy nghĩ thấy buồn quá. Xã hội tiêu cực như vậy ! Thế thái nhân tình như thế ! Công lý ở đâu ? Thôi thì rút lui để yên thân khỏi phải nghe lời nọ tiếng kia thêm cực, thêm khổ. Và thế là tôi đề nghị triệu tập một cuộc họp chi bộ toàn thể 36 đảng viên và tôi trả lại thẻ đảng. Hôm đó, trước tất cả 36 đồng chí đều là cán bộ nghỉ hưu, tôi đã nói hết nỗi lòng mình và oan khuất của gia đình mình.

Nhiều đồng chí đã rung rung nước mắt. Hôm sau tôi gặp đồng chí Đặng, một đảng viên già (nay đã chết). Đồng chí nắm tay tôi ứa nước mắt : « *Tôi hoạt động cách mạng từ lâu. Đảng dạy tôi phải bên vực lẽ phải thế mà tôi để chị ra đảng, tôi thật xấu hổ ! Sau khi chị về, tôi hỏi đồng chí bí thư chi bộ : “Chị Mỹ ra khỏi đảng, anh có thấy xấu hổ không ?”, đồng chí Dịch trả lời : “Biết làm thế nào được !”* ».

Về sự nghiệp. Tôi là một giáo viên từ thời Pháp thuộc. Đi theo Cách mạng tháng 8, đã tham gia cướp chính quyền ở Đà Lạt. Ở trong Ban chấp hành Phụ nữ cứu quốc Đà Lạt. Vận động trí thức Đà Lạt và tham gia nhận ấn tín của Tổng đốc Trần Văn Lý. Sau về Hà Đông vừa dạy học từ 1945 vừa tham gia vận động phụ nữ (Hội phó Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh Hà Đông).

Suốt từ Cách mạng tháng 8 cho đến khi về hưu năm 1972, đều luôn luôn làm tốt các công việc được giao phó. Tham gia hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, biết thành thạo hai ngoại ngữ Pháp và Lào, khi đi học văn hoá hay chính trị đều là học viên xuất sắc. Đã từng viết báo dịch vận bằng tiếng Pháp (báo *L'Etincelle*) được Bác Hồ khen. Dạy học thì liên tục từ 1945 đến 1972 đều là lao động tiên tiến, phụ nữ 3 đảm đang và đảng viên 4 tốt. Vậy mà khi đi theo cách mạng là giáo viên, bây giờ cũng chỉ là giáo viên thường. Được đề bạt hiệu phó trường Nguyễn Trãi một ngày. Sáng nhận bàn giao. Chiều lại có quyết định trở về trường cũ dạy học. Hỏi tại sao thì Phòng giáo dục Ba Đình trả lời : « *Chị là đảng viên, đặt đâu ngồi đó, đừng có hỏi* ».

Năm 1967, anh Lê Liêm có triệu tập cuộc họp 24 nữ cán bộ “bị bỏ quên”. Khi tôi trình bày quá trình công tác, các anh chị em đều khóc và đề nghị “đề bạt vượt cấp”. Được biết sau đó Bộ giáo dục định cử tôi làm hiệu trưởng trường con em cán bộ Lào. Nhưng chị thị của Ban tổ chức Trung ương là phải huỷ quyết định đó. Thế là “cội đa, tôi lại trở về cội đa”.

Bao nhiêu khả năng, bao nhiêu nhiệt tình đều bị thui chột hết ! Năm 1972, tôi nghỉ hưu, không được tăng một bậc lương nào (mặc dù tôi nằm ở mức lương 68 đồng trong 11 năm, mặc dù trong 11 năm đó tôi liên tục là lao động tiên tiến và đảng viên 4 tốt). Tôi được xếp hưởng 75 % mức lương 78 đồng, nay là mức 310 đồng (mỗi tháng hiện nay tôi lĩnh

198 000 đồng — cả thâm niên giáo dục). Khi nghỉ hưu, tôi được lĩnh một tháng lương. Đang giảng dạy trên lớp thì nhận quyết định nghỉ hưu. Thế là cô từ biệt các em, hôm sau cô không lên lớp nữa !

Phục vụ như thế, khả năng như thế, cống hiến như thế và bị đối xử như thế nhưng tôi chẳng oán trách ai. Tôi chỉ có một tội là vợ của Đặng Kim Giang ! Hiện nay tôi đã 77 tuổi. Mặc dù chìm nổi và thiệt thòi như vậy nhưng tôi vẫn tích cực tham gia phong trào phụ nữ địa phương cùng mọi phong trào khác và được chị em yêu mến, tín nhiệm. Đó là niềm an ủi của tôi.

Với số lương như vậy, nếu không có các con tôi đùm bọc thì chắc tôi đã chết từ lâu rồi.

Kết luận :

Trên đây tôi đã trình bày đại thể những oan khuất và cực khổ mà gia đình cũng như chồng tôi đã phải chịu đựng trong suốt 30 năm qua trong “vụ án Đặng Kim Giang & Hoàng Minh Chính”. Đó chỉ là những nét lớn. Còn bao nỗi đắng cay, chà đạp, dày vò chúng tôi cần rằng chịu đựng khiến lắm lúc tôi tự hỏi : « *Chẳng lẽ chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản là thế này ư ?* ». Tôi cứ nghĩ : « *Có độc lập, tự do là có tất cả* » và tôi tự tay tháo hết đồ nữ trang khai mạc Tuần lễ vàng 1945 ở Đà Lạt, đi theo cách mạng như một ngày hội lớn. Thế mà bây giờ cuộc đời tôi ra sao ? Cơ cực vật chất không nói làm gì. Cái đau nhất là mất niềm tin.

Thưa các ông, các ông hãy làm sáng tỏ vấn đề này ra và hãy “cứu rồi” linh hồn chúng tôi, những người bị bao oan trái trong vụ án uẩn khúc này. Xin các ông hãy cho thẩm tra lại vụ án mà may thay một phần nhân chứng còn sống. Các ông sẽ gặp nhiều khó khăn vì sẽ đụng chạm đến nhiều người đang muốn quay lưng lại những trang sử đen tối, coi như đã giải quyết rồi, không quay lại nữa.

Xin đừng để cho người ta bóp méo lịch sử, bôi nhọ những người ngay thẳng có công với cách mạng, đổi trắng thay đen, đánh lừa quần chúng, để giải thoát cho những người còn sống, để minh oan cho những người đã khuất.

Tôi đề nghị thành lập một tiểu ban thẩm tra lại vụ án. Xin hỏi han những nhân chứng còn sống rồi kết luận rõ ràng về vụ này : ai có tội, ai bị oan. Hãy thanh minh cho những người bị oan khuất và những người đã khuất. Hãy trả lại thanh danh cho họ và gia đình họ ; hãy lên án những kẻ đã lạm dụng chức quyền để áp bức, vu khống đồng chí mình, gây bao thảm hoạ và làm mất uy tín của đảng.

Mỗi lần gia đình tôi khiếu oan là một lần bị đe dọa, tru dập. Nhưng lần này tôi lại tiếp tục tố cáo không chỉ vì tin ở xu thế chân lý mà còn vì ý thức trách nhiệm đối với sự nghiệp chung, với vận mệnh cuộc cách mạng của chúng ta.

Kính chúc các ông mạnh khoẻ.

Kính đơn,

Nguyễn Thị Mỹ

Phòng 201, Nhà C2

Khu tập thể Nghĩa Tân, Từ Liêm, Hà Nội

sổ tay

♥ Ea Sola và vở múa *Hạn hán và Cơn mưa*

Khi tôi viết dòng này (28.5), Đoàn múa Ea Sola đã rời thủ đô Bruxelles (Bỉ) sang Hambourg (Đức) trình diễn trước khi về nước. Thế là ở Pháp, chỉ có ai ở vùng Bắc mới được xem buổi trình diễn duy nhất ở Douai tối 19.5. Nhưng không sao, mùa thu này (tháng 11), Paris sẽ được xem *Sécheresse et Pluie* (*Hạn hán và cơn mưa*) trong khuôn khổ Festival d'Automne (Liên hoan nghệ thuật Mùa thu). Tôi biết có nhiều bạn ở Bruxelles, được xem rồi, đã hẹn nhau mùa thu này tại thủ đô Pháp, để được xem lại.

Bởi vì đây là một tác phẩm múa có giá trị nghệ thuật lớn, độc đáo về nội dung, biên đạo, đạo diễn, âm nhạc, lời thơ, phục trang, ánh sáng, cũng như (nhất là) về đội ngũ diễn viên và tác giả. Đặc biệt với khán giả Việt Nam (nhưng không chỉ riêng khán giả Việt Nam), nó chiếm lĩnh tâm hồn và cảm quan ngay từ phút đầu cho đến tận cùng phút chót, rồi sau đó, để lại những xung động sâu sắc, mãnh liệt, thôi thúc bằng những câu hỏi, những tự vấn liên hồi, ngân vang mãi trong lòng.

Ea Sola, một số khán giả đã gặp chị trên đường phố Paris hay trên màn ảnh truyền hình với những điệu múa âm hao trường phái *buto* Nhật Bản. Cha chị là người Âu, mẹ Tây Nguyên, sinh đẻ và lớn lên ở Tây Nguyên, trong chiến tranh trước khi lưu lạc sang Pháp. Ba bốn năm nay, nhờ học bổng Léonard de Vinci, chị trở về Việt Nam nhiều chuyến dài. Để tìm nguồn. Nguồn gốc và nguồn cảm hứng biên đạo. Và rất sớm, Ea Sola (tiếng dân tộc, nghĩa là *Nước*, nên mọi người trong đoàn đặt thêm cho chị cái tên *Thủy*) đã tìm thấy nguồn tại cái nôi của văn hoá Việt Nam : đồng bằng Sông Hồng, với khung cảnh thôn làng, với những con người, mà cuộc sống hàng ngày cũng như cuộc sống lịch sử, vật lộn với thiên nhiên (hạn hán, bão lụt...), vật lộn với chiến tranh ngoại xâm, vật lộn với xã hội, đồng bào, đã in hằn lên mỗi cơ thể, từ hai đầu ngón chân *Giao Chỉ* đến ngọn tóc dính bết phù sa, qua những cử chỉ, động tác, thể đứng, dáng ngồi. Con mắt tinh đời của Ea Sola đã nhận ra ngay : đó là những *cơ thể thông minh, hết sức thông minh*, nhất là của những phụ nữ, những người dường như ra đời trên mảnh đất này là để gánh vác số phận ghê gớm của dân tộc này.

Kết quả cụ thể của cuộc tìm kiếm kéo dài ba năm ở hai làng An Khê, Thượng Liệt (huyện Quỳnh Phụ, Thái Bình), là đây : 14 phụ nữ nông dân, trẻ nhất 55 tuổi, già nhất 76 tuổi, chưa bao giờ lên sân khấu, chưa bao giờ đặt chân đến Hà Nội (cách làng quê 100 km) trước ngày... lên máy bay đi Tây trình diễn, đầu tháng 5 năm 1995.

Trên sân khấu, 14 con người ấy triển khai đội hình như những quân cờ người, như trên một bàn cờ vây (go), di động bằng những cử chỉ đời thường (cấy mạ, ương tơ, đón củi...) đã được cạn lọc, cách điệu hoá (một phần thông qua 8 điệu múa

dân gian còn giữ lại được ở Thái Bình). Chấm phá với đội hình ấy, di xuyên chéo qua nó, không kể bà Đoàn Thị Kết (vai Con người Vô danh), là em bé Nguyễn Quang Đạt (14 tuổi, hiện thân của tuổi thiếu niên thiếu dinh dưỡng mà vô cùng tinh ranh), là vai Cơn mưa (chị Ngô Thanh Hoài, giọng ca chèo xuất sắc), vai Mặt trời (Phạm Văn Mẫn, Đoàn chèo Thái Bình), và Ea Sola. Cùng với đội múa, Ea Sola diễn viên đã xuất thần, thể hiện ý đồ biên đạo của tác giả Ea Sola, tất cả là hiện thân của sự quẩn quật, quẩn quại, mà quả cảm, quật cường của người phụ nữ Việt Nam.

Sổ tay này không phải là chỗ để viết bài phê bình đầy đủ, nhưng không thể không nói đến mấy bộ phận đã góp phần quan trọng vào sự thành công của vở múa : lời thơ dân dã của Nguyễn Duy (một Nguyễn Duy lần đầu phải viết thơ để hát, chớ không để đọc hay ngâm, mà vẫn Nguyễn Duy hơn bao giờ), nhạc và phổ nhạc, phối khí (Đỗ Tùng và Ea Sola, kết hợp nhạc chèo, ca trù và điệu tụng kinh nhà Phật) trung thành với truyền thống dân nhạc mà rất hiện đại nhờ vai trò và tiết tấu của bộ gõ và phần âm thanh cụ thể. Cũng không thể quên màu sắc (chủ yếu là đen, trắng, xám, điểm xuyết một thoáng nâu non và đỏ sậm) của trang phục và cảnh trí đã đạt hiệu quả tối ưu về nghệ thuật.

♥ Hội thảo khoa học Aix en Provence về Việt Nam

Trong ba ngày 3,4 và 5 tháng 5.1995, Trường đại học Aix-en-Provence đã đăng cai Hội thảo quốc tế mang đầu đề *Sources et Approches du Vietnam* (Nguồn tư liệu và những cách tiếp cận Việt Nam), tập trung về sử học, với sự hỗ trợ liên ngành của dân tộc học, xã hội học, ngôn ngữ học và kinh tế học. Khoảng 100 nhà nghiên cứu, từ 14 nước Âu, Á, Mỹ, trong đó có 20 nhà nghiên cứu từ Việt Nam sang dự (lần đầu tiên có một đoàn Việt Nam hùng hậu như vậy tham gia một hội thảo khoa học xã hội ở châu Âu). Bản thân cuộc hội thảo phong phú và đa dạng này là một bằng chứng hùng hồn là ngành Việt học trên thế giới đang triển khai khá mạnh mẽ. Điều này trùng hợp với việc một số kho lưu trữ tư liệu về Việt Nam bắt đầu mở cửa rộng rãi cho các nhà nghiên cứu (Kho Quốc tế cộng sản ở Mạc tư khoa, Kho Truyền giáo thừa sai Paris ở rue du Bac, một số kho ở Mỹ, và một phần kho tư liệu Việt Nam), thêm vào những kho lưu trữ ở Aix, Lisboa và Den Haag.

Hai ấn tượng nổi bật, một mừng một lo. Mừng vì thấy xuất hiện cả một lớp người trẻ, ở Bắc Âu, Đức, Pháp... giỏi tiếng Việt, được đào tạo quy củ về phương pháp luận, đang xông xáo vào các lãnh vực nghiên cứu Việt Nam, và ngay từ bây giờ, đã mang lại nhiều kết quả xuất sắc. Lo, vì đúng như lời báo động của các giáo sư Phan Huy Lê, Hà Văn Tấn (*Diễn Đàn* số 41), cuộc hội thảo ở Aix cho thấy nguy cơ "lão hoá" của khoa học xã hội Việt Nam đã trở thành sự thật, và sự thật đau lòng ấy chắc sẽ kéo dài sang tới đầu thế kỷ XXI.

Làm gì để giúp khoa học xã hội Việt Nam qua khỏi thập niên *giáp hạt* khó khăn này, giúp những nhà nghiên cứu trẻ bắt kịp các đồng nghiệp nước ngoài ? Hy vọng *Diễn Đàn* sẽ trở lại Hội nghị Aix và câu hỏi gay go này.

(xem tiếp trang 18)

Đặng Tiến

Lê Đạt và *Bóng Chữ*

J'ai reculé les limites du cri
Paul Eluard, 1940



Bóng Chữ tập thơ Lê Đạt từ ngày xuất bản, 1994, đến nay, đã gây nhiều dư vang và dư luận, một hiện tượng hiếm hoi trong lĩnh vực thơ, và đáng mừng vì chứng tỏ ngày nay còn có nhiều người lưu ý đến thi ca. Cuộc thảo luận, kéo dài non một năm nay, tuy chưa mở ra được những nẻo đường mới, chưa giải phóng những tiềm năng sáng tạo dồn nén trong thơ từ nhiều thập niên qua, trước một nền thi ca thế giới thường xuyên đổi mới, vẫn là một tiến bộ. Những giáo điều đang thay đổi, vẫn là giáo điều nhưng cũng có đổi thay.

Bóng Chữ là một tác phẩm quan trọng tâm huyết của một tác giả đã làm thơ non nửa thế kỷ.

Thế Giới Đây Là Của Chúng Ta tập thơ đầu tay của Lê Đạt đã xuất bản từ 1955, sau đó là *Bài Thơ Trên Ghế Đá*, 1957. Nhưng cùng với nhiều bạn thơ khác như Hoàng Cầm, Trần Dần, Văn Cao cùng in chung một tập thơ *Cửa Biển*, nhà thơ Lê Đạt dính vào phong trào Nhân Văn Giai Phẩm nên bị

trù yếm suốt non ba mươi năm. Dư luận ít nhắc đến Lê Đạt, tư liệu về anh cũng không nhiều.

Theo kỷ yếu của Hội nhà văn, Lê Đạt tên thật là Đào Công Đạt, sinh ngày 10.9.1929 tại làng Á Lữ, tỉnh Bắc Giang, bên bờ sông Thương, gần Yên Thế. “*Đất quê cha tôi / đất quê Đề Thám*” (*Bóng Chữ*, tr. 7), anh lớn lên tại “*một tỉnh thượng du bụi đỏ / Bến Âu Lâu sông Hồng*” (tr.14) và hiện sống tại Hà Nội, “*9 gác Lãn Ông / Lòng xanh xuân chờ*” (tr. 84).

Bóng Chữ còn mang đậm nhiều chi tiết khác trong đời sống thực sự của tác giả. Tập thơ không phải trò chơi chữ chấp chờn như đã có người nói mà là ám ảnh của một đời dài gian lao, lận đận.

✱

Tập thơ gồm 108 bài, phần nhiều thơ ngắn, hai câu, năm mươi câu; dăm bài dài nhất chỉ độ trăm câu. Hai mươi bài thơ (ngắn) làm từ 1965 đã in chung với thơ Dương Tường trong tập *36 Bài Tình* (1989). Bài *Cha Tôi* làm từ 1956. Đoạn văn xuôi *Nhân Con Ngựa Gỗ* là tuyên ngôn của trường phái thơ Lê Đạt, trích đoạn một bài báo đã đăng trên tạp chí Tác Phẩm Mới số 3-1992 trong đó tác giả xác định quan điểm sáng tác: “*thơ phải cô đúc, đa nghĩa. Đa nghĩa vì câu thơ mang nặng lịch sử chữ, hoạt động ở nhiều tầng văn hoá, cả trong ý thức lẫn vô thức người viết (...)* Nói như Valéry chữ trong thơ và văn xuôi tuy giống nhau về hình thức nhưng khác nhau về giá trị (...) Nhà thơ làm chữ chủ yếu không phải ở nghĩa “*tiêu dùng*” nghĩa tự vị của nó mà còn ở *diện mạo, âm lượng, độ vang vọng, sức gợi cảm của chữ trong tương quan hữu cơ với câu thơ và bài thơ*” (tr. 50). Điều này hiển nhiên và không mới, các nhà văn nhà thơ phương Tây đã nói cách đây hàng trăm năm, nhóm *Xuân Thu Nhã Tập* tại Việt Nam đã vang vọng từ 1942 (in lại tại Hà Nội 1992). Từ thời *Kháng chiến chống Pháp gian nan* (1949) Nguyễn Đình Thi đã viết: “*Chữ và tiếng trong thơ phải còn có một giá trị khác, ngoài giá trị ý niệm. Người làm thơ chọn chữ và tiếng không những vì nghĩa của nó, cái nghĩa thế nào là thế ấy, đóng lại trong một khung sắt. Điều kỳ diệu của thơ là mỗi tiếng mỗi chữ, ngoài cái nghĩa của nó, ngoài công dụng tên của sự vật, bỗng tự phá tung ra, mở rộng ra, gọi đến chung quanh nó những cảm xúc, những hình ảnh không ngờ, toả ra chung quanh nó một vùng ánh sáng động dẩy. Sức mạnh nhất của câu thơ là ở sức gợi ấy*”. Nguyễn Đình Thi đã dùng một hình ảnh cụ thể, đúng và đẹp: “*Mỗi chữ như một ngọn nến đang cháy, những ngọn nến ấy xếp bên nhau thành một vùng ánh sáng chung. Ánh sáng không những ở đầu ngọn nến, nó ở tất cả chung quanh những ngọn nến. ý thơ không những trong những chữ, nó vây bọc chung quanh. Người xưa nói: thi tại ngôn ngoại.*” (1)

Về địa hạt này, bản thân tôi cũng đã có đóng góp nhiều bài. Thơ là gì? Thơ hay và văn hay. (2)

I. Lắm rằm nắng cùc

Bóng Chữ của Lê Đạt ghi lại lịch sử một đời người, qua buồn vui một cá nhân, giữa thăng trầm của dân tộc, và trần trụi của một nghệ sĩ thường xuyên tra vấn ngôn ngữ. Ba yếu tố ấy quện vào nhau làm nền cho tập thơ, nhưng thành phần thứ ba, những thí nghiệm ngôn ngữ có phần khúc mắc, che lấp tình, ý của tác giả, để làm người đọc lạc hướng và lạc

lồng. Sự thật Lê Đạt chỉ tạo rung cảm mới bằng một vài thủ pháp : đảo ngữ, ẩn ngữ, nhấn mạnh vào ngữ âm, khai thác tính đa nghĩa trong từ vựng, sử dụng điển cố văn học một cách rộng rãi, từ tục ngữ, ca dao đến thi pháp nước ngoài. Khai thác kinh nghiệm những người đi trước, từ Baudelaire, Maiakovski đến thơ siêu thực và hiện đại Pháp, tiếp cận những lý thuyết văn học, ngữ học và nhân học mới, Lê Đạt thực tâm muốn làm mới thơ mình. Nói theo ngôn ngữ phê bình hiện đại, thì Lê Đạt khai thác triệt để khả năng văn học của ngôn ngữ về hai mặt từ hệ (*paradigme*) và từ tổ (*syntagme*), lịch đại (*diachronie*) và đồng đại (*synchronie*). Thơ Lê Đạt, dù cầu kỳ, cũng không thoát khỏi bốn cạnh của ô vuông đó.

Thử đọc một câu thơ Lê Đạt :

Liều đầu cành

độc thoại đoạn trường xanh

(Tổ Tinh, tr. 35)

Chữ nghĩa, mặc nhiên, nhắc tới cuộc chia ly trong *Chinh Phụ Ngâm* :

Liều dương biết thiếp đoạn trường này chẳng

(Dương liễu na tri thiếp đoạn trường)

Chữ độc thoại sâu sắc : con người hỏi cây liễu về nỗi lòng mình, còn cây liễu thì... hỏi ai ? Lê Đạt đã nói lên được niềm cô đơn cảm nín của những cuộc đời không có tiếng nói, hay có tiếng nói mà không ai nghe, không ai hiểu.

Chữ xanh trong “*đoạn trường xanh*” rất hay vì nhắc lại ý “*đoạn trường tân thanh*”, và tạo cho hai chữ “*tân thanh*” một ý nghĩa khác với Nguyễn Du.

Vẫn một chữ liễu :

Cầu nước chảy

bóng chiều xuân tha thướt

Xanh Thanh minh em thổi liễu vô hình

(bài Nguyễn Du, tr.112)

Câu thơ nhắc đến Kiều, đoạn tả Thanh minh :

Dưới dòng nước chảy trong veo

Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha

và có lẽ cần nhớ thêm câu *thệ thủy* với *quán thu phong* của Ôn Như Hầu. Trong Kiều, khi chàng Kim ngoái lại nhìn, còn thấy Thuý Kiều, dần dần hình ảnh cô gái nhòa đi trong dáng liễu, nhưng vẫn còn dáng liễu và ánh nắng. Trong Lê Đạt, hạnh phúc qua đi là mất hết.

Một chữ liễu khác :

Cười út ông già gốc liễu

Ở ẩn

còn trồng bích đào

(bài Đào Uyên Minh, tr.102)

Đào Tiềm, tự là Uyên Minh có bài ký kể *Chuyện Ông Già Năm Cây Liễu*, lánh đời, ẩn dật bên cạnh năm cây liễu. Câu thơ Lê Đạt tinh quái ở một chữ “*còn*” đối lập “*ở ẩn*” với “*bích đào*”, ý nói tránh tục lụy mà vẫn còn mê nhan sắc. Chữ *cười út* thân mật, hài hước, ngụ ý : trồng liễu, trồng cúc hay bích đào, mê say cái này hay cái khác ở đời, cũng vậy thôi.

Người xưa có chuộng cánh chim chiều trên núi Nam San như Đào Tiềm hay yêu cô gái hái sen như Bạch Cư Dị :

Cô gái trộm hái sen

về ủ tuổi

Lòng khuy cài

gió cổi

một dòng hương

(bài Bạch Cư Dị, tr.104)

Ngày nay thích cái *quần jin xố dài* cũng vậy thôi.

Bài thơ về Hồ Xuân Hương vốn vẹn hai câu :

Xuân chẳng buồn hương,

Sao bướm vượt đường

Kìa hoa leo tường

là hoa dâm bụt

(bài Hồ Xuân Hương, tr.112)

Câu sau cấu trúc theo đồng dao lại dựa trên hình ảnh leo tường theo cổ văn (Mạnh Tử, Tống Ngọc...) gọi cảnh trai gái vụng trộm, nhưng người đọc không cần hiểu đến ngành đến ngọn như thế, cũng đoán ra được ý. Và hay nhất là chữ “*dâm bụt*”, một loài hoa đại “*không trồng mà mọc*” tươi thắm, lộ liễu, nở trên những hàng rào bờ giậu : đã bụt rồi mà vẫn còn... dâm. Ranh mãnh không kém Xuân Hương. Một lối đối lập như vậy nhưng đau thương hơn :

Ai xui em đẹp em xinh

Ba lần con thiến gáy

(Mối Tuổi, tr.25)

Đau đớn vì một chữ “*thiến*” : con gà, bộ phận sinh dục bị phế thải, mà vẫn còn tình yêu, vẫn còn thê thiết “*gáy*”. Tiếng gọi tình tuyệt vọng, “*nào nùng*” hơn tiếng gà trong thơ Lưu Trọng Lư. Ba lần là tiếng gọi hồn :

Hương thấp ba lần

không đáp lửa

Hồn có nhà

hay bát mộ đi xanh

(Thanh Minh, tr.134)

Thơ Lê Đạt thường đòi hỏi người đọc phải suy nghĩ về từ ngữ, ngay cả trong những đề tài thời sự :

Tuổi Việt Minh

thu bắm sáu bến cờ hồng

Áo bướm phổ truyền đơn

Nắng râm

má bông thơm mười chín

(Tuổi Việt Minh, tr.100)

Hai câu đầu dễ đoán : Hà Nội ba mươi sáu phố phường, vào những ngày cách mạng mùa thu tràn ngập cờ hồng. Và truyền đơn bướm bướm bay như những tà áo, Hàng Đào, Hồ Gươm đã một thời nổi tiếng. Nhưng còn “*má bông*” ? Ở đây phải biết câu tục ngữ : tháng tám nắng râm trái...bưởi, chị em với...bông ! Từ đó, lộ ra ý “*tháng tám*” và “*mười chín*” là ngày Hà Nội cướp chính quyền 19-8-1945. Dĩ nhiên ai hiểu *tuổi mười chín* thơm đôi má hay má chín như trái bông, cũng không sao.

Thu Nhà Em là một bài thơ hay và trong sáng :

Anh đến mùa thu nhà em

Nắng cúc lăm rằm vũng nhỏ

Mà cho đấy rửa lông mày

Nông nổi heo may từ đó

Mưa đêm tuổi nổi ao đầy

Đôi cốm đường thon ngô cỏ

Bướm lượn bay hoa ngày
Tin phấn vàng hay thuở gió

Tóc hong mùi ca dao
Thu rất em

và xanh rất cao

(Thu Nhà Em, tr.26)

Âm điệu bay nhẹ trên những cánh thơ sáu chữ nhiều âm bằng, nhiều chữ em và vần m. Một câu thơ cô đúc :

Nắng cúc lăm rằm vũng nhỏ

Chữ “ lăm rằm ” không có trong từ điển, có lẽ do Tản Đà sáng tạo trong bài *Gửi Chị Hàng Cau* (1916) :

Ai đang độ ấy lăm rằm mắt

Tản Đà tạo ra từ “ lăm rằm ” trên nhiều cơ sở : tiếng Việt đã có những chữ na ná : “ lăm tằm ” và “ lăm rằm ” : *mưa lăm rằm ướt đầm lá hẹ* trong ca dao. Lại có :

– Cô nào con mắt lá rằm

Đôi mày lá liễu đáng trăm quan tiền

– Cổ tay em trắng như ngà

Đôi mắt em liếc như là dao cau

Bài thơ Tản Đà gửi cô hàng cau, và gợi hình ảnh đôi mắt tình tứ. Trong câu thơ Lê Đạt, chữ *lăm rằm* tả ánh nắng lăm tằm, lăm tằm trên vũng nước, mà đồng thời gợi tác dụng của đôi mắt : hình ảnh toàn bài thơ phản ánh ca dao :

Trên trời có đám mây xanh

(...) Đùng rứa lông mày chết cá ao anh

Trong thơ Lê Đạt “ vũng nhỏ ” nhắc lại đôi mắt, vào một ngày thu biêng biếc : nước phải thật trong và trời phải thật xanh, như trong thơ Nguyễn Khuyến, lại có thêm nắng cúc vàng hanh ấm áp.

Bình thường không ai nói “ nắng cúc ” mà chỉ nói trà cúc, rượu cúc : do đó màu nắng dậy lên chất men ngây ngất. Cảm giác ấy, ta có gặp trong văn xuôi : “ *Buổi sáng mùa đông ngây ngất vào lối 10 giờ* ” (Thanh Tâm Tuyền, *Bếp Lửa*, tr.11) hay thơ Huy Cận : *Chỉ biết trời xanh là ta say*. Người xưa nói : *thu ẩm hoàng hoa tửu* là ám chỉ rượu cúc. Lê Đạt không nói gì về rượu, người đọc vẫn ngất ngây, cho đến câu cuối :

Tóc hong mùi ca dao

Thu rất em

và xanh rất cao

Câu thơ trước chỉ vồn vện năm chữ mà nói lên được năm cảm giác của ngũ quan. Câu dưới biến từ loại (*nature grammaticale*) thành từ tính (*qualificatif*). Chữ “ rất ” biến “ em ” thành tính từ, trong khi chữ “ xanh ” trở thành thể từ. Không gian từ hữu thể như tan biến, như thăng hoa thành vô thể, trong “ *quãng trời hình như không có màu nữa, cao lên và rộng mông mênh* ” (Nhất Linh, trong *Đôi Bạn*, tr. 211).

Thu Nhà Em là một bài thơ hay và hàm súc. Bình luận sẽ không cùng khi đã biết rằng :

Nông nổi heo may từ đó...

Đặng Tiến

(còn tiếp)

sổ tay

(tiếp theo trang 15)

♥ 8 ngày đường để gặp chồng 15 phút

Ngày 22.5.95, Câu lạc bộ PEN (Văn bút) của Pháp đã tuyên bố kết nạp giáo sư Đoàn Viết Hoạt làm hội viên liên kết. Hai ngày sau, tại Hà Nội, người phát ngôn của Bộ ngoại giao Việt Nam nói rằng “ *việc PEN Club quốc tế kết nạp một tội phạm chính trị (...) sẽ tác hại tới uy tín của tổ chức này* ” (AFP, 24.5) và nhắc lại lập luận của chính quyền về tính “ *đặc thù châu Á* ” trong vấn đề nhân quyền.

Giáo sư Hoạt hiện bị giam ở Thanh Cẩm (Thanh Hoá). Ông đã bị bắt từ năm 1990 vì xuất bản 4 số *Diễn Đàn Tự Do* đòi thiết lập dân chủ đa nguyên ở nước ta một cách hoà bình. Nhà cầm quyền kết án 20 năm tù, sau đó giảm án thành 15 năm. Trước đó, ông đã bị giam 12 năm trong trại cải tạo. Như vậy, tính đến hôm nay, ông Hoạt 56 tuổi, đau thận, đã trải qua 17 năm trong các nhà tù của nước Việt Nam thống nhất (Chí Hoà, Đầm Đùn, Lý Bá Sơ... đủ hết). Và nếu hiến pháp và chính quyền Việt Nam cứ tiếp tục coi việc sử dụng quyền tự do ngôn luận đòi dân chủ là *phạm tội hình sự, âm mưu lật đổ chính quyền*, thì năm 2 000 sắp đến, bước sang tuổi sáu mươi, giáo sư Đoàn Viết Hoạt sẽ đón thế kỷ XXI trong nhà tù. 25 năm sau khi chiến tranh Việt Nam chấm dứt. 55 năm sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh nói với đồng bào và thế giới : “ *Mọi người sinh ra....* ”.

Chúng tôi đã được gặp bà Trần Thị Thức, vợ giáo sư Hoạt, ngày 19.5 khi bà sắp rời châu Âu, trở lại Mỹ. Bà Thức sang từ Việt Nam sang Mỹ từ tháng 8.94 trong khuôn khổ đoàn tụ gia đình, song bà có ý định sau khi xếp đặt cho con trai út học hành ổn định, cùng sống với hai anh lớn đã định cư ở Mỹ, thì bà sẽ trở về Việt Nam.

Trong hai tiếng đồng hồ, chúng tôi nghe bà kể lại cuộc sống (kể cả cuộc sống một năm trong tù của bản thân bà ở Trại Phan Đăng Lưu).

Chỉ xin ghi lại một điều. Mùa Xuân 94, bà lặn lội ra Bắc thăm chồng. Ông Hoạt bị “ kỷ luật ” vì đã lên tiếng đòi cải thiện đời sống cho toàn thể tù nhân, bà không được gặp, và chỉ được quyền để lại 5 kg quà thăm nuôi. Tháng 6 (hai tháng trước khi đi Mỹ), tàu xe ra Thanh Hoá, lần này bà được gặp chồng trong 15 phút, với sự hiện diện của hai nhân viên công an. Hai chuyến đi, mỗi chuyến đi về mất 8 ngày, để được gặp chồng 15 phút.

Phải chăng đó là cái *tính đặc thù châu Á* trong vấn đề nhân quyền mà đại diện ngoại giao Việt Nam vẫn đứng cảm nều lên tại các diễn đàn quốc tế ?

Kiến Văn

Tìm đọc

Hộp Lưu

Tạp san Văn học - Nghệ thuật - Biên khảo

Hộp Lưu Magazine, P.O. Box 277,

Garden Grove CA 92642, USA

Tel. và Fax : (714) 537-2468

Đại diện tại Âu châu :

M & Mme Lê Tất Luyện

15 Place Souham, F- 75013 Paris.

Tel. 45 83 19 12

(1) In lại trong *Tác Phẩm Mới*, Hà Nội, số 3-1992

(2) *Giai Phẩm Văn*, Sài Gòn, tháng 10 và 12 năm 1973

đọc sách đọc sách

Hai mặt của cánh cửa

(Nhân đọc *Quê nhà Quê người*)

Tập truyện : *Quê nhà Quê người*

Nhà xuất bản Văn Học, 1994

Tác giả : Nhật Tiến, Nhật Tuấn

Mười một truyện ngắn, 200 trang, in ở Việt Nam, hai tác giả : Nhật Tiến, Nhật Tuấn là anh em ruột.

Cả hai cùng từng được giải thưởng văn chương, cùng sinh hoạt trong môi trường chữ viết với quá trình vài chục năm.

Vĩ tuyến 17 đã ngăn cách họ trên mặt đất, Thái Bình Dương ngăn cách họ bằng mặt biển, nhưng họ chung nhau một thứ : tiếng Việt.



Nhật Tiến viết dài hơn em ông về số trang, nhưng Nhật Tuấn viết nhiều hơn anh ông về số truyện. Độc giả ở Mỹ, Nam California, khu Bolsa chẳng hạn, sẽ háo hức lật đọc truyện của Nhật Tuấn, nhà văn ở trong nước, trước tiên. Và cũng có thể, người đọc trong nước lật truyện của Nhật Tiến, tác giả ở Mỹ, viết về tâm tình, mâu thuẫn, hoạt cảnh của người Việt ở Mỹ... trước tiên.

Nhân vật của Nhật Tiến, với quân phục biểu tượng, với biểu tình, cấm vận, biểu tình ủng hộ cấm vận, với đồng hồ điện tử vài chục ngớ ngàng thấy người yêu cũ ở Việt Nam với đồng hồ vàng ối... không phải xa lạ với người hải ngoại, nhưng là một khía cạnh quan sát được đẩy lên rõ nét — cái trung tâm của cơn lốc quay tít như đứng im đã là nguồn gốc của các cảnh đời mâu thuẫn hai chục năm nay ở hải ngoại thể hiện ra những chua chát, hốt hoảng, mỉa mai, lạc lõng... đồng thời cũng là những buộc tội, tố cáo gay gắt, vu khống, chụp mũ... cho đến tận giờ này. Giờ khắc của cấm vận, bỏ cấm vận, cấm du lịch, quảng cáo du lịch và gửi quà về Việt Nam.

Khi tôi viết về *Quê nhà Quê người*, trong đầu còn phảng phất câu quảng cáo “ *chỉ cần mười phút là tiền bạn gửi về tới Việt Nam* ” mới đọc hôm qua. Cùng lúc với “ *đề cao cảnh giác âm mưu Cộng sản* ” và “ *con Việt Cộng cái Dương Thu Hương* ” trên báo ngày hôm nay (dĩ nhiên là báo Việt ngữ).

Đầu đường, tiệm sách Crown và Dalton đã bày bán ấn bản tiếng Mỹ *Những thiên đường mù* của Dương Thu Hương, nhưng báo Bolsa bằng Việt ngữ vẫn “ *cảnh giác chính sách xâm nhập văn hoá phẩm Cộng sản* ”. Nhà bình bút trong nước, Nghiêm Đa Văn, nói về hiện tượng Nhật Tuấn, có đùa (dai) rằng giá Nhật Tuấn không có “ vết ” là có ông anh từng được giải thưởng văn chương miền Nam, thì

« Thương thay cho dân Hi Lạp. Với nền văn minh chói ngời tự ngàn xưa mà chỉ vì nằm trong vùng tương tranh của chiến tranh lạnh, không biết mấy thế kỉ nữa, văn hoá Hi Lạp mới khôi phục được ».

GIORGOS SEFERIS
(giải Nobel 1963)

biết đâu Nhật Tuấn chả được cất nhắc du học... thành tiến sĩ, phó tiến sĩ... chưa biết chừng (!).

Nhưng mà... chả mình Nhật Tuấn có “ vết ”. Nhật Tiến cũng bị bươi móc, sỉ vả, “ có vấn đề ” dưới mắt nhà văn chống Cộng... ở Mỹ : đi ngược lại cấm du lịch, cấm gửi quà, tinh thần khoan hồng, “ *nhờ Mỹ bảo đảm nhân quyền cho Việt Nam* ”, Nhật Tiến trong không khí đó, cũng vẫn từ *Thêm hoang* ngày nào, lại một lần nữa thể hiện trong 5 truyện ngắn mới nhất này của ông, các *Chim hót trong lồng* lần này, là các nhân vật — mà có lẽ đậm nét nhất, theo tôi, là trong tuyển ngắn *Hương vị ngày xưa*.

Truyện ngắn này tôi đọc ngược, nghĩa là đọc trang cuối trước, rồi lại đọc từ trang đầu xuôi xuống. “ *Cánh cửa* ” đã mở ra, người ta dù sống ở Mỹ bao năm rồi cũng vẫn giật mình với cái thật của nội dung truyện, cái thật của đời sống này, sao vẫn chỉ mình Nhật Tiến xót xa ? Ông đã bỏ qua các bữa ăn đất tiền, các xe du lịch sang trọng mà đưa ra bát canh dưa, xe bỏ báo... Nhật Tiến chưa bao giờ ngây ngất đèn màu và cao ốc.

Tiểu thuyết phong tục, văn thể hiện thực không tạo được vồ vập, bất ngờ lúc đương thời — nhưng so với thời gian, thời gian càng già, giá trị của văn hiện thực càng đậm đà. *Con trâu* của Trần Tiêu, chẳng hạn.

6 truyện của Nhật Tuấn lung linh hơn. Vẫn những khung cảnh sinh hoạt trong nước, những xung đột nội tâm, những chua chát ít dính đến tâm tưởng thời đại về những mất mát... hụt hẫng thời sự. Nhân vật truyện của ông ám ảnh bởi khao khát nào đó, dẫn vật hoang mang thuần tâm tưởng cá nhân. *Đá trắng* là chốt của truyện trong trường hợp đầu, *Người núi Ba* là chốt của truyện trong trường hợp sau. *Người núi Ba* làm tôi đọc hai lần, nhưng vị trí thuật là ngôi thứ nhất, người thứ ba xuất hiện đột ngột, không hề được chuyển cảnh, làm sự theo dõi của độc giả bị hụt : “ *Thôi mà* ”, cô ta vật nài, “ *tôi đó làm gì [...]* ”.

Phải lần đọc thứ hai, mới vỡ ra một ám ảnh “ *là bóng hay là hình* ” của Dostoevsky (đã dịch trước 75 ở Nam Việt Nam). Cấu trúc truyện lạ, nhưng xung đột không mạnh, thôi thúc nội tâm không rõ nét. Giá chữ spaghetti đừng viết sai, và đĩa mì *thịt xào spaghetti* thơm phức thì tưởng câu văn mô tả và kích thích hơn. Mì sợi spaghetti vốn luộc lên, cũng có mà có mùi thơm, bởi cũng chỉ là một loại bún mà thôi (xin đùa nhà văn Nhật Tuấn một chút).

Cánh cửa vốn là biểu trưng dẫn đến e ngại, bí ẩn, lo sợ, hoảng hốt, hoài nghi... nếu người ta cứ ngồi một chỗ đắm đắm nhìn vào nó. Hai mặt của cánh cửa đã được mở ra, đã được mô tả ra, diễn đạt ra, do hai anh em ruột, không thể đòi hỏi hơn nữa chỉ trong 11 truyện ngắn trong *Quê nhà Quê người*. Ở thời điểm này.

Cánh cửa sẽ được tả ra, mở ra hơn nữa bằng sự hợp lực của các nhà văn khác, các cây bút thế hệ khác cũng trong tinh thần đồng bào ruột thịt. Điều mà ai cũng có quyền hy vọng.

Vũ Huy Quang

Tin buồn

Chúng tôi được tin cụ Vũ Văn Hy (Cụ Hải) đã tạ thế ngày 12.5.95, thọ 87 tuổi.

Diễn Đàn xin thành thực chia buồn cùng chị Bạch Tuyết, các anh Quỳnh, Cần và toàn gia.

Nho giáo đã thành vấn đề như thế nào với nước Việt Nam ngày nay ?

Trần đình Huộ *

Ngày nay vấn đề Nho giáo đang được đặt ra rộng rãi không chỉ trong giới nghiên cứu mà cả trong xã hội rộng lớn. Nếu như từ những năm 60, trên thế giới nhiều người không chú ý đặc biệt đến chủ nghĩa Mao và tình hình phát triển tăng tốc của Nhật Bản và các “con hổ” châu Á, và nhìn đằng sau đó ảnh hưởng của Nho giáo, thì có lẽ vấn đề Nho giáo đã không được đặt lại. Nói thế có lẽ cũng chưa hoàn toàn đúng. Cũng vào quãng thời gian ấy, một số không ít người cũng đã nghĩ đến Nho giáo. Vì hiện tượng bỏ mất truyền thống trong thanh thiếu niên, có người đã nghĩ trở lại đạo đức hiếu để trong gia đình, thái độ tôn sư trọng đạo trong nhà trường, trật tự có trên có dưới và đạo đức kính nhường trong xã hội... Do ảnh hưởng từ bên ngoài hay do thực tế bên trong có nhiều hiện tượng tiêu cực, cả hai phía đều dẫn đến chỗ xét lại cách suy nghĩ về Nho giáo. Vấn đề đặt lại đang hấp dẫn càng ngày càng nhiều người quan tâm. Từ đầu thế kỷ đến nay, cách đánh giá Nho giáo hầu như đã là định luận. Nho giáo đề cao quân quyền, phụ quyền, nam quyền, đề xuống tam cương, ngũ thường, tam tông tứ đức... Đó là học thuyết bảo vệ chuyên chế, là ý thức hệ phong kiến. Nho giáo làm cho nước yếu dân hèn, bảo thủ lạc hậu, không còn có ích gì cho xã hội hiện đại. Các nhà nho duy tân đầu thế kỷ, những trí thức Tây học vào những năm 20, 30 rồi những người cách mạng theo chủ nghĩa Mác - Lênin nối tiếp nhau phê phán Nho giáo, cho đến tuyên truyền quét sạch tàn dư của tư tưởng Nho giáo trong xã hội.

Nếu hiểu Nho giáo chỉ là ý thức hệ phong kiến như vừa nói thì chắc ngày nay cũng không ai có hứng thú khôi phục nó làm gì. Sức hấp dẫn mà nhiều người mong tìm đến để cải thiện thực tế phải là cái gì khác trong đó. Xét lại nội dung và vai trò Nho giáo là để hiện đại hoá đất nước, theo thực tế ngày nay, tức là vào lúc ta cùng với thế giới bước vào ngưỡng cửa của thế kỷ XXI.

Để bước vào thế kỷ XXI, trên vai chúng ta còn nặng trĩu biết bao khó khăn chồng chất. Chủ nghĩa xã hội, tuy được Bác Hồ lựa chọn và nhân dân mong ước, đưa ra thực hiện trong vài ba thập kỷ, đã không đưa lại tất cả những điều giống như lý thuyết. Hơn nữa nó cũng để ra và không ngăn chặn có hiệu quả những cái xấu, những tệ nạn trong xã hội. Trên phạm vi thế giới, phe xã hội chủ nghĩa sụp đổ. Nhiều

khó khăn, và không phải chỉ là những khó khăn về kinh tế. Từ Đại hội VI, Đảng đã có chủ trương đổi mới. Cho đến nay sự nghiệp đổi mới cũng đã đưa lại những kết quả ở nhiều mặt. Để đổi mới phải tìm một chiến lược ổn định và phát triển. Một phương hướng quan trọng là dân chủ hoá. Cũng đang xúc tiến việc cải tiến cách tổ chức xã hội và thực hiện một chiến lược con người, nâng cao chất lượng văn hoá giáo dục... Trong từng công việc như vậy cũng lại đặt ra những vấn đề liên quan đến Nho giáo.

Một chiến lược phát triển ? Nhưng chúng ta phát triển theo phương hướng nào ? Chúng ta suy nghĩ như thế nào về kinh nghiệm của chủ nghĩa Mao và của cung cách phát triển của Nhật Bản và các nước “con hổ” châu Á, là những nước cách này hay cách khác đều xuất phát từ thực tế chịu ảnh hưởng Nho giáo ? Chúng ta lựa chọn như thế nào ? Con đường Âu hoá hay theo truyền thống Đông Á ?

Chúng ta quyết tâm đổi mới. Nhưng trong lịch sử, các nước theo Nho giáo thường là không dễ đổi mới. Muốn đổi mới ở những nước đó cần đến những biện pháp gì ?

Dân chủ hoá là đòi hỏi cấp thiết. Nhưng trật tự trên dưới của Nho giáo vốn là không đi đôi được với dân chủ. Chúng ta giải quyết thế nào mâu thuẫn giữa truyền thống với đòi hỏi dân chủ ?

Trong vấn đề tổ chức lại xã hội, đào tạo con người tương lai, ở đâu cũng có vấn đề thái độ đối với Nho giáo.

Vì bất bình với thực tế ngày nay, có lẽ cũng có những người tưởng cứ khôi phục lại nề nếp cũ (theo Nho giáo) thì sẽ sống tốt hơn : con người cần kiệm hơn, mọi người ăn ở với nhau tình nghĩa hơn, xã hội trật tự, êm ấm hơn, cán bộ cũng thanh liêm, trong sạch hơn... Nhưng những người chín chắn hơn thì suy nghĩ theo một phương hướng khác : một dân tộc không thể thoát ly truyền thống văn hoá mà phát triển được. Không những bước phát triển về sau phải bắt đầu từ chỗ của

Hồ sơ : Vấn đề nho giáo

Phải chăng những yếu tố tích cực của Nho giáo là động cơ thúc đẩy sự thành công đồng loạt trong kinh tế của một số nước mệnh danh là những “con rồng”, “con hổ” Đông Á ?

Vấn đề đã đặt ra, và còn trong vòng thảo luận sôi nổi của các nhà đồng phương học trên thế giới. Vận mệnh đất nước Việt Nam – mà truyền thống mang đậm nét Nho giáo – đang đứng trước một thử thách lớn. Vượt qua được thử thách này, thì là cơ hội ngàn năm một thuở, đất nước bước qua khỏi tình trạng nghèo nàn lạc hậu, hoà nhập vào được bước phát triển của các nước trong vùng và trên thế giới. Nếu chẳng may mà thất bại, thì dân ta mất chủ quyền kinh tế ngay trên đất nước mình, mất đi một phần thiết yếu của cái chủ quyền dân tộc ta đã đem trên ba mươi năm hy sinh xương máu mới giành lại được.

Vì thế mà dù muốn dù không vấn đề cũng thành câu hỏi nóng bỏng cho Việt Nam ta.

Diễn Đàn xin mở hồ sơ : nêu vấn đề với bài của Trần Đình Huộ. Tiếp theo là bài góp ý của Kiến Giang. Vĩnh Sinh điểm qua cái nhìn của các nước Đông Á trong quá trình đánh giá lại truyền thống Nho giáo, với mục tiêu góp ý kiến sơ bộ về cải tổ giáo dục đại học Việt Nam. Bùi Mộng Hùng đặt vấn đề thái độ tinh thần...

* Giáo sư trường Đại học tổng hợp Hà Nội.

bước trước, phải xây dựng cái mới với những cái quá khứ để lại, mà bước sau còn bị quy định một chừng mực nào đó bởi bước trước. Càng ngày chúng ta càng nhìn nhận ra tác động của yếu tố văn hoá trong tiến trình phát triển. Mà trong truyền thống văn hoá Việt Nam thì Nho giáo có vị trí rất quan trọng.

Ai cũng biết trong truyền thống Việt Nam không chỉ có Nho giáo. Trước Nho giáo đã có văn hoá bản địa, đã có Phật giáo. Và sau Nho giáo còn có văn hoá phương Tây. Và trong thực tế thì bên cạnh Nho giáo cũng có Phật giáo, Đạo giáo, tư tưởng Âm Dương, Ngũ hành... Thế nhưng trong mấy thế kỷ Nho giáo làm chủ trong địa hạt chính trị, xã hội, giáo dục, học thuật, vì vậy có ảnh hưởng sâu sắc nhất, ảnh hưởng đến cơ chế kinh tế - chính trị - xã hội mà ảnh hưởng đến cả ý thức, tâm lý, cách sống của con người.

Ngày nay Nho giáo là gì chưa phải đã là vấn đề rõ ràng. Ảnh hưởng của nó, tàn dư của nó ở đâu, tốt xấu thế nào cũng phải là chuyện phải bàn cãi nhiều.

Kinh Truyện, sử sách còn khá đầy đủ. Các sách viết về Nho giáo bằng tiếng Việt thì ít, nhưng bằng tiếng nước ngoài thì cực phong phú. Gần đây có nhiều cuốn, được in lại hoặc mới dịch được xuất bản. Đó là điều đáng mừng, nhưng cũng chưa hết khó khăn. Ý kiến đang khá phân tán. Hơn thế Nho giáo khi đi vào thực tế, tác động đến xã hội, ảnh hưởng đến đời sau, không nguyên vẹn như trong Kinh Truyện. Một mặt khi đưa ra thực hiện nó phải chuyển thành những "tín điều", những hạng mục cụ thể để theo. Mặt khác nó phải thích nghi với hoàn cảnh, nhu cầu thực tế mà mang màu sắc thời đại và dân tộc, địa phương. Trong sự phát triển lâu dài, nó cũng tiếp thu thêm không ít những yếu tố của các học phái dị kỷ và đối địch. Cho nên không những Nho giáo đời Khổng Mạnh khác Nho giáo đời Tống. Nho giáo Nhật Bản khác Nho giáo Trung Quốc, mà Nho giáo trong địa hạt chính trị cũng khác Nho giáo trong địa hạt văn học chẳng hạn.

Có hiểu đúng cả Nho giáo lý thuyết trong Kinh Truyện và cả cái Nho giáo trong thực tế, trong cuộc sống, nhất là tìm ra cơ chế tác động của Nho giáo vào thực tế, hình thức tồn tại của nó trong xã hội, trong văn hoá thì mới đánh giá đúng ảnh hưởng của nó không chỉ ngày xưa mà cả ngày nay, không chỉ ở Việt Nam mà cả ở vùng Đông Á. Đó là những tri thức rất cơ bản, làm cơ sở cho việc giải quyết các vấn đề ngày nay nhiều người quan tâm, liên quan đến con đường phát triển của xã hội ta.

Đặt lại vấn đề Nho giáo và vai trò của nó như vậy là một việc làm hợp thời, có ý nghĩa thời sự và thực tiễn. Định hướng sự phát triển của đất nước trên cơ sở truyền thống văn hoá thường giành được cái thế thuận lợi : hợp lòng người và ít gặp trở lực cho nên dễ có hiệu quả. Phải chăng cũng có thể nghĩ đến một con đường phương Đông để hiện đại hoá ? Và như vậy thì nhiều hay ít - và có lẽ nhiều hơn ít - con đường đó sẽ có quan hệ với Nho giáo.

Trần Đình Hượu (10.7.92)

Văn hoá & Đời sống số 29

nxb TP Hồ Chí Minh, 11.1992

Nên đặt vấn đề Nho giáo như thế nào ?

Nguyễn Kiến Giang

Số phận của Nho giáo ở thế kỷ XX quả thật "bảy nổi ba chìm". Những tưởng Nho giáo đã vĩnh viễn lui về quá khứ xa xôi, hoá ra nó lại hiện lên với sức sống mới không thể bỏ qua. Trần Đình Hượu, với bài *Nho giáo đã thành vấn đề như thế nào với nước Việt Nam ngày nay* (Văn hoá và Đời sống, tháng 11.1992), đã làm một việc đúng lúc. Thật ra, vấn đề này đã được bàn tới chỗ này chỗ khác, với những ý kiến thật trái ngược nhau, nhưng chưa bao giờ được đặt ra giữa "thanh thiên bạch nhật" như lần này. Chỉ riêng điều đó thật đáng trọng. Một cuộc thảo luận sâu rộng về vấn đề này chắc chắn sẽ rất có lợi ích cho những tìm tòi của chúng ta về một con đường phát triển của đất nước hôm nay.

Lý do và hoàn cảnh đặt vấn đề Nho giáo ở nước ta lúc này, Trần Đình Hượu đã phân tích khá rõ. Và vấn đề ông đặt ra thế là cũng khá rõ : " *Phải chăng cũng có thể nghĩ đến một con đường phương Đông để hiện đại hoá ? Và như vậy thì nhiều hay ít - và có lẽ nhiều hơn ít - con đường đó sẽ có quan hệ với Nho giáo* ". Ở đây, chỉ xin đưa ra một cách nhìn nhận cụ thể hơn về vấn đề này.

Gần đây, để giải thích những "phép lạ" của một số nước Đông Á và Đông Nam Á trước hết là Nhật, sau đó là Nam Triều Tiên, Đài Loan, Singapore trên con đường hiện đại hoá nhanh chóng của họ, một số nhà nghiên cứu đã nói nhiều tới vị trí và ảnh hưởng lớn lao của Nho giáo. Phương pháp luận ấy thật ra không mới. Đầu thế kỷ này, nhà xã hội học Đức Max Weber cũng đã lý giải sự ra đời của chủ nghĩa tư bản Tây Âu trước đây trong mối quan hệ hết sức mật thiết với đạo Tin Lành (*Đạo đức Tin Lành và tinh thần của chủ nghĩa tư bản*). Trong khi nhiều nhà nghiên cứu, trước hết là những người mácxít, hướng sự quan tâm chủ yếu tới các quá trình kinh tế, thì ông đặt yếu tố tinh thần - đạo đức thành một trong những yếu tố quyết định sự ra đời của chủ nghĩa tư bản công nghiệp. Đạo Tin Lành (chủ yếu là thuyết Calvin) đem lại một hệ thống giá trị mới cho con người, chi phối hành động của một số tác nhân xã hội (trước hết là nhà doanh nghiệp) khiến họ trở thành những nhà tư bản. Đi theo phương pháp luận ấy, một số nhà nghiên cứu hiện nay cũng muốn lý giải những thành tựu đáng kinh ngạc ở một số nước Đông Nam Á (nếu không phải tất cả thì cũng một phần hết sức quan trọng) bằng hệ giá trị Nho giáo.

Thật oái oăm : từ chỗ bị coi như nhân tố kìm hãm sự phát triển xã hội, Nho giáo bây giờ lại được đề cao như nhân tố thúc đẩy phát triển xã hội. Ôi, giá như các nhà Nho học (cụ và tân) đầu thế kỷ này sống lại chắc họ sẽ vui mừng xiết bao ! Trần Trọng Kim, một học giả từng lưu luyện Nho giáo, ít ra với "phần tinh túy", "phần thâm viển" của nó, than thở đắng cay rằng : " *Có một điều nên lấy làm lạ, là tại sao*

một cái học thuyết mà mình đã sùng thượng hơn hai nghìn năm nay, và đã duy trì xã hội mình từ thượng cổ đến bây giờ, mà bỗng đổ nát chóng như thế ” (Nho giáo, Tân Việt, Sài Gòn, tr. XIV). Hẳn bây giờ, ông chắc sẽ mất lòng khi thấy có người coi Nho giáo (cả lý thuyết lẫn thực tế) và cơ chế tác động của nó là “ *những tri thức cơ bản, làm cơ sở cho việc giải quyết các vấn đề ngày nay nhiều người quan tâm, liên quan đến con đường phát triển của xã hội ta* ” (Trần Đình Hượu, bài đã dẫn, tôi gạch dưới).

Song, tôi sợ rằng cả Trần Trọng Kim và Trần Đình Hượu đều có cái nhìn cường điệu theo hướng nghịch nhau. Thật ra, Nho giáo ở nước ta chưa “ *đổ nát chóng* ” như Trần Trọng Kim nhận xét đâu. “ *Phần tinh túy* ” của nó vẫn sống bền bỉ trong xã hội Việt Nam cho đến tận ngày nay, với việc lấy đạo lý làm thước đo mọi cái, lấy tôn ti trật tự làm chuẩn mực ứng xử của mỗi người, v. v... và v. v... (“ *Ai đã được giữ cái địa vị tôn quý ở trên, thì có quyền được bắt người ti hạ ở dưới phải phục tùng kính trọng mình* ”, như Trần Trọng Kim nói tới việc “ *phân ra tôn ti trật tự rất nghiêm* ” theo học thuyết Nho giáo, điều đó phải chăng đã mất hết trong xã hội chúng ta ngày nay ?)

Về phần Trần Đình Hượu, khi coi Nho giáo là cơ sở cho việc giải quyết các vấn đề của đất nước hôm nay, có lẽ ông cũng có phần cường điệu. Chính ông ở một đoạn trước đó đã nói chí lý rằng : “ *Chúng ta quyết tâm đổi mới. Nhưng trong lịch sử, các nước theo Nho giáo thường là không dễ đổi mới* ”. Và : “ *Dân chủ hoá là đòi hỏi cấp thiết. Nhưng trật tự trên dưới của Nho giáo vốn là không đi đôi được với dân chủ* ”. Thế thì, làm sao có thể coi Nho giáo là cơ sở để hiện đại hoá đất nước hôm nay ?

Ở đây có một câu hỏi chưa được trả lời thật rõ ràng : Phải chăng các nước Đông Á đã thành công trong sự nghiệp hiện đại hoá nhờ có Nho giáo (hay Khổng giáo, để nói thật chính xác) ? Tôi nghi ngờ về điểm này. Công cuộc hiện đại hoá ở Nhật Bản, chẳng hạn, bắt đầu từ thời “ *Minh Trị Duy Tân* ” (mà một học giả Nhật còn gọi là cuộc “ *cách mạng Minh Trị* ”). Ý tưởng duy tân ấy và toàn bộ những biện pháp để thực hiện ý tưởng ấy đều **không bắt nguồn** từ Nho giáo như nó vốn có. Không phải ngẫu nhiên mà các nhà duy tân ở Đông Á vào cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX đều coi Nho giáo là vật cản phải vượt qua để hiện đại hoá đất nước. Và họ làm như vậy, không phải không có lý.

Điều đó không có gì mâu thuẫn với việc sử dụng những yếu tố nào đó của Nho giáo trong tiến trình hiện đại hoá. Hiện đại hoá là một biến đổi xã hội tận gốc, xét về mặt nội dung của nó. Nhưng đây không phải là một sự nghiệp phá hoại, mà là một sự nghiệp xây dựng, vì thế nó đòi hỏi một sự ổn định xã hội, một trật tự xã hội chặt chẽ và nghiêm khắc. Không một sự nghiệp hiện đại hoá nào thành công trong bối cảnh hỗn loạn của xã hội cả. Chính vì thế, khi Nho giáo cung cấp được một hệ giá trị lấy kỷ cương và phục tùng làm gốc, thì điều đó đáp ứng được một trong những yêu cầu cơ bản của hiện đại hoá. Nhất là khi Nho giáo giúp cho mỗi người biến kỷ cương và phục tùng thành một **ý thức tự giác** của cá nhân mà không phải do một sự áp đặt nào từ bên ngoài, thì Nho giáo càng trở thành cần thiết. Trong hệ giá trị Nho giáo được

truyền bá ở Nhật Bản, chẳng hạn, **trung** (chứ không phải là **nhân**) được coi là giá trị trung tâm. Và nếu trước kia **trung** thể hiện trước hết ở sự trung thành đối với Thiên hoàng, thì bây giờ **trung** trước hết là trung thành với với sự nghiệp hiện đại hoá đất nước do chính Thiên hoàng khởi xướng. Trung được hiện đại hoá như vậy đó. Trung, với tư cách một khái niệm luân lý gắn liền với trung với tư cách đạo lý chủ yếu của Khổng giáo. Trung là ý thức về lẽ trời, và mỗi người phải tin theo cái lẽ trời (thiên lý) ấy. Do đó, trung lại gắn liền với **thiên mệnh**. Mà biết mệnh trời (tri thiên mệnh) là đạt tới đỉnh đạo lý cao nhất. Vì vậy, ở một chừng mực nào đó, cả luân lý lẫn đạo lý Nho giáo đều có tác dụng trong tiến trình hiện đại hoá, một tiến trình đòi hỏi kỷ cương và phục tùng rất cao.

Nhưng hiện đại hoá không chỉ cần kỷ cương và phục tùng. Nó còn là một sự nghiệp đòi hỏi **tính chủ động, tính năng động cá nhân** rất cao. Những kỷ cương lỗi thời nếu không bị phá vỡ, thì không thể nói tới hiện đại hoá. Không phá vỡ kỷ cương của xã hội nông nghiệp tự cung tự cấp, khép kín, thì không thể xây dựng được kỷ cương của một xã hội công nghiệp với hệ thống phân công lao động đa dạng, phức tạp, với các quan hệ giao lưu quốc tế ngày càng rộng lớn. Tâm lý bảo thủ phải nhường chỗ cho tâm lý cách tân. Tự soi mình vào quá khứ phải được thay bằng tự soi mình vào tương lai. Và nếu đọng tới những nội dung rộng lớn hơn của hiện đại hoá (mà không chỉ đóng khung vào lĩnh vực kỹ thuật) thì rõ ràng Nho giáo càng không thể là “ *hệ tư tưởng* ” của hiện đại hoá. Xét đến cùng, muốn hay không muốn, **hiện đại hoá phải đi tới chỗ giải phóng con người với tư cách cá nhân**, mà để đạt tới chỗ đó không có cách nào khác ngoài con đường dân chủ hoá xã hội. Về mặt này, rõ ràng Nho giáo tuyệt đối không có thể có tác dụng tích cực, đúng như Trần Đình Hượu nói. Điều đó cũng thấy rõ ở trường hợp Nhật Bản. Không thể quy những “ *phép lạ* ” của Nhật Bản vào những giá trị Nho giáo một cách quá đơn giản như có người muốn làm. Những “ *phép lạ* ” ấy chỉ xuất hiện với việc tiếp nhận và phát huy những giá trị tự do và dân chủ. Trong bài **Người Nhật và chúng ta**, nhà nghiên cứu Nga Tavroski đã nói rất hay rằng : Sau chiến tranh thế giới thứ hai, những “ *phép lạ kinh tế* ” của Nhật gắn liền với những “ *phép lạ chính trị* ” ở nước này, mà người ta thường không chú ý tới. Chính hiến pháp Nhật Bản sau chiến tranh đã bảo đảm một chế độ dân chủ đại nghị ở nước này nên mới có những “ *phép lạ kinh tế* ” ấy. Như vậy, chúng ta thấy có một sự **cộng sinh** thật đặc biệt giữa những giá trị Nho giáo và những giá trị tự do, dân chủ. Có thể nói khái quát rằng : ở trình độ xã hội vĩ mô (gia đình, xí nghiệp...) kỷ cương và phục tùng **chiếm vị trí chủ đạo** ; nhưng ở trình độ xã hội vĩ mô thì những giá trị tự do dân chủ là chủ đạo.

Chúng ta không thể sao chép **khôn mẫu** Nhật Bản. Truyền thống Nho giáo ở Nhật Bản và ở Việt Nam không giống nhau. Tiến trình hiện đại hoá với những điều kiện, những nội dung và bước đi ở Nhật Bản và Việt Nam cũng không giống nhau. (Cũng có thể nói như vậy về những trường hợp Nam Triều Tiên, Singapore...). Riêng tôi, tôi không tin lắm vào tác dụng có ý nghĩa quyết định của Nho giáo đối với tiến trình hiện đại hoá ở nước ta. Và càng không tin rằng Nho

Giáo dục đại học Việt Nam trước ngưỡng cửa thế kỷ XXI :

Đóng góp dựa trên kinh nghiệm của các nước Đông Á láng giềng

Vinh Sinh

(giáo sư đại học Alberta, Canada)

(Bài phát biểu đọc tại Hội nghị chuyên đề về **Cải tổ Giáo dục đại học Việt Nam**, Thành phố Hồ Chí Minh 17 - 19. 2. 1994)

Theo dự đoán, vào năm 2 000 dân số châu Á sẽ chiếm khoảng 60% dân số trên thế giới, mức sản xuất hàng hoá và dịch vụ ở vùng này sẽ chiếm đến 50% toàn cầu. Trong các nước Á châu, đặc biệt Châu Á - Thái Bình Dương được dự đoán là khu vực có nền kinh tế phát triển mạnh nhất vào thế kỷ XXI.

Cho đến đầu thế kỷ XX, khi chữ Hán vẫn còn thông dụng ở Việt Nam, các sĩ phu nước ta vẫn thường xem các nước Đông Á là “đồng văn đồng chủng”. Sau khi chế độ khoa cử để tuyển chọn quan lại bị phế bỏ, với sự phổ biến của chữ quốc ngữ thay chữ Hán và chữ Nôm, số người biết chữ Hán ở nước ta ngày càng hiếm hoi, ta có cảm tưởng là mối liên hệ văn hoá giữa Việt Nam và các nước Đông Á như ngày càng phai nhạt. Sự thật, gốc rễ văn hoá lâu đời của Việt Nam trong thế giới Đông Á không phải vì thế mà đã tan biến ngày một, ngày hai. Trong quá trình cải tổ nền giáo dục đại học nhằm đáp ứng những nhu cầu của đất nước trước kỷ nguyên “Châu Á - Thái Bình Dương” ta cần phải tham khảo và tiếp thu kinh nghiệm của nhiều nước xa gần trên thế giới. Tuy nhiên, trong phạm vi của bài này chúng tôi chỉ giới hạn trong các nước Đông Á. Dựa trên mẫu số chung văn hoá giữa Việt Nam và các nước Đông Á, chúng tôi sẽ điểm qua những ưu và khuyết điểm của truyền thống Đông Á trong quá trình cận đại

hoá, qua đó hy vọng chúng ta có thể tham khảo để đánh giá hiện tình giáo dục Việt Nam một cách khách quan và chính xác hơn. Trong phần sau, chúng tôi sẽ góp một vài ý kiến sơ bộ về những tiền đề trong quá trình cải tổ giáo dục đại học Việt Nam.

Truyền thống : di sản và “gánh nặng”

I Những yếu tố tích cực của truyền thống Đông Á đang được đánh giá lại

Khoảng 10 năm gần đây, song song với những “kỳ tích” kinh tế của các nước mới công nghiệp hoá ở Đông Á (Nam Triều Tiên, Đài Loan, Hồng Kông, Singapore ; còn gọi là “Bốn con rồng châu Á”) – đó là chưa nói đến ảnh hưởng kinh tế và khoa học của “siêu cường quốc kinh tế” Nhật Bản – nhiều học giả “Đông phương học” trên thế giới đã thảo luận sôi nổi về những nhân tố đưa đến sự thành công kinh tế của các nước Đông Á. Vì sự vùng dậy của các nước Đông Á có tính cách đồng loạt, và vì các nước này đã từng chịu ảnh hưởng của Nho học (với mức độ khác nhau), một trong những vấn đề thường đặt ra trong các buổi thảo luận là “*phải chăng những yếu tố tích cực của Nho học là động cơ thúc đẩy sự vùng dậy của các nước Đông Á ?*”.

Trong các nước Đông Á, ngoại trừ Việt Nam, Trung Quốc là nước có nền kinh tế tương đối ít phát triển nhất. Từ đầu thập niên 1980 nhằm đúc kết kinh nghiệm của các nước Đông Á khác, ở Trung Quốc đã có nhiều nỗ lực đánh giá lại vai trò của Nho học. Năm 1983, miếu Khổng tử ở Khúc Phụ (Sơn Đông) được trùng tu ; Khổng Linh Bằng và Khổng Đức Mậu – cháu nội 76 đời và 77 đời của Khổng tử – được bầu làm đại biểu của Hội đồng Hiệp thương Chính trị Toàn quốc. Nhân dịp kỷ niệm ngày Đản sanh lần thứ 2535 của Khổng Phu Tử (22.9.1984), một tổ chức học thuật có sự hỗ trợ của Chính phủ Trung Quốc mang tên là Hiệp hội Khổng tử Trung Quốc được thành lập ; nhiều học giả nổi tiếng trong các ngành văn học, sử học, triết học, kinh tế và giáo dục tham gia Hiệp hội với tư cách là thành viên trong uỷ ban học thuật của Hiệp hội.

Cũng trong nỗ lực phát huy những ưu điểm của Nho học nhằm đẩy mạnh chương trình cận đại hoá Trung Quốc (trên bốn mặt công nghiệp, nông nghiệp, quốc phòng và khoa học kỹ thuật), **Hội thảo về Nho học** được tổ chức ở Khúc Phụ vào tháng 9.1987 dưới sự bảo trợ của Hiệp hội Khổng tử Trung Quốc và Viện Nghiên cứu triết học Đông Á (Singapore). Khoảng 120 học giả Trung Quốc, Singapore, Hoa Kỳ, Đức, Anh, Liên Xô, Úc và Hồng Kông đã tham dự Hội nghị ; theo Tạp chí **Beijing Review** (số 14 - 20. 12. 1987), các học giả đều ít nhiều đồng ý về khả năng áp dụng truyền thống Nho học trong xã hội Trung Quốc ngày nay và

giáo có thể trở thành một “hệ tư tưởng” của con đường phát triển xã hội của Việt Nam. Tôi không hề phủ nhận những giá trị tích cực, vững bền nào đó do truyền thống Nho giáo để lại trong tâm thức và văn hoá người Việt. Những giá trị đó là có và đáng trân trọng. Nhưng nói rằng Nho giáo có thể là cơ sở của con đường phát triển xã hội Việt Nam hiện nay thì tôi xin được phép không đồng ý. Vì điều đó không những không thích hợp với những điều kiện xã hội - lịch sử và cả những điều kiện trí tuệ của dân tộc ta hôm nay, mà còn có thể nguy hiểm nữa. Một học thuyết lớn lao như Nho giáo chỉ cần được đối xử đúng với vị trí lịch sử vốn có của nó, thế là đủ.

Nguyễn Kiến Giang (Văn hoá & Đời sống số 39)

đồng thời nhấn mạnh rằng truyền thống Nho học cần được kế thừa một cách có phê phán.

Về những yếu tố tích cực của Nho học, chữ **nhân** và chủ nghĩa nhân bản trong Nho học được các nhà nghiên cứu đánh giá cao nhất. Theo ý kiến của Dương Bội Minh (đại học Phục Đản), Khổng Tử là “ người đầu tiên ở Trung Quốc hay nói đúng hơn trên thế giới, đã nhấn mạnh đến giá trị con người và tinh thần vị tha, xem **nhân** và **lễ** là quan trọng hơn tất cả các yếu tố khác ”. Trương Đại Niên (đại học Bắc Kinh) giải thích thêm : “ theo Nho học, giá trị của mọi người được tôn trọng, và ai cũng phải tôn trọng giá trị của người khác. Bởi vậy trong chữ Hán chữ **nhân** 仁 (lòng nhân) là tổng hợp của chữ **nhân** 人 (người) và chữ **nhị** 二 (hai) ; **nhân** là mối liên hệ hỗ tương giữa người và người, là nguyên tắc căn bản của mọi giao tế trong xã hội ”.

Trên phương diện giáo dục, tinh thần cầu học, óc sửa mình (tu thân) trong Nho học được đánh giá cao. Khuông Á Minh, viện trưởng danh dự Đại học Nam kinh kiêm chủ trì Hiệp hội Khổng tử Trung Quốc, đã tóm tắt những lời trong **Luận Ngữ**, mà theo ông, ngày nay vẫn còn đáng được cho chúng ta suy ngẫm :

Học mà thường tập luyện, chẳng thích thú sao ? Có bầu bạn từ phương xa lại (để cùng trao đổi, học hỏi), chẳng vui mừng sao ? Người không biết mình mà mình không oán giận, chẳng phải là quân tử sao ? (Chương I, Học nhi)

Học mà không suy nghĩ thì mờ mịt, suy nghĩ mà không học thì nguy hại ! (Chương II, Vi chánh)

Trong hai người đi cùng đường với ta, tất phải có người xứng làm thầy ta : lựa điều thiện mà bắt chước, thấy điều bất thiện để sửa đổi chính mình. (Chương VII, Thuật nhi)

Sau Hội thảo quốc tế 1987 ở Khúc Phụ còn nhiều hội nghị về Nho giáo khác tổ chức ở Trung Quốc, Đài Loan, Hồng Kông, Singapore, Nam Triều Tiên, Nhật Bản cũng như ở các nước Âu Mỹ. Tựu trung, ý kiến của các chuyên gia là mọi thảo luận về mối tương quan giữa Nho giáo và vấn đề cận đại hoá ở Đông Á phải dựa trên hai tiêu chuẩn chính : 1) cần định nghĩa chính xác hơn nội dung của các nhân tố trong truyền thống Nho học có thể xem là động cơ của cận đại hoá, công nghiệp hoá, và quản lý kinh tế ; và 2) cần phân tích truyền thống Nho giáo ở mọi nước và môi trường đặc thù của nước đó hiện nay.

Ngoài Trung Quốc, Singapore là nơi trong mười năm qua có nhiều chuyển biến đáng chú ý về vấn đề tư tưởng và văn hoá. Khác với Trung Quốc là nước đang muốn đúc kết và phát huy những lợi thế trong truyền thống Nho học nhằm làm cất cánh (take-off) chương trình cận đại hoá, Singapore, từ hơn mười năm gần đây lại muốn áp dụng truyền thống Nho học vào chương trình giáo dục như một “ phương thuốc giải độc ” (antidote) để ngăn chặn “ chủ nghĩa vật chất ” (materialism) và “ chủ nghĩa cá nhân Tây phương ” (Western individualism). Lý Quang Diệu đã từng tuyên bố với sinh viên : “ Ngày nào người Hoa mất bản chất Nho giáo thì ngày đó chúng ta sẽ trở lại thành một nước trong Thế giới thứ ba ”. Lý cho rằng người Singapore giống như người Nhật, người Nam Triều Tiên và người Trung Hoa ở chỗ là họ

cần kiểm, làm ăn chăm chỉ, và có gắn bó với xã hội (social cohesiveness) – những giá trị tiêu biểu và cơ bản của luân lý Nho giáo. Goh Chok Tong, người thay Lý trong chức vụ thủ tướng, cũng khẳng định : “ Nếu quốc gia chúng ta muốn được tiếp tục phồn thịnh, chúng ta không thể để mất những giá trị cơ bản này ”.

Đỗ Duy Minh (đại học Harvard) là một trong tám học giả về Nho giáo người nước ngoài được Viện Nghiên cứu Triết học Đông Á ở Singapore mời làm cố vấn và tham gia vào ủy ban điều hành của Viện. Với vai trò là một “ đạo sư ” Nho giáo, Đỗ phải đối đầu với những câu hỏi hóc búa. Ví dụ, một trong những câu người ta chất vấn ông là : “ Làm sao giải thích cho 24% dân số không phải là người Hoa ở Singapore rằng việc khuyến khích Nho giáo không có nghĩa là áp đặt trên họ giá trị của người Hoa ? ”. Căn cứ trên kinh nghiệm của Nam Triều Tiên, Việt Nam và Nhật, Đỗ giải thích rằng luân lý Nho giáo đi vượt biên giới chủng tộc và quốc gia. Đối với câu hỏi “ Khi chọn Nho giáo làm tư tưởng chỉ đạo, có phải các nhà lãnh đạo muốn đẩy Singapore lùi về một đời sống chính trị bị cưỡng bức chẳng ? ” Đỗ trả lời : “ Nho giáo có hai mặt, vừa là luân lý cá nhân, vừa là một hệ ý thức chính trị ; một đảng cần được khuyến khích, một đảng cần phải tránh ”.

Theo Ezra Vogel (Đại học Harvard) trong cuốn **Four Little Dragons** (Bốn con rồng nhỏ), mẫu số chung về động cơ luân lý trong bốn nước mới công nghiệp hoá ở Đông Á là sự hiện diện của những yếu tố Nho giáo trong quá trình phát triển công nghiệp, đặc biệt là chế độ tưởng lệ (meritocracy), chủ nghĩa tập thể, và óc tự cải tiến (self-improvement).

II “ Gánh nặng ” của truyền thống Đông Á

Cho đến đầu thế kỷ XX, Trung Quốc, Triều Tiên và Việt Nam đã áp dụng chế độ khoa cử để tuyển chọn quan lại, trong khi đó Nhật Bản, mặc dầu chịu ảnh hưởng Nho học và nhiều yếu tố khác của văn hoá Trung Hoa, là nước duy nhất không áp dụng chế độ khoa cử dựa trên mô hình của Trung Quốc. Đánh giá sự thành công của Nhật Bản và sự thất bại của Trung Quốc trong quá trình cận đại hoá của hai nước – đặc biệt trên phương diện khoa học kỹ thuật – trong khoảng gần 130 năm qua, nhà học giả Trung Quốc Đỗ Thạch Nhiên đã nêu lên những điểm sau đây :

1) Ngay sau Minh Trị Duy Tân, Nhật Bản đã cải cách giáo dục qua học chế (Gakusei : chế độ giáo dục) công bố năm 1872, sau đó hơn 30 năm, Trung Quốc mới cải cách chế độ giáo dục (1905). Quá trình cận đại hoá ở Nhật Bản tương đối thuận buồm xuôi gió phần lớn nhờ chương trình cải cách giáo dục ở Nhật ; có thể nói rằng tình trạng giáo dục của dân chúng có ảnh hưởng quyết định đối với sự phát triển của khoa học kỹ thuật.

2) Để tiếp thu khoa học Tây phương, Trung Quốc và Nhật Bản đều áp dụng phương thức là vừa mời những chuyên viên nước ngoài vào vừa gửi du học sinh ra nước ngoài. Ở Nhật Bản, khi du học sinh tốt nghiệp xong và về nước, họ được bổ nhiệm thay thế các chuyên gia nước ngoài trong việc chấn hưng nghiên cứu học thuật. Trong khi đó ở Trung Quốc, du học sinh khi về nước không mấy người được

trọng dụng, chính quyền tiếp tục ỷ lại vào các học giả và chuyên gia nước ngoài.

3) Do “ tư tưởng Trung Hoa ” có từ lâu đời, sĩ phu Trung Quốc xem việc nhắc đến Tây học là một điều nhục nhã (“ sĩ ngôn Tây học ”), ai nói đến Tây học thì bị mang tiếng là “ Hán gian ” hay là đồ bán nước (“ mại quốc tặc ”), tình hình này kéo dài suốt mấy mươi năm cuối đời nhà Thanh⁽¹⁾.

Cũng trong chiều hướng phân tích về những nguyên nhân đưa đến sự đình trệ trong quá trình cận đại hoá của Trung Quốc, nhà học giả Nhật Bản Minamoto Ryôen đã nêu ra tám điểm :

1) Bị thống trị bởi người Mãn châu, mằm mống thực học cuối đời Minh và đầu đời Thanh bị bóp chết.

2) “ Tư tưởng Trung Hoa ” là chướng ngại lớn nhất trong việc tiếp thu Tây học cuối đời nhà Thanh.

3) Tống học (trường phái Nho học do Chu Hy khởi xướng vào đời Tống) dưới hai đời Minh Thanh trở thành giáo điều, mất hết sinh khí.

4) Chế độ khoa cử không nhằm kiểm tra sức suy nghĩ và phán đoán của người đi thi.

5) Tư tưởng truyền thống của Trung Quốc tôn trọng sự nhất trí, nên những ý kiến phản đối không triệt để.

6) Chiều sâu của văn hoá Trung Quốc quá lớn, trở thành một chướng ngại vật trong việc canh tân.

7) Tư tưởng “ quân tử bất khí ” (người quân tử không phải là một vật dụng chỉ dùng riêng cho một việc) đưa đến việc xem trọng những kiến thức nhân văn và khinh miệt khoa học kỹ thuật.

8) Khoảng cách về trình độ kiến thức của thành phần trí thức và dân chúng quá lớn : khoảng cách ấy giữa dân chúng và thành phần trí thức ở Nhật Bản không lớn như ở Trung Quốc và Triều Tiên⁽²⁾.

Mặc dầu điều kiện lịch sử giữa Trung Quốc và Việt Nam có nhiều điểm khác nhau quan trọng, những nhận xét trên rất đáng được chúng ta tham khảo, bởi lẽ từ đời này sang đời khác khuôn thước Trung Quốc đã là mẫu mực cho nhiều vương triều Việt Nam và những mặt tiêu cực này vẫn còn là gánh nặng mà chúng ta cần ý thức để từng bước trút đi qua quá trình cải tổ giáo dục. Những điểm chúng ta cần chú ý nhất là : 1) ảnh hưởng của chế độ khoa cử dựa trên Tống Nho, 2) tư tưởng “ tiểu Trung Hoa ” xem mình quá giỏi và coi thường văn hoá các nước không trong khối văn minh Đông Á, 3) khuynh hướng trọng hư văn và danh vị thay vì thực học kéo dài từ đời này qua đời khác ngăn chặn khả năng suy nghĩ và sáng tạo của người học. Cụ Phan Châu Trinh – một trong những trí thức Việt Nam đầu tiên giống tiếng chuông thực học và thực nghiệp – trong bức thư gửi một du học sinh ở Pháp đã viết những lời khuyên nhủ ân cần sau đây mà cho đến ngày nay vẫn còn đáng để chúng ta suy ngẫm : “ Tôi xin các anh đừng vội vàng, đừng ham nhiều, đừng khoe rộng, chỉ tùy sức mình, bước một bước cho chắc chắn một bước, nghĩa là học nghề nào thì học cho đến nơi đến chốn ; lúc về bên ta, làm thực sự học cho người thấy, để làm gương cho người sau, để dục lòng người ta vào đường thực học : ấy là thương nước đó, ấy là thương nòi đấy ”.⁽³⁾

Một vài ý kiến đóng góp

1. Vai trò của giáo dục trước vận hội của đất nước – thử thách và thời cơ trong thời đại thông tin :

Trong một bài phát biểu đây về tầm quan trọng của giáo dục khoa học trong thế giới ngày nay, ông Yoon Han-sik, một nhà khoa học nổi tiếng của Nam Triều Tiên đã nói : “ *Số phận của nước ta (Nam Triều Tiên) sẽ được định đoạt trong khoảng thời gian chuyển tiếp 10 năm đến. Hậu quả của cuộc đàm phán mậu dịch ở Uruguay là đường ranh giới giữa các nước sẽ không còn nữa, và cách sống còn duy nhất, theo tôi, là xây dựng một nền giáo dục khoa học có hiệu quả lâu dài* ”. Theo ông, chế độ giáo dục khoa học của Nam Triều Tiên tập trung vào việc thi vào đại học cần phải được cải tổ để nuôi dưỡng tinh thần sáng tạo cho người học, bởi lẽ “ *tinh thần sáng tạo là sức mạnh của đất nước, chỉ dựa trên đó, Nam Triều Tiên mới có thể sản xuất những mặt hàng có thể cạnh tranh trên thế giới* ”⁽⁴⁾

Đợt cải cách giáo dục lần thứ ba kể từ Minh Trị Duy Tân đang tiến hành hiện nay ở Nhật Bản chính cũng nhằm xây dựng một nền giáo dục Nhật Bản thích ứng với thời đại thông tin (information age). Bộ giáo dục Nhật đang cố gắng nâng đỡ những chương trình phát triển khả năng sử dụng những dụng cụ thông tin, trang bị thêm máy tính cho các cơ sở giáo dục. Lợi thế của Nhật Bản trong đợt cải tổ này là phụ huynh học sinh và các cơ quan truyền tin và báo chí ở Nhật vốn rất quan tâm đến giáo dục ; bởi lẽ cuộc cải tổ có đi đúng phương hướng hay không, không những chỉ dựa vào những người có trách nhiệm trực tiếp đối với giáo dục mà còn tùy phụ huynh cùng các cơ quan truyền tin có sẵn sàng san sẻ gánh nặng hay không.

Việt Nam đang bước vào năm thứ 9 của kỷ nguyên đổi mới. Đầu tư của các nước càng nhiều, giao lưu quốc tế ngày càng gia tăng tốc độ thì nhu cầu thích ứng với thời đại thông tin ở nước ta ngày càng khẩn trương và bức thiết hơn lúc nào hết. Nước ta đang đối đầu với một cuộc thử thách có liên hệ đến vận mệnh của đất nước. Nếu thua thiệt trong trận thử thách trí tuệ và thông tin này, Việt Nam không những phải đi tụt hậu mà người dân ta phải bị mất chủ quyền kinh tế ngay chính trên đất nước mình. Nếu thắng lợi, đây là cơ hội ngàn năm một thuở để nước ta có thể bước qua cảnh nghèo nàn, dân ta có thể có điều kiện để làm ăn và cạnh tranh với các nước Âu – Á.

Không phải là một chuyên gia khoa học kỹ thuật, tôi xin ghi nhận lại ý kiến một người bạn Việt Nam hiện nay làm giám đốc một công ty software ở Nhật trong lần trò chuyện với anh ta vào hè 1993. Theo ý anh, nước ta tuy nghèo, rất nghèo nhưng có tiềm năng chất xám lớn ; đặc biệt năng khiếu về toán của người Việt Nam đã là điều ngạc nhiên và cũng là niềm cảm phục cho không ít người ngoại quốc. Anh cho rằng chúng ta có thể tận dụng tiềm năng đó bằng cách tập trung phát triển kỹ nghệ software ở Việt Nam vừa để tạo công ăn việc làm cho giới trẻ, vừa để cho những mầm non của đất nước có phương tiện học nghề và phát triển tài năng. Theo anh, về lâu dài nước ta có thể trở thành một trung tâm

đặt hàng software cho các nước châu Á – Thái Bình Dương. Anh gọi chiến lược “nhất cử lưỡng tiện” này là “Software lập quốc”, tức là xây dựng một bộ phận kỹ thuật của đất nước trong giai đoạn đầu dựa trên cơ sở software.

2. Cần nhấn mạnh thực học và thực nghiệp :

Do ảnh hưởng của chế độ khoa cử trọng hư văn ngày xưa, ở Trung Quốc, Triều Tiên và Việt Nam, thực học và thực nghiệp thường bị coi nhẹ. Trong cuốn **Japanese Technology** (Kỹ thuật Nhật Bản), ông Moritani Masanori cho rằng một trong những điểm mạnh của nền kỹ thuật Nhật Bản là sự chú trọng đến khâu sản xuất (production line), và theo ông, đây chính là một nhược điểm của Trung Quốc. Moritani cho biết rằng ở Trung Quốc phần lớn những sinh viên tốt nghiệp có tài năng từ các ngành khoa học và kỹ thuật đều tập trung vào Bộ Công nghiệp và đóng vai trò quản lý các xí nghiệp quốc doanh. Tuy nhiên các kỹ thuật gia tài năng này không được điều động về nhà máy để tham gia vào quá trình sản xuất. Họ chỉ là công nhân viên thuần túy của nhà nước. Theo Moritani, lối sử dụng sinh viên tốt nghiệp như thế này và sự gạn lọc học búa của các thí sinh thi vào đại học ở Trung Quốc khiến người ta liên tưởng đến chế độ khoa cử tuyển chọn quan lại ngày xưa. Từ đó, ông đi đến kết luận là các xí nghiệp ở Trung Quốc được quản lý bởi những kỹ thuật gia có tài ; tuy được huấn luyện trong các ngành khoa học và kỹ thuật nhưng họ không có kinh nghiệm trực tiếp với quá trình sản xuất.

Từ đầu thập niên 1980 đến nay, công cuộc cải tổ giáo dục đại học ở Trung Quốc đã đạt nhiều thành tích đáng chú ý. Cụ thể là trong khoảng thời gian từ 1978 đến 1990, số trường đại học tăng từ 598 lên 1075, sinh viên đại học tăng từ 856 000 lên 2,6 triệu, và sinh viên cấp cao học tăng từ 11 000 lên 113 000. Để cải tổ tình trạng sinh viên được bổ nhiệm một cách vô điều kiện vào các cơ quan nhà nước sau khi tốt nghiệp, các cơ quan (kể cả các cơ quan nhà nước) nay có quyền tuyển lựa ứng viên nào thích hợp nhất từ các hồ sơ xin việc của các sinh viên tốt nghiệp, chứ không còn tự động chấp nhận những sinh viên tốt nghiệp do nhà nước giới thiệu.

Mặt khác, nhằm giải quyết tình trạng cách ly giữa đại học và xã hội, giữa nghiên cứu và sản xuất, đại học Trung Quốc từ mười mấy năm gần đây đã cố gắng kết hợp nghiên cứu khoa học với chương trình thực tập của sinh viên hoặc áp dụng mô hình “vừa học vừa làm” (work - study). Đầu năm 1988, uỷ ban Giáo dục Nhà nước của Trung Quốc quyết định rằng trong những năm còn lại của thế kỷ XX, “*Trung Quốc phải xây dựng một nền giáo dục đại học có cấu trúc hợp lý và có khả năng thích ứng với những nhu cầu của xã hội ; giáo dục đại học phải kết hợp nhuần nhuyễn với giáo dục ở các cấp tiểu học và trung học, cũng như với giáo dục hướng nghiệp và giáo dục kỹ thuật*”. Mục tiêu của Trung Quốc là đến giữa thế kỷ XXI, một số đại học ở Trung Quốc sẽ bắt kịp những đại học ở các nước tiên tiến trên hai mặt giáo dục và nghiên cứu khoa học.

3. Giao lưu quốc tế và việc kiện toàn một nền giáo dục đại học đúng kích thước Việt Nam :

Giao lưu quốc tế là trào lưu của thời đại nói chung và của giáo dục đại học nói riêng. Trong khoảng 10 năm kể từ khi

bắt đầu chương trình cận đại hoá vào năm 1979, Trung Quốc đã gửi 80 000 sinh viên ra du học ở nước ngoài, trong đó có 25 000 sinh viên du học tự túc (không có sự tài trợ của chính phủ), và 45 000 sinh viên đã về lại Trung Quốc để phục vụ. Vào năm 1989, có đến 1 000 sinh viên soạn luận án tiến sĩ về vật lý ở Hoa Kỳ. Nói về nhu cầu học hỏi kinh nghiệm của nước ngoài, ông Hà Đông Xương, thủ trưởng uỷ ban Giáo dục Nhà nước của Trung Quốc, đã tuyên bố : “*Để xúc tiến nỗ lực cận đại hoá, chúng ta cần phải tiếp thu những điểm tiên tiến của mọi nước*”.

Theo ông Tạ Lâm (nguyên giáo sư đại học và hiện nay là phó chủ tịch Uỷ ban khoa học kỹ thuật thành phố Thượng Hải), để các sản phẩm Trung Quốc có thể đi vào thị trường quốc tế, người Trung Quốc phải hiểu biết về thế giới. Theo ông, nền khoa học và kỹ thuật của Hoa Kỳ rất tiên tiến nhưng cũng có nhiều vấn đề. Phương thức ông đề nghị trong quá trình tiếp thu là “*Dương vị Trung dụng*” (áp dụng kỹ thuật của Tây phương dựa trên tinh thần của Trung Quốc). Như chúng ta đều biết, nước Nhật sơ dĩ có thể tiến lên hàng cường quốc sau Minh Trị Duy Tân cũng là nhờ tinh thần học hỏi và tiếp thu văn hoá và kỹ thuật của các nước tiên tiến lúc bấy giờ. Ngày nay, mặc dầu Nhật Bản đã trở thành một “*Siêu cường quốc kinh tế*” nhưng khả năng học hỏi những ưu điểm trong văn hoá nước ngoài của người Nhật không phải vì thế mà suy giảm. Một học giả Nhật Bản học người Hoa Kỳ có nhận xét về thái độ học hỏi của người Nhật như sau : “*Khi có hai người cùng ngồi với nhau, người có thông tin mới sẽ được chấp nhận là thầy, và người nghe sẽ là học trò. Ai cũng có lúc đóng vai học trò, và người học trò tốt luôn luôn được kính nể. Người học trò tốt là người có óc khiêm tốn, biết hạ mình, và nhẫn nại... Người học trò luôn luôn đóng vai trò là người tìm học tất cả những gì có thể học hỏi ; anh ta không bao giờ tìm cách tỏ ra mình khôn hơn người ta*”.

Người Việt Nam vốn hiếu học, lại thêm có các đức tính là thông minh, cần cù và nhẫn nại. Trong làn sóng giao lưu văn hoá, kinh tế, và khoa học kỹ thuật ngày nay, nếu ta biết lợi dụng triệt để thời cơ để khiêm tốn và nhẫn nại học hỏi, biết mình biết người, đời sống văn hoá và kinh tế trong nước chắc chắn mỗi ngày sẽ một phong phú hơn. Trình độ kiến thức của 70 triệu con người Việt là nguồn tài sản và cũng là phương tiện giúp ta giữ nước và dựng nước trong thời đại thông tin. Xây dựng một nền giáo dục đại học tràn đầy sinh khí để đáp ứng nhu cầu của đất nước chính là vì thế có ý nghĩa vô cùng trọng đại.

Vĩnh Sính

(1) Du Shiran (Đỗ Thạch Nhiên), *Nitchu kindaiika katei no hikaku kenkyu* (So sánh quá trình cận đại hoá ở Nhật Bản và Trung Quốc). **Nihon Bunka Kenkyusho Kenkyu Hokoku** (Báo cáo nghiên cứu của Trung tâm Nghiên cứu Văn hoá Nhật Bản), số 27 (1991), tr. 124 - 25.

(2) Như trên, tr. 125.

(3) Trích dẫn từ Kiều Thanh Quế, **Cuộc tiến hoá văn học Việt Nam** (Hà Nội : Nxb Đối Mới, 1943), tr. 140 - 141.

(4) **The Korea Economic Weekly**, February 14, 1994, tr. 5.

Nho giáo và ta thái độ tỉnh thần

bùi mòng hùng

C húng ta gánh quá khứ đi vào tương lai. Không quá khứ, dân tộc cũng chẳng có tương lai. Tuy nhiên, thiếu sáng tạo, rập khuôn theo cái cũ, quá khứ trở thành gánh nặng. Đã làm ngã gục trên đường diễn biến của lịch sử biết bao nền văn minh chói lọi một thời.

Vấn đề là làm sao cho những tập tục, thói quen đã được chất lọc thành di sản đời nọ truyền lại cho đời kia và đã tạo nên phong cách của dân tộc ứng xử với mình với người với thiên nhiên không làm trở ngại cho việc tiếp thu cái lạ, chuyển hoá chúng nên cái mới. Nhờ vậy mà đậm bản sắc riêng, những giải pháp đáp ứng với các vấn đề thời đại đặt ra cho dân tộc cho loài người.

Vấn đề đặt ra cấp thiết với dân tộc Việt Nam, sau mấy chục năm hy sinh xương máu mới giành lại được chủ quyền, đang đứng trước lựa chọn con đường cho vận mệnh của mình : khéo chọn là cơ hội ngàn năm một thuở cả dân tộc vượt qua tình trạng nghèo nàn lạc hậu mở ra một tương lai cho hôm nay và mai sau ; vụng tính thì cứ quẩn quanh không thoát ra khỏi vòng chậm tiến, mất chủ quyền, trước tiên là chủ quyền kinh tế ngay trên đất nước của mình.

Chính vì vậy mà vấn đề truyền thống văn hoá trở nên một vấn đề thời sự của ta. Trong tầm nhìn văn hoá này, tất cả mọi yếu tố truyền thống đều quan trọng, truyền thống xa xưa, truyền thống trong thời gian trăm năm sống dưới ách thực dân và truyền thống mới hình thành những thập niên vừa qua trong kháng chiến giành độc lập thống nhất cho đất nước.

N ho giáo chỉ là một trong các yếu tố truyền thống đó. Nhưng lại là ý thức hệ chủ đạo nhào nặn nên khuôn mặt chính trị, xã hội, kinh tế của ta suốt nhiều thế kỷ. Chính vì vậy mà từ xưa tới nay, con mắt ta nhìn Nho giáo đầy thiên kiến. Sùng bái như chân lý tuyệt đối trong một thời gian dài. Cho đến ngày va chạm với Tây phương, cả cái thế giới ta xây dựng theo ý thức hệ đó sụp đổ. Bùng dậy, ta đổ lên riêng đầu Nho giáo cái tội làm nước yếu dân hèn. Đã có những lúc cương quyết đòi quét cho sạch, nhổ cho hết tàn dư tư tưởng Nho giáo trong xã hội.

Nhưng rồi, các “ con rồng ” Đông Á đồng loạt phát triển kinh tế liên tục với một tốc độ đáng nể. Để lý giải hiện tượng này, được nêu lên ý kiến cho rằng những yếu tố tích cực của Nho giáo là động cơ thúc đẩy sự vùng dậy của các nước Đông Á. Vấn đề Nho giáo được đặt lại. Có xu hướng mong khôi phục những giá trị Nho giáo, khắc phục những mặt dở, phát huy các mặt hay...

Nói thì dễ. Chỉ có điều Nho giáo là một truyền thống văn hoá, ăn sâu vào tâm lý, vào tiềm thức vào cung cách ứng xử, vào lối sống của ta. Và vì thế nó tuân theo những quy luật riêng của hiện tượng văn hoá, chẳng phải muốn bỏ là nó mất

dạng trong một sớm một chiều, muốn phát huy thì nó nổi đình nổi đám lên ngay tức khắc. Chẳng thấy, vào cái thời Nho giáo bị chính quyền quyết tâm diệt bỏ như là tàn dư của phong kiến bảo thủ lạc hậu, biết bao người “ ... tự coi là rũ sạch ảnh hưởng Nho giáo, lên án Nho giáo kịch liệt, nhưng vẫn sống vẫn nghĩ rất ‘ Nho ’ ” Như Trần Đình Hượu hóm hỉnh nhận xét (Đến hiện đại từ truyền thống, Hà Nội 1944, tr.3).

Chẳng đơn giản chút nào. Chỉ riêng hai phương diện, nhìn Nho giáo như một hệ tư tưởng lớn của loài người hay xem Nho giáo như một truyền thống văn hoá của dân tộc, chúng liên quan mật thiết và bổ sung cho nhau, nhưng cách đặt và đề cập vấn đề mỗi phương diện mỗi khác.

Nho giáo, hệ tư tưởng lớn của loài người

Bình tâm mà nhìn lại, Nho giáo được ta tôn sùng trong nhiều thế kỷ, nhưng như từ xưa tới nay ta chưa từng tìm hiểu một cách khách quan và toàn diện hệ tư tưởng Nho giáo trong quá trình diễn biến của nó trong lịch sử.

Xin không bàn đến đời Lý và đời Trần, nền học thuật được Lê Quý Đôn nhắc đến trong **Kiến văn tiểu lục** với lòng trân trọng “ ... nhân vật trong một thời có chí khí tự lập, hào hiệp, cao siêu, vững vàng, vượt ra ngoài thói thường, làm rạng rỡ sử sách. ”, vì là những thời đại đã xa xôi. Mà được cùng nhau nhìn lại một số nếp ứng xử và tư duy của ta qua **An Nam cung dịch kỷ sự** (gọi tắt là ANCDKS) của Chu Thuấn Thủy ⁽¹⁾ ghi lại sự việc ông bị chính quyền chúa Nguyễn trưng dụng. Một sử liệu vào cái thời buổi mà lực lượng tư bản Tây phương đã đặt chân vào Á Đông, nhưng phần ta cũng còn thời gian để chuyển đổi.

Chu Thuấn Thủy (1600 - 1682), một kẻ vô danh. Đối với Việt Nam. Người Nhật biết đến nhiều hơn : ông là nhà Nho Trung quốc thời Minh mạt, không chịu thần phục triều đình Mãn Thanh, định cư rồi nhập tịch Nhật năm 1659, đem truyền bá cốt tuỷ học thuật của Vương Dương Minh (1472 - 1529) khiến cho phái Nho học Mito (Thuỷ Hộ) phát triển, sau này thành một trong những động lực hàng đầu thúc đẩy cuộc Minh Trị duy tân Nhật Bản.

Nhưng, trước khi vĩnh viễn định cư ở Nhật, trong 12 năm trường, từ 1646 cho đến 1657, có những bằng chứng cho nghĩ rằng ông có ý định ở lại hẳn Hội An. Chỉ ít thì những năm bôn ba giữa Trung Quốc, Nhật Bản và Việt Nam kinh doanh hải ngoại để phục Minh bài Thanh ấy, ông đã lấy Hội An làm đất dụng võ (Trần Kinh Hoà, t.l. đ.d., chú thứ 4, tr. 226).

Năm 1657, Chu Thuấn Thủy đang ở Hội An. Chúa Nguyễn, lúc đó là chúa Hiền Nguyễn Phước Tần (1648 - 1687) ra lệnh trưng dụng người Trung Hoa có học...

Vào những năm 50 thế kỷ 17 này, thế Đàng trong lên như diều gặp gió. Năm 1648, Nguyễn Phước Tần lúc còn là thế tử làm tiết chế chư quân cả phá quân Trịnh ở sông Gianh. Năm đó lên ngôi chúa. Đến 1655 chúa Hiền lấy Thuận nghĩa hầu Nguyễn Hữu Tiến làm tiết chế, Chiêu vũ hầu Nguyễn Hữu Dật làm đốc chiến, dùng chiến lược của Hữu Dật, đại thắng,

(1) Trần Kinh Hoà : **Chu Thuấn Thủy (An Nam cung dịch kỷ sự) tiên chú**, Journal of the Institute of Chinese Studies of the Chinese University of Hong Kong, Vol I, 1968, Tr. 208-247.

Nhân đây xin cảm tạ nhà nghiên cứu hán nôm Tạ Trọng Hiệp đã cung cấp cho tư liệu này.

đánh đuổi quân Trịnh chiếm bảy huyện ở Nghệ An, tiến sát bờ nam sông Lam. Đàng ngoài rung động.

Chúa Nguyễn sai người đem mật chỉ ra các trấn phía Bắc chiêu dụ hào kiệt. Người ở các nơi, Cao Bằng có Mạc Kính Hoàn, Sơn Tây có Phạm Hữu Lễ, Hải Dương có quân công Phấn, nhận lời hưởng ứng khi đại binh chúa Nguyễn vượt sông Lam tiến ra Bắc. Hải Dương sẽ không nạp tô thuế nhằm tuyệt lương quân Trịnh, Hữu Lễ nguyện làm nội ứng cướp lấy thành Sơn Tây, Cao Bằng sẽ phát binh chiếm Đoàn Thành (tỉnh lý Lạng Sơn ngày nay), chia thế lực quân Trịnh.

Đại quân Đàng ngoài dưới quyền điều khiển của Trịnh Tạc, Trịnh Toàn vào tăng viện mặt trận lại thua luôn. Năm 1657 ấy, khí thế Đàng trong hưng hực. Tiến ra thu phục Bắc Hà đường trong tầm tay, chúa Nguyễn cần thêm người lo việc văn thư. Lệnh trưng dụng ban ra.

Được lệnh ấy, quan Cai phủ ở Hội An bắt giữ Chu Thuần Thuỷ, “ như giặc cướp ”. Sai quan đến khảo sát, bảo làm thơ. Thuần Thuỷ khai rằng nước lâm nạn, bỏ mồ mả vợ con mà ra đi, giặc còn chưa diệt, lo như lửa cháy trong lòng, làm thơ không làm (ANCDKS điều thứ nhất, t.l.d.d. tr. 214).

Quan cho giải Thuần Thuỷ đi Dinh Cát, Quảng Trị yết kiến chúa Hiền. Đến trước mặt chúa, Thuần Thuỷ vì lòng tôn trọng quốc thể của mình, vì tinh thần học phái Vương Dương Minh, không chịu quỳ lạy theo nghi lễ bản xứ. Chúa nổi giận, các quan văn võ đại thần cho là Thuần Thuỷ cậy thế Trung Quốc nước lớn khinh nhục nước bé, buộc vào tội chết.

Khuyên nhủ dụ dỗ, Thuần Thuỷ khẳng khái một mực thà chịu chết, không đổi ý. Một nhà Nho khí tiết, học vấn cao rộng. Nhưng chúa Hiền nào phải bản lĩnh tầm thường : nhà chúa đang xây dựng cơ đồ cho Đàng trong. Bắc thắng quân Trịnh, Nam mở rộng đất nước đến đồng bằng sông Cửu Long, sau đó, năm 1679 biết thu dụng bọn tướng nhà Minh Dương Ngạn Dịch, Trần Thắng Tài đem hơn 3000 binh và 50 chiến thuyền đến xin qui phụ, cho vào khai khẩn vùng Mỹ Tho, Biên Hoà.

Khi hiểu ra rằng Chu Thuần Thuỷ không hề có ý khinh thị, chúa Hiền chẳng những tha tội lại còn có thơ vờ Chu ra làm quan với những câu chữ long trọng “ *Thái công giúp Chu, mà Chu thịnh, Trần Bình ở Hán, mà Hán hưng* ”. (ANCDKS t.l.d.d. điều thứ 23, tr. 218) Tuy nhiên không khỏi chỉ là lời văn sáo ; nhận định của Trần Kinh Hoà – chúa Hiền cần người có văn tài đảm đương công việc văn thư, đối với Chu Thuần Thuỷ chẳng qua như đối với người dân hay thương gia Hoa kiều ở Hội An không hơn không kém (Trần Kinh Hoà, t.l.d.d., tr. 241) – chắc là không xa với sự thực.

Chúa Hiền có thừa bản lĩnh thu phục tướng sĩ. Tuy nhiên, trong lĩnh vực tư tưởng đã bỏ lỡ một cơ hội cho học thuật nước nhà được thêm phong phú với tư tưởng một đại nho phái Vương Dương Minh. Cơ hội mất đi, vì tinh thần nhà chúa và/hay vì tinh thần chung của giới sĩ phu thiếu hấp dẫn đối với Chu Thuần Thuỷ ? Chỉ thấy ông ta xin trở lại Hội An và sau đó vĩnh viễn giã từ đất nước Việt.

Chu đã có thời gian để nhận xét về sĩ phu Đàng Trong, vào thời đó tuy học hành khoa cử chưa thành nề nếp như ở Bắc Hà, nhưng cũng đã lộ rõ một số nét tinh thần chung còn tồn tại cho đến ngày nay. Trước tiên là quá trọng khoa cử,

học vị. Ngay trong những ngày đầu bị áp giải đi Dinh Cát, Thuần Thuỷ đã gặp sự sùng bái tiến sĩ lộ nơi câu hỏi của các quan gặp ở Cửa Hàn : “ *cống sĩ và tiến sĩ ai lớn hơn ai* ”. Đoán ra ý đó ông đáp : “ *Quý quốc không biết ý nghĩa của khoa mục...* ” (ANCDKS điều thứ 6 t.l.d.d. tr.215).

Qua những cuộc đàm thoại giữa Chu và các quan lớn nhỏ vì nhiệm vụ đến tìm hiểu khuyên nhủ cũng có, vì hăm mộ khí tiết Thuần Thuỷ một mực khẳng khái chịu chết không đổi ý mà đến tham kiến cũng có ta thấy được một giới sĩ phu có lễ giáo và hiếu học. Tuy nhiên, dưới mắt Thuần Thuỷ, học thuật có điểm khiếm khuyết. Trong lời ngỏ cùng các quan văn võ lớn nhỏ, ông nhấn nhủ : “ *... quý quốc không biết ý tứ của cách đọc sách..., chẳng khác gì bỏ vàng ngọc mà đi quý sỏi ngói...* ” (ANCDKS điều thứ 28, t.l.d.d. tr. 222) Một vị quan đến hỏi nghĩa lý cổ văn than : “ *An Nam giải thích quá sơ lược* ”, Thuần Thuỷ đáp : “ *Sơ lược không ngại, chỉ sợ không được toàn vẹn mà thôi* ” (ANCDKS điều thứ 29, t.l.d.d. tr.222)

Trúng ngay căn bệnh trầm kha của học thuật nước ta : đắm mình vào cái học vụn vặt, trọng thi cử hư danh, bỏ rơi căn bản. Suốt hàng chục thế kỷ, Nho giáo không ngừng phát triển tư tưởng và lý luận trước thách thức của thời đại, của Đạo giáo, Phật giáo. Ta chỉ chọn lấy một học phái duy nhất, học phái Chu Hy (1130 - 1200). Và ngừng tại đó, lấy làm chân lý tuyệt đối, loại bỏ mọi luồng tư tưởng khác biệt. Mà học Chu Hy cũng chẳng cho toàn vẹn : chủ yếu học kinh sách trích đoạn “ cắt đầu hót đuôi ” với loại sách như Ngũ kinh tiết yếu của Bùi Huy Bích (1744 - 1818). Chẳng được tự do đi tìm “ cái chân tướng của thánh hiền ” (xem Nguyễn Trọng Nghĩa, *Huỳnh Thúc Kháng*, ĐĐ số 36, 12.94, tr.28-29)

Không cần thực chất, chủ yếu tìm lấy tín điều. Cái tinh thần ấy tiềm nhiễm vào ta. Hiểu biết nông cạn mà đánh giá vội vã. Mà lại muốn là đánh giá dứt khoát cho muôn thuở, để tăng bốc sùng bái, cũng như để lên án, gạt bỏ. Tinh thần ấy, ta gặp cả trong thời gian tôn sùng Nho học lẫn lúc bài Nho, bài Khổng. Ta lại gặp trong thái độ đối với tư tưởng Mác du nhập vào nước ta. Cũng như đối với khoa học, chẳng xem như một tinh thần, những khái niệm, lý thuyết, phương pháp, từ các tri thức đã có mở ra những lĩnh vực kiến thức mới ngày càng sát với thực tại hơn. Mà đi nhìn như một cái gì cao siêu để sùng bái.

Thật trái ngược với tinh thần thực nghiệm của một xã hội hiện đại. Thực nghiệm, so sánh lý thuyết với thực tại. Trong khoa học đã đành, buộc các ngành, mỗi khi cần thiết, phải chuyển đổi khái niệm, lý thuyết căn bản để lý giải cho thật sát các hiện tượng quan sát được. Mà ngay cả trong không gian văn hoá và xã hội.

Hai trận thế chiến, khủng hoảng của hệ xã hội chủ nghĩa hiện thực cũng như của hệ tư bản chủ nghĩa đã rung chuyển đến tận gốc rễ lòng tin nơi những hệ tư tưởng tự cho là nắm chân lý vĩnh hằng. Người ta biết tôn trọng hơn xưa các hiện tượng quan sát được. Như yếu tố kinh tế và yếu tố tư tưởng, cả hai đều có mặt trong sự phát triển của xã hội. Khi chưa xác định một cách cụ thể tương quan giữa hai yếu tố này, ta chỉ biết rằng phủ nhận một trong hai là không đúng với những điều nhận xét. Còn bàn cãi xem cái nào hơn cái nào kém, trong tình trạng hiểu biết còn khiếm khuyết chẳng khác

nào tranh luận xem gà có trước trứng hay trứng có trước gà.

Tán thành hay phản bác đều thứ yếu, hiểu biết mới cần thiết. Nhất là trong cái thời buổi mà các hệ tư tưởng đang phải tan vỡ vì không giải đáp nổi với thực tại.

Chính vì thế mà Nho giáo không thể là một hệ tư tưởng cho con đường phát triển Việt Nam. Trên điểm này, ta chỉ có thể đồng ý với Nguyễn Kiến Giang (*Nên đặt vấn đề Nho giáo như thế nào?*).

Tuy nhiên không vì đó mà ta không trân trọng tìm hiểu Nho giáo. Quay về xét lại căn bản của các hệ tư tưởng – Đông và Tây, trong cũng như ngoài truyền thống của ta – đã nêu lên, tìm cách lý giải có hệ thống những vấn đề đặt ra cho con người từ xưa đến nay là một bước đi vô cùng bổ ích. Trong cái quá trình tổng hợp giải pháp cho các thách thức của thời đại đang đặt ra cho dân tộc ta, cho loài người.

Nho giáo, một truyền thống văn hoá dân tộc

Nhưng Nho giáo đã được dân tộc ta tiếp thu từ lâu đời. Chúng ta đã chuyển hoá nó vào nếp sống, lối suy nghĩ, tổ chức xã hội của ta. Nó không còn nguyên vẹn như Kinh như Truyện. Nó đã thành ta, đến nỗi ta chẳng còn ý thức nó tác động đến lối nhận thức, suy diễn, tư duy của ta như thế nào nữa. Chủ nghĩa Mác khi vào Việt Nam bị sơ lược hoá “*thành một thứ lý tưởng của những chính nhân quân tử, tiên tri tiên giác. Nội dung triết học, khoa học bị tước bỏ hoặc giải thích tùy tiện theo kiểu nho giáo*” (Trần Đình Hượu, s.d.d. tr.89)? Nguyên do vì tinh thần Nho giáo và/hay vì trạng thái xã hội tiền khoa học, vấn đề còn cần phải thảo luận. Nhưng mấy người cộng sản Việt Nam ý thức được hiện tượng này?

Trần Đình Hượu là một trong số rất hiếm người Việt chịu khó tìm hiểu suốt hàng chục năm trường truyền thống – đặc biệt là truyền thống Nho giáo – trong thực tế sinh động, trong con người, trong phong tục tập quán, trong thiết chế xã hội...

Anh hoàn toàn có lý khi chủ trương: “*Có hiểu đúng cả Nho giáo lý thuyết trong Kinh Truyện và cả cái Nho giáo trong thực tế, trong cuộc sống, nhất là tìm ra* (những chữ đậm là do B.M.H. nhấn mạnh) *cơ chế tác động của Nho giáo vào thực tế, hình thức tồn tại của nó trong xã hội, trong văn hoá thì mới đánh giá đúng mức ảnh hưởng của nó không chỉ ngày xưa mà cả ngày nay, không chỉ ở Việt Nam mà cả ở vùng Đông Nam Á. Đó là những tri thức cơ bản, làm cơ sở cho việc giải quyết các vấn đề ngày nay nhiều người quan tâm, liên quan đến con đường phát triển của xã hội ta.*”

Trích một đoạn dài bài *Nho giáo đã thành vấn đề như thế nào với nước Việt Nam ngày nay?* để thấy oan uổng nếu buộc cho anh ý đồ “*coi Nho giáo là cơ sở cho việc giải quyết các vấn đề của đất nước hôm nay*” như Nguyễn Kiến Giang trong bài *Nên đặt vấn đề Nho giáo như thế nào?* Rõ là anh Hượu nhận định rằng sự hiểu biết tường tận lý thuyết cũng như cơ chế tác động của Nho giáo vào thực tế – chỗ nào có phải là Nho giáo tự nó – là những tri thức cơ bản cần phải có.

Vì có nắm vững những tri thức ấy ta mới hiểu được ta trong quá khứ và trong hiện tại. Cũng như hiểu được các dân tộc quanh ta ở vùng Đông Á, sâu sắc hơn là cái nhìn hời hợt bề ngoài. Ta chỉ có thể đồng tình với anh rằng hiểu biết cơ chế tác động của Nho giáo nói riêng, của truyền thống nói

chung là những tri thức cơ bản để trên đường phát triển ta tiếp thu cái lạ, sáng tạo cái mới, không ngưng nghỉ lơ lửng. Chính vì không sao chép nguyên xi mà hấp thu chuyển hoá chúng theo tập tục, bản lĩnh của ta. Thành cái của riêng ta.

Và chúng ta tiếc cho những ý định Trần Đình Hượu – dù tầm quan trọng để làm đề tài cho một viện nghiên cứu – gần như chỉ có anh đơn thương độc mã đeo đuổi, trong những điều kiện tinh thần và vật chất tồi tệ, thiếu tài liệu, thiếu trao đổi với các nhà nghiên cứu ở các nơi, cách bức với nhiều luồng tư tưởng, tìm tòi trên thế giới. Và vì vậy còn là những bước đầu. Vẫn chờ đợi được nghiên cứu sâu rộng thêm.

Vấn đề truyền thống càng thêm lý thú khi sự phát triển các nước Đông Á có khác biệt với quan niệm lý thuyết của nhiều giới Tây phương.

Một trong những điểm đặc thù là vai trò của nhà nước. Mà theo nhiều thuyết thịnh hành, vai trò này rất giới hạn, nếu không nói là càng giới hạn chừng nào càng tốt chừng đó. Nhưng, trên thực tế nhà nước đã đóng vai trò chủ yếu trong sự phát triển của Nhật Bản, Triều Tiên, Đài Loan, Thái Lan, Trung Quốc. Trong chính sách, đầu tư, hình thành cấu trúc công thương nghiệp, tạo dựng giới doanh nhân...

Ta không thể không tự hỏi truyền thống Nho giáo có ảnh hưởng gì trong hiện tượng này? Và không thể không nhìn lại ta. Nhà nước vẫn cứ như bóng mờ. Vì rằng quan niệm về nhà nước của đảng độc quyền cầm quyền cứ nhập nhằng.

Trong khi đó đất nước đi vào một khúc quanh: vừa vượt qua được giai đoạn hiểm nghèo, phát triển hanh thông nhờ các lực lượng sản xuất bao lâu bị đè nén bởi những gò bó phi lý được giải phóng. Sức bật lên ấy đã có dấu hiệu đuối. Và sẽ mau chóng hết đà nếu không được tiếp sức bởi tác động tích cực của một nhà nước hữu hiệu, quyền lực được bảo đảm và qui định bởi những định chế thích nghi. Một nhà nước xứng với danh nghĩa của nó, đủ uy lực để ban hành những định chế, pháp chế, để thực thi chính sách kinh tế và xã hội có sức thuyết phục người trong và ngoài nước an tâm đầu tư và làm ăn. Cho đất nước tiếp tục phát triển vững bền.

Chưa thấy đâu là ý chí đảng cầm quyền xây dựng một mẫu nhà nước vừa phù hợp với truyền thống khu vực vừa đáp ứng được yêu cầu của thực tại đất nước. Mỗi chỉ thấy, kinh tế vừa khấm khá lên, đã nảy ra xu hướng mong sử dụng truyền thống Nho giáo. Theo kiểu Lý Quang Diệu ở Singapore. Cho những ai ở địa vị tôn quý mãi mãi có quyền bắt người dưới ngoan ngoãn cúi đầu câm miệng mà từng phục.

Nhưng trong thời buổi mà các giá trị xã hội đang băng hoại cũng có thể quan niệm tìm cách xây dựng giá trị cho một xã hội mới, hội nhập được những giá trị Nho giáo truyền thống như nhân ái, tín nghĩa.

Tuy nhiên, muốn cuộc muốn cây cho ra trò thì phải học cuộc học cây. Kiểm điểm lại, hiểu biết của ta quá lơ mờ. Về ta cũng như về các dân tộc ở gần cũng như ở xa ta. Không thể sử dụng truyền thống, tư tưởng, nếu thiếu một thái độ tinh thần: Tìm hiểu với tầm nhìn không bị mục tiêu thiển cận chặn ở chân trời không xa hơn chót mũi. Tìm hiểu như một bước hành động nghiêm chỉnh. Tìm hiểu một cách khách quan, sâu, rộng, chưa từng được ta thể hiện từ xưa đến nay.

bùi mòng hùng (4.95)

Ly Hương

Cúi mặt mà đi

Vụ thảm sát

Bạn cố tri của tôi, một chuyên viên tin học, định cư ở Berlin đã chục năm có lẽ, đón tôi tại sân ga với bộ mặt chảy dài, mệt mỏi :

– Khốn nạn, ông đến không đúng lúc một chút nào. — thay vì phải vui vẻ, bạn tôi vừa bắt tay tôi vừa cần nhẩn — Đã bảo đi từ tháng trước thì không đi, cứ lần chần, lần chần mãi... Bây giờ thì hết cả văn cảnh, hết cả du ngoạn, chán ơi là chán.

Có con mèo đen nào chạy giữa chúng tôi để đến nỗi anh bạn vốn nhiệt tình với bè bạn nay lạnh nhạt thế này ?

– Đừng nghĩ vậy, ông ơi. — đoán được tôi nghĩ gì, anh cười ngượng ngịu — Vợ chồng tôi vẫn mong ông lắm. Có điều ở đây vừa mới xảy ra một vụ thảm sát đẫm máu. Năm người bị giết trong đêm qua. Ông đang ở trên đường nên chúng tôi không có cách nào báo cho ông biết để hoãn lại chuyến đi cho được. Kinh khủng lắm. Cả thành phố náo động...

– Thì chuyện đó có hề đụng gì tới mình. Lại bọn đầu trọc hả ?

– Nào có phải bọn đầu trọc ! — bạn tôi rên lên — Người Việt mình với nhau mới khốn nạn chứ. Đi đứng ở đây bây giờ, ông nhớ hộ cho, cứ là phải cẩn thận...

Anh nhón nhấc nhìn tốp thanh niên đi ngang.

– Cẩn thận với ai kia ?

– Với tất cả. — anh nhún vai — Với bọn quá khích, bọn phát-xít mới, bọn thù địch người nước ngoài. Và nhất là bọn cướp Việt Nam.

Anh hấp tấp xách va-li cho tôi ra xe, đầu cúi thấp, tránh nhìn thẳng, dáng của người có lỗi. Chỉ tới khi chúng tôi đã ngồi trong xe anh mới bình tĩnh kể cho tôi nghe chuyện vừa mới xảy ra.

Suốt hôm đó anh không cho tôi đi đâu. Chúng tôi ngồi nhà, dán mắt vào màn hình tivi, như những kẻ mắc chứng *videomanie* chính cống.

Năm xác chết, một số bị thương thập tử nhất sinh — đó là con số được thông báo trên các phương tiện truyền thông của Berlin. Hình ảnh cảnh sát khiêng các xác chết bọc trong bao nylon đưa lên xe cấp cứu xuất hiện liên tục trên các kênh truyền hình. Chẳng cần phải biết tiếng Đức cũng hiểu xương ngôn viên nói gì. *Vietnamese mafia* là những từ dễ hiểu, cho dù anh không biết một thứ ngoại ngữ nào. Và cũng dễ đoán ra vụ thanh toán lẫn nhau trong đám mafia.

Tại Cộng hoà Liên bang Đức, người ta đã quá quen với những vụ giết người trong nội bộ cộng đồng người Việt (bọn mafia Việt Nam không bao giờ dám đụng tới người Đức), nhưng vụ này, với con số người bị giết và bị thương cùng một

lúc quá lớn, quá rùng rợn, đã làm cho dân chúng Berlin khiếp đảm. « *Đó không phải kết cục đẫm máu của một vụ loạn đả do say rượu, mà là một vụ hành quyết, được thực hiện bởi bàn tay nhà nghề. Các nạn nhân đều bị bắn chết ở khoảng cách rất gần, vào thái dương và vào gáy...* », một phóng viên viết. « *Sau khi chúng nó giết chúng nó, sẽ tới lượt chúng nó giết chúng ta* », đó là câu trả lời phỏng vấn của một người dân Berlin trên đường phố trong một phóng sự truyền hình.

Vụ thảm sát nói trên xảy ra ngót ngét một năm sau cái chết của Nguyễn Phúc Văn, 33 tuổi, quê Nghệ-Tĩnh, được biết đến như một trùm mafia Việt Nam, bị hạ sát bởi một phát súng ngắn bắn trực xạ ngay trước cửa phòng ở của mình. Mấy ngày sau cái chết của Văn, một người Việt Nam khác tên là Nguyễn Hữu Hải, quê đồng bằng Bắc Bộ, bị hạ sát, cũng bằng súng lục, trong một nhà thổ ở Neukoeln (Tây Berlin). Đồn rằng một tay trùm trấn lột người Việt tại Đông Berlin đã bị Văn giết chết vào ngày 21-5-1994 và cái chết của Văn sau đó là sự trả thù của nhóm trấn lột, còn tên mafia người Bắc Bộ bị giết trong nhà thổ ở Neukoeln là do anh em của Nguyễn Phúc Văn thực hiện để trả thù cho cái chết của đàn anh.

Sở dĩ người ta nhấn mạnh quê quán của những kẻ bị giết là vì bọn mafia Việt Nam tại Đông Âu hiện nay quây tụ lại với nhau chủ yếu theo mối liên hệ quê hương. Các băng mafia Nghệ An, theo lời đồn, là những băng mạnh nhất, tàn bạo nhất. Chúng hùng cứ ở Nga, ở Tiệp, ở Đức, và gần đây ở Ba Lan, nơi người Việt làm ăn còn được dễ dàng hơn những nơi khác.

Người Việt ở Đức

Không ai có thể cho chúng ta biết con số chính xác người Việt tại CHLB Đức là bao nhiêu, kể cả nhà cầm quyền nước này. Con số ước chừng là 90 000 người.

Trước Đại chiến thế giới lần thứ hai, ở đây chỉ có vài người Việt sống lẻ tẻ, trong đó có những nhân vật sau này trở thành danh tiếng ở Việt Nam như tiến sĩ Lê Văn Thiêm, kỹ sư Trần Đại Nghĩa. Sau đó ¹, vào thời kỳ còn mồ ma nước Cộng hoà Dân chủ Đức, mới có nhiều người Việt đến làm các công việc không mấy quyền rũ đối với người Đức, theo cái gọi là những hiệp định hợp tác về lao động, thực chất là xuất khẩu lao động đơn phương, bởi vì không có một công nhân Đức nào đến làm việc ở Việt Nam hết. Trong số khoảng 80 000 người Việt Nam lần lượt đến và về nước khi hết hạn hợp đồng, có chừng 15 000 người ở lại nước Đức thống nhất, sau khi nhà nước Cộng hoà Dân chủ Đức tiêu vong.

Sau năm 1975, số người tị nạn cộng sản, chủ yếu là thuyền nhân, được nhận vào Đức có khoảng 40 000 – 45 000 người. Những người này làm thành một khối riêng, cư trú tại miền Tây Đức cũ, không giao lưu với người Việt từ Bắc Việt Nam tới, bị coi là cộng sản.

¹ Từ đầu thập niên 1960 đến 1975, ở Tây Đức (cũ) có khoảng hơn một ngàn sinh viên sang du học từ miền Nam. Chính từ số sinh viên này, đã nảy sinh một phong trào Việt kiều chống Mỹ khá mạnh mẽ tại Đức. Cũng trong thời gian này, miền Bắc đã gửi hàng ngàn sinh viên và công nhân sang học ở Đông Đức. Vài chục sinh viên đã vượt tuyến sang tị nạn ở Tây Đức [chú thích của DD].

Những người Việt đến nước Đức sau khi toàn bộ khối quốc gia cộng sản ở châu Âu tan rã nhiều màu sắc hơn cả. Đó là những công nhân lao động xuất khẩu từ Liên Xô (cũ), từ Bungaria, Tiệp Khắc (cũ), những người Việt Nam vượt biên qua ngã Nga – Ba Lan – Tiệp để vào Đức. Họ tự xưng là tị nạn cộng sản, nhiều người trong bọn họ đúng là không thích gì cuộc sống ở quê hương với thể chế hiện tại, nhưng họ không làm sao chứng minh được với nhà cầm quyền Đức sự trấn áp của chính thể cộng sản Việt Nam mà họ phải chịu đựng để được hưởng quy chế tị nạn. Số người này chiếm phần còn lại của tổng số 90 000 người nói trên và chỉ có 0,3 % bọn họ được công nhận là người tị nạn hợp pháp.

Trừ nhóm thuyền nhân sinh sống và làm ăn ổn định dưới sự bảo hộ của luật pháp Đức, nhóm những người lao động Việt Nam ở lại Đức luôn phải chạy vạy kiếm việc. Họ chỉ được phép kéo dài thời hạn cư trú, cứ hai năm một lần, khi chứng minh được mình có việc làm hợp pháp, có thu nhập hợp pháp.

Nhóm người Việt tị nạn nhiều nguồn gốc nhưng chung một mục đích kiếm tiền sống lung tung hơn cả và khó kiếm soát hơn cả. Có những người đăng ký tị nạn ở vài trại cùng một lúc để được lĩnh vài suất trợ cấp tị nạn hàng tháng. Trại tị nạn ở Đức vẫn minh không hề giống các trại tị nạn ở châu Á. Không có rào kẽm gai ở bao quanh, không có lính gác, người tị nạn sống trong những chung cư gọi là *wohnheim* khá đủ tiện nghi. Theo quy định thì người tị nạn phải sống trong trại, không được đi lại lung tung, nhưng chỉ vừa hoàn tất thủ tục nhập trại là họ đã phóng ra ngoài, sống lẩn lút trong những thành phố lớn để bán lậu thuốc lá, một nghề rất béo bở tại CHLB Đức. Đáng chú ý là người tị nạn chỉ có thể hành nghề bán thuốc lá lậu ở trên lãnh thổ thuộc Đông Đức cũ mà thôi, thậm chí tại Berlin cũng chỉ ở phần Đông thành phố này. Nước Đức thống nhất, nhưng chưa hoàn toàn.

Miền đất hứa khô cằn

Một người bà con với anh bạn tôi, một kỹ sư cơ khí tốt nghiệp Đại học Bách khoa Hà Nội, cho biết anh đã làm một hành trình hết sức gian nan để tới được miền đất hứa. Bắt được một đường dây đưa người vượt biên, anh sang tên căn hộ đang ở, cho vợ con về ở với ông bà ngoại, vay thêm tiền, tổng cộng 4 000 đô Mỹ, lên đường sang Nga, chờ ở đó trong một căn hộ chật hẹp nhồi nhét mười người một phòng rồi qua Ba Lan bằng hộ chiếu rỏm, từ Ba Lan qua Tiệp Khắc, sau đó chui lủi đường rừng qua Đức. Sở dĩ anh dẫn mình vào cuộc phiêu lưu này vì nghe người ta nói ở Đức có thể kiếm ăn dễ dàng, dễ dàng có một số vốn dặt lưng khi trở về, trong trường hợp xấu nhất bị trục xuất cũng được nhà nước Đức bồi thường 10 000 Đức mã (DM). Nhưng thực tế ở nước Đức làm anh thất vọng hoàn toàn. Như mọi người, anh nhập trại để có tên lĩnh trợ cấp rồi bỏ ra ngoài bán thuốc lá. Để được một chỗ đứng bán ngoài phố, anh phải nộp một khoản tiền hàng ngày cho bọn mafia Nghệ An khổng lồ lãnh thổ, khoản này chiếm một phần ba số tiền lãi có thể kiếm được. « Tôi nói có thể kiếm được là vì còn phải trừ đi các khoản mất mát thường xuyên, anh nói, như thuốc bị cảnh sát tịch thu, tiền nộp phạt... ». Anh nhớ vợ và hai con. Anh muốn trở về. « Xét cho cùng, sống ở quê hương là hơn cả. Có những cái khó chịu

thật, anh thừa thừa, nhưng ở đâu mà chẳng có những cái đó. Tôi không thích trật tự cộng sản, không thích thủ luật pháp chuyên chính tùy tiện của mấy ông vô sản tự xưng, nhưng nghe nói hồi này họ cũng đã tỉnh ra nhiều, đã tôn trọng dân hơn trước, không còn độc tài quá quắt như trước, cần rằng lại mà sống thì cũng sống được ».

Anh là người dù sao cũng còn may mắn. Nhiều người đã không còn cơ hội trở về. Đó là những người đã chết ngạt trong những container, mà cả thế giới, trừ Việt Nam, được biết qua hình ảnh được truyền đi qua những hệ thống truyền hình toàn cầu. Đó là những người chết mất xác trong rừng vì vướng đạn lạc của lính biên phòng. Và những người bị bọn cướp Việt Nam giết chết chỉ vì đã kiếm được một số tiền đủ để cho chúng nổi máu tham.

Anh đang chờ đợi ngày trở về. Trong khi chờ đợi, anh tiếp tục bán thuốc lá, tiếp tục nộp thuế lãnh thổ cho tên mafia Nghệ An của anh, hẳn có một căn hộ sang trọng ở Berlin và sống qua đêm với những cô gái mà hẳn không thu thuế, tiếp tục nằm úp mặt xuống hè đường để cho gót giày cảnh sát dận lên lưng mỗi lần bị bắt.

Anh không biết bao giờ mới có thể trở về. Anh không đủ tiền để làm con đường ngược lại như một số người khác : trốn qua Tiệp, mua hộ chiếu hoặc giấy thông hành thay hộ chiếu với thị thực nhập cảnh Việt Nam ở sứ quán Praha rồi mua vé máy bay bay về. Con đường này tuy vất vả nhưng là con đường rẻ nhất. Chuyện nhà nước Đức bồi thường cho người Việt Nam nhập cư lậu vào Đức 10 000 DM khi người đó tự nguyện hồi hương là chuyện bịa đặt. Chỉ có chuyện này là có thật : nếu như sứ quán Việt Nam cấp visa nhập cảnh Việt Nam cho người tự nguyện hồi hương thì nhà nước Đức sẽ cho người đó vé máy bay và 150 DM tiêu vặt để bay về Việt Nam. Nhưng để có được tờ giấy đó còn khó hơn cả con đường rừng sang Tiệp. Nếu anh có tiền, anh có thể tìm đến đường dây dịch vụ, nghe nói của một cơ quan Bộ Nội vụ mang bí số A18 tổ chức, nối liền với sứ quán, để mua visa nhập cảnh. Tuy từng trường hợp, anh sẽ phải trả từ 1 000 đến 2 000 đô Mỹ.

Sứ bộ Đại Cồ Việt thời kinh tế thị trường

Bây giờ chẳng còn ai tin vào huyền thoại nói rằng một trong những nhiệm vụ của sứ quán là bảo vệ công dân nước mình tại nước ngoài nữa rồi. Xin lỗi, tôi không nói về các sứ quán và ngành ngoại giao nói chung của cả thế giới, mà chỉ nói về các sứ quán của nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa đang đổi mới mà thôi.

Người ta kể chuyện có lần cảnh sát Nga chặn một người Việt Nam nhỏ bé ở cửa khẩu phi cảng Moscow, lục soát hành lý của người này và lấy mất của anh ta mấy trăm đô Mỹ. Nổi giận, hành khách này gọi điện thoại về sứ quán Mỹ và một lát sau cả ban giám đốc phi cảng phải ngưng công việc để xử lý hành động cường đạo của viên cảnh sát quen bắt nạt người Việt. Hóa ra người Việt Nam nhỏ bé kia không phải là công dân của nước Việt Nam anh em hôm qua của nước Nga, mà lại là một công dân Mỹ và đích thân viên tham tán xử lý thường vụ của sứ quán Mỹ đã tức tốc phóng xe ra phi cảng để bảo vệ công dân của mình. Cùng đi với công dân Mỹ này trong chuyến bay còn có mấy hành khách Việt Nam thứ

thiệt. Họ cũng bị lục soát, bị cướp tiền, nhưng họ không gọi điện về sứ quán. « Vô ích, họ nói với người đồng bào mang quốc tịch Mỹ, có khi còn mất tiền thêm, bởi vì mọi việc làm của sứ quán cho chúng tôi đều phải chi tiền, gọi là dịch vụ ».

Tại Berlin, bên cạnh sứ quán có cả một mạng lưới dịch vụ (người Việt ở đây gọi là đám "chân gỗ"). Không nên đến thẳng sứ quán làm gì cho mất thời giờ, cứ tìm đường dây dịch vụ mà làm, tốn tiền thật đấy, cơ mà nhanh, giá cả đã có giá làng, tùy thời kỳ, tùy hoàn cảnh có xê dịch chút ít. Đó là lời khuyên chân thành cho bất cứ ai còn mơ hồ về chức trách của sứ quán. Mua một hộ chiếu mới hết chừng 1 500 đến 2 000 DM. Đổi hộ chiếu do trái mục đích, tức là hộ chiếu đi lao động nay được nhà nước Đức cho ở lại cư trú, sang hộ chiếu phổ thông mất từ 600 đến 1 000 DM. Xin visa xuất nhập cảnh Việt Nam thì có thể đến thẳng sứ quán với giá 65 DM cho người được gọi là do sứ quán quản lý (những công nhân đi lao động xuất khẩu theo những hiệp định đã hết hiệu lực), và 125 DM cho Việt kiều (những người còn giữ quốc tịch Việt Nam nhưng đã có thể định cư). Muốn không phải chờ đợi, có việc gấp thì chạy "dịch vụ", visa sẽ có ngay, theo đúng câu "khách hàng là thượng đế".

« Sứ quán chẳng bao giờ bảo vệ người Việt Nam, nó chỉ tìm cách kiếm tiền ở người Việt Nam thôi ». Một cô thợ may Việt Nam đã hết hợp đồng lao động từ lâu, nhưng vẫn ở lại Đức kiếm việc làm, kết luận câu chuyện dài dòng về những mảnh khoé làm ăn của các nhân viên sứ quán mà cô trực tiếp biết được trong những lần lui tới để làm các giấy tờ cần thiết. Trong chung cư dành cho lao động Việt Nam từ thời còn các hiệp định về hợp tác lao động ở 105 phố Rhin khu Lichtenberg có tới 2 000 người Việt Nam ngụ cư, hợp pháp và bất hợp pháp. Hầu như họ đều có chung ý nghĩ với cô thợ may về sứ quán Việt Nam tại Berlin. Người ta còn kể rằng trước đây cảnh sát Đức bắt được cướp Việt Nam còn giao lại cho sứ quán, nhưng sau biết được rằng với một khoản hối lộ chúng lại được tự do cho nên nhà cầm quyền Đức không giao tội phạm Việt Nam cho sứ quán nữa.

Người Đức không đến nỗi quá dằn dặt để không biết bên dưới lá cờ đỏ sao vàng trong khu nhà có quy chế ngoại giao kia, các sứ thần Việt Nam làm những chuyện gì. Đã có những tờ báo Đức nói thẳng ra rằng trong sứ quán Việt Nam cũng có mafia. Chúng bán ra cho người Việt Nam đủ mọi loại giấy tờ thật mà rởm, từ đăng ký kết hôn, khai sinh, chứng nhận ly hôn cho tới cả... lệnh truy nã vì tội chính trị (dùng để xin tị nạn chính trị).

Cuộc mà cả ở chợ nô lệ

Những cuộc đàm phán còn đang diễn ra ở cấp nhà nước Việt-Đức về vấn đề hồi hương những người Việt nhập cư trái phép vào Đức. Thoạt đầu, phía Việt Nam không thừa nhận những người da vàng mũi tẹt nói tiếng Việt là công dân của mình, sau đó thì tuyên bố không có trách nhiệm đối với những công dân hư hỏng bỏ nước ra đi. Xin nhớ rằng vượt biên trái phép bị coi là tội trong bộ luật hình sự của nhà nước cộng sản Việt Nam. Nhưng nói là nói vậy thôi, chứ nhà chức trách Việt Nam đã đi guốc trong bụng nhà cầm quyền Đức rồi. Họ thừa hiểu người Đức muốn cắt cho nhanh cái bướu người Việt tị nạn trên lưng mình. Được thôi, tôi sẽ giúp anh cắt cái bướu đó, với điều kiện anh chi tiền ra. Phía Việt Nam

đưa ra đủ mọi điều kiện. Người Đức bấm bụng mà cả. Nghe đầu cuối cùng phía Việt Nam đã đồng ý nhận các công dân của mình về với cái giá 200 triệu DM, chia ra làm hai phần : 100 triệu cho năm 1995, 100 triệu cho năm 1996. Báo chí Đức la ó chửi bới những cuộc đàm phán kỳ cục này với những lời lẽ rất khó nghe. Bài toán của phía Việt Nam khá đơn giản : nếu người Đức trục xuất được 30 000 người tị nạn hoặc trộm trèm con số đó thì nhà nước Việt Nam sẽ kiếm được khoảng 6 000 đô Mỹ trên đầu người. Nhưng vì số người chịu trở về sẽ dưới con số đó nhiều cho nên tiền kiếm được trên đầu người sẽ còn cao hơn nữa. Cái dịch vụ người Việt hồi hương này chắc chắn sẽ làm giàu cho những nhà thầu nhận lo lắng công ăn việc làm cho người trở về. Họ sẽ là những "chân gỗ" đắc lực, tất nhiên. Rừng nào cộp ấy, không được một cái đường dây cao thể xuyên Việt màu mỡ thì cũng phải kiếm chác ở đám con đồ còm cõi kia vậy.

Thế là tôi mất toi một chuyến du ngoạn Berlin. Chẳng vui gì một chuyến đi khi trên các phương tiện di chuyển công cộng lúc nào cũng cảm thấy những cái nhìn giá lạnh, dĩ nhiên khinh thị không giấu giếm của dân bản địa hướng về phía mình. Nhưng đã đến đây chẳng lẽ lại không đi đâu. Đành dạo quanh vài vòng mấy khu phố sầm uất ở khu Tây, chụp mấy pô ảnh bên di tích bức tường Berlin, quảng trường Alexander và tháp truyền hình nổi tiếng bên khu Đông rồi quay về nhà bạn để chịu trận với cái tivi không ngừng lải nhải về mafia Việt Nam.

Biết đến bao giờ con cháu Lạc Hồng mới thôi phải cúi mặt mà đi nơi xứ người ? Biết đến bao giờ.

LY HƯƠNG

Voyages au Vietnam

15 jours : 12 500 F

Départs : 23.8.95, 27.10.95

13 jours : 11 950 F

Départ : 27.10.95

12 jours : 11 700 F

Départs : 2.9.95, 16.9.95

pension complète (hôtels 1ère catégorie), transports aériens (vols réguliers), assurances, soirées-spectacles...

Contactez :

Les AMIS du VIETNAM et de l'ASIE,

Association culturelle loi 1901

Agrément de Tourisme n°AG 075 95 0002

Spécialiste du Vietnam et de l'Indochine

Congrès, voyages d'études, circuits aventure, voyages culturels conçus sur mesure...

Siège : 2, Square de la Salamandre, 75002 PARIS

Tél : (1) 44 24 08 76

Fax : (1) 45 86 25 05